

Don Gündinga, *Rêve du miel à Walkumbimirri*, 1984

## mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

3 Sách mới

### Thời sự & những vấn đề

1 Bão Linda gây thiệt hại lớn

4 Tin tức

11 Vài suy nghĩ...

Lê Văn Cường

13 Giáo dục (đọc báo trong nước)

### Văn hóa & khoa học & nghệ thuật

15 Việt kiều : nhịp cầu....

David Lamb

18 Nơi sinh của điện ảnh Việt Nam

N.N.G.

19 Sổ tay

Kiến Văn

21 Dòng văn Nguyễn Huy (đọc sách) Nguyễn Thắng

Hàn Thuỷ

23 Tri thức bợm (đọc Sokal)

Vũ Quang Việt

25 Giải Nobel kinh tế 1997

Lê Đạt

26 Francophonie và thơ

Văn Ngọc

27 Tranh thổ dân châu Úc

N. Huy Thiệp

30 Tội ác và trừng phạt (truyện ngắn)

## Bão Linda tàn phá miền nam Nam Bộ

Một cơn bão lớn “chưa từng thấy từ 100 năm nay”, mang tên quốc tế Linda, đã đổ bộ vào vùng nam Nam Bộ ngày 2.11, gây thiệt hại khủng khiếp cho nông dân và nhất là ngư dân trong vùng. Theo những con số chính thức ngày 14.11 của Ủy ban quốc gia phòng chống lụt bão, người ta đã đếm được 464 người chết, 857 người bị thương, và ước lượng khoảng 3 200 ngư dân mất tích ngoài biển sau khi hơn 3 000 người khác được cứu thoát. Hai mươi hai chiếc tàu hải quân và tàu buôn Việt Nam đã được huy động tìm kiếm những người mất tích, nhất là chung quanh các đảo Nam Du, Phú Quốc và Côn Đảo, song cho tới ngày 18.11 hy vọng tìm được những người thoát nạn vô cùng mỏng manh. Tin từ phía Thái Lan và Campuchia cũng không cho thấy có người sống sót nào trôi dạt về bờ biển của hai nước láng giềng này.

Ngoài thiệt hại về nhân mạng, cơn bão đã phá huỷ gần 80 000 nhà ở của 16,5 triệu dân 12 tỉnh trong vùng, và làm hư hại hàng trăm ngàn ngôi nhà khác, kể cả hàng ngàn trường học, các tỉnh Cà Mau và Kiên Giang bị nặng nhất. Hơn 200 000 ha ruộng lúa và 160 000 ha đất trồng trọt các hoa màu khác bị thiệt hại nặng. Tổng thiệt hại vật chất được ước tính lên tới 400 triệu đôla.

Ngoài việc huy động những phương tiện trong nước để cứu trợ người bị nạn, ngày 7.11 chính phủ Việt Nam đã chính thức kêu gọi cộng đồng quốc tế giúp đỡ. Ngày 13.11, Liên đoàn quốc tế các hội đồng tháp tự đã kêu gọi quyên góp 4,64 triệu đôla cứu trợ các nạn nhân bị bão. Cùng ngày, Liên hiệp quốc cho biết đã huy động được từ các nước thành viên và các tổ chức phụ thuộc 1,9 triệu đôla, trong đó Hoa Kỳ góp 636 000 đôla, Thụy Sĩ 360 000 đôla, Hàn Quốc 100 000 đôla, Pháp 100 000 đôla... Viên trợ của Mỹ bao gồm 21 tấn trang bị vật chất như lều ỏ, quần áo, thuốc men, trị giá 460 000 đôla, đã được quân đội Mỹ chở ngay sang Việt Nam từ căn cứ Okinawa. Ngày hôm sau, Úc tuyên bố viện trợ 210 000 đôla, Trung Quốc 20 000 đôla, Nhật 300 000 đôla, Bỉ 800 000 đôla (trong cuộc hội đàm giữa thủ tướng Jean-Luc Dehaene và chủ tịch Trần Đức Lương trước khi khai mạc hội nghị Francophonie) v.v... (tin tổng hợp từ 2 đến 18.11.1997)

### Cứu trợ nạn nhân bão Linda

*Diễn Đàn* kêu gọi bạn đọc gửi tiền cứu trợ nạn nhân trận bão Linda. Xin gửi cheque, mandat, money order về tài khoản của bão, và xin ghi rõ : Linda.

dón đọc

# thời đại

tạp chí nghiên cứu & thảo luận

số 1 sẽ phát hành tháng 12-1997 với các bài :

- Trương Đình Hoè, *Văn học Kim Văn Kiều truyện*.  
Vĩnh Sính, *Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc 1924-1925*.  
Vũ Quang Việt, Đặng Thọ Xương, Nguyễn Văn Chỉnh và Nguyễn Sinh Cúc, *Kinh tế nông thôn Việt Nam sau đổi mới và viễn tượng tương lai*.  
Lê Văn Cường, *Một vài vấn đề kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi*.  
Nguyễn Huệ Chi, *Đọc "Việt Nam Phật giáo sử luận"*.  
Bùi Mộng Hùng, *Hệ y tế Việt nam trước thử thách của thực tại : liên tục và gián đoạn*.  
Trần Văn Khê : *Nét nhạc dân tộc trong những sáng tác của Lưu Hữu Phước*.  
Bùi Trọng Liêu : *Làng xưa*.

#### Ban chủ biên lâm thời :

Lê Thành Khôi, Lê Văn Cường, Trần Hải Hạc

**Địa chỉ liên lạc :** Lê Văn Cường, Editeur Revue THỜI ĐẠI, CEPREMAP, 142 rue Chevaleret, 75013 Paris, FRANCE.  
Fax : Lê Văn Cường, Revue THỜI ĐẠI, 33 1 44 24 38 57  
E-mail : levan@cepremap.msh-paris.fr  
Mua dài hạn : 180 FF (4 số) / giá bán mỗi số : 50 FF (ngân phiếu đề tên LE VAN, gửi về địa chỉ trên).

## MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30  
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30  
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00

Métro : Réaumur-Sébastopol

#### Programme de Décembre 1997

##### EXPOSITIONS

###### ARTS PLASTIQUES : Cadavre exquis

exposition de peinture de Hans van Betem, Rienke Enghardt (Pays-Bas), Jian Ren Zhao, Ji Hong Zhang (Chine), Truong Tan, Trần Trọng Vu (Vietnam)

Artistes invités : Ha Tri Hiếu, Pham Quang Vinh, Hồng Việt Dũng, Việt Hai et Trần Luong (Vietnam)  
du 6 décembre 1997 au 3 janvier 1998

vernissage : le samedi 6 décembre à partir de 18 h.

###### ARTS ARTISANNAUX : Objets d'art du Vietnam

Objets du quotidien de céramique, de laque, de corne...

##### JOURNAL

L'association *Dix mille printemps* (Van Xuân) fête sa naissance et la sortie de sa revue Cyclo  
Jeudi 4 décembre à partir de 19h.

##### COURS

Cours de langues et de civilisation : chinois, vietnamien, japonais, indonésien et thaïlandais, plusieurs niveaux, en permanence (Frais de scolarité : 500 F/trimestre)  
Cours de dessin, de peinture et de musique traditionnelle

## Bạn đọc và Diễn đàn

#### Tại sao lại từ bỏ các giá trị châu Á ?

Tôi thấy bài Pháp ngôn : bên kia bờ huyền thoại đăng trên số 68 vừa rồi rất hay, đặt đúng vấn đề và có chiều sâu. Tôi đã sao chụp và chuyển cho mấy người bạn, ai cũng tán thưởng. Về các luận điểm của tác giả, có thể nói là tôi đồng ý với hầu hết, ngoại trừ một điểm : coi các giá trị châu Á là chuyện "tào lao" (chữ của tác giả).

Đồng ý là chúng ta phải tiếp thu những giá trị của Âu Tây, song phương Đông, châu Á cũng có những giá trị mà ngày nay không ít người phương Tây cũng quý trọng.

P. V. Thông (Roma, Ý)

Chúng tôi đồng ý với kết luận của bạn. Hai chữ tào lao mà tôi dùng không phải để chỉ định các giá trị châu Á, mà chỉ định những cái mà các ông Lý Quang Diệu và Mahathir Muhamad gọi là giá trị châu Á. Có dịp, chúng tôi sẽ phân tích cặn kẽ các luận điểm của họ. Ở đây, chỉ xin nói vắn tắt : họ chưa hề nói rõ đối với họ, giá trị châu Á là gì, chỉ đưa ra những công thức chung chung như "quyền lợi cộng đồng cao hơn quyền lợi cá nhân". Thực ra, diễn văn của họ hoàn toàn tiêu cực, nhằm mục đích bác bỏ quan điểm của chính quyền các nước phương Tây. Một chi tiết ý nghĩa : trước khi viện dẫn đạo Khổng như một giá trị châu Á, ông Lý Quang Diệu đã mời dòng Tên (Jésuites) tới Singapore mở trường đại học và xây dựng một quan điểm đạo lý. Sau khi các linh mục dòng Tên sáng suốt từ chối, ông Lý mới nghĩ tới Khổng giáo và giá trị châu Á.

Nói như vậy không có nghĩa là kinh nghiệm của Singapore, Malaysia không có gì đáng để chúng ta học hỏi, ngược lại.

Trở lại những giá trị văn hoá và tinh thần của phương Đông và của châu Á, chúng tôi cho rằng chúng ta phải kế thừa bằng cách phát huy chúng. Song, sự phát huy các giá trị châu Á, và cao vọng hơn, sự kết hợp văn hoá Đông Tây, theo ý chúng tôi, phải tiến hành theo phương pháp khoa học (khoa học là di sản chung của nhân loại, chứ không phải của riêng phương Tây). Bằng không nó chỉ là một món *tả pí lù*, hay nói như Nguyễn Huy Thiệp, một *món nộm suồng sã*.

N.N.G.

## N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

#### SPECIALISTE VARILUX

Remise 20% : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50% et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27  
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

# sách mới sách mới sách mới

■ NHÃ CA, *Les canons tonnent la nuit*, roman traduit du vietnamien par Liêu Truong, Ed. Philippe Picquier, 1997, 150 tr, 115 FF. Đây là bản dịch cuốn tiểu thuyết *Đêm nghe tiếng đại bác* của Nhã Ca (1965), một trong những cây bút nữ nổi bật trên văn đàn Sài Gòn trước 1975. Có lẽ cũng là tác phẩm đầu tiên của nền văn học miền Nam được dịch ra tiếng Pháp, ít nhất trong Tủ sách Việt Nam do Phan Huy Đường chủ biên tại nhà xuất bản Philippe Picquier.

■ BÙI MINH QUỐC, *En un instant, une vie*, Nouvelles traduites du vietnamien par Phan Huy Duong, Ed. Philippe Picquier, 1997, 132 tr, 89 FF. Gồm các truyện ngắn *Đêm trên thác Bờm Nguя ; Giấc chiêm bao cuối cùng ; Chiều buốt gió ; Nước chảy qua cầu ; Một lúc một đời ; Người cha ; Cô thợ nề thuở ấy ; Dạ tiệc trong rừng ; Bà ; May rủi*.

■ *Le livre noir du communisme / Crimes, terreur, répression*, Ed. Robert Laffont, 1997, 846 tr, 189 FF. Phát hành đúng dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Mười Nga, cuốn sách này trở thành cái cớ cho cuộc đấu đá chính trị tẩy hủ ở Pháp. Bản thân cuốn sách cũng có phần câu khách : đặc biệt là phần mở đầu của Stéphane Courtois, với ý đồ đặt cho được chỉ tiêu 100 triệu nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản, y như người ta chạy đua chỉ tiêu kế hoạch 5 năm thuỷ sinh thời chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chính điều này đã dẫn tới bất đồng nghiêm trọng giữa 6 tác giả, đặc biệt giữa S. Courtois và hai nhà sử học Nicolas Werth và Jean-Louis Margolin. Bỏ qua phần mở đầu, nên coi *Sách đen...* như tập hợp nhiều cuốn sách khác nhau. Giá trị nhất là phần đầu (tr.43-295) của Nicolas Werth viết về Liên Xô, với những cứ liệu chính xác và phương pháp nghiêm túc. Phần về Trung Quốc và Campuchia của J.L. Margolin cũng khá nghiêm chỉnh. Phần về Việt Nam (cùng tác giả) kém, chủ yếu vì thiếu tài liệu, và dùng cả những tài liệu thiếu giá trị. Chúng tôi sẽ trả lại cuốn sách này. K.V.

## bTHÔNG BÁO

Do yêu cầu của công việc chủ biên tạp chí THỜI ĐẠI, từ nay Trần Hải Hạc và Lê Văn Cường rút khỏi ban chủ biên Diễn Đàn.

Trong phiên họp đầu tháng 11.1997, ban biên tập Diễn Đàn đã bổ sung ban chủ biên như trong khung dưới đây.

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đỗ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,

Đặng Tiến, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo** : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, tờ soạn sẽ gửi hóa đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp, kể cả các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM : 250 FF ; châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada xin gửi money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Úc : money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,

1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : № 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

# Tin tức Tin tức

## Hội nghị Pháp ngôn...

Một Trung tâm hội nghị quốc tế với những trang thiết bị hiện đại đủ sức đón tiếp một hội nghị gồm hàng chục nước tham dự ở cấp nguyên thủ quốc gia, sẵn sàng cho Hội nghị thượng đỉnh các nước ASEAN vào năm tới. Một nhà hát lớn được đại trùng tu 5 năm trước khi tròn trăm tuổi (100% vốn nhà nước Việt Nam, kiến trúc sư là Việt kiều ở Pháp), lấy lại nét hào hoa, rực rỡ của thời son trẻ sau bao nhiêu năm tháng hao mòn vì chẳng được ai chăm sóc. Hàng chục đường phố chính được lát lại vỉa hè, nhà cửa sơn phết mới... Cộng với kinh nghiệm quý báu về việc tổ chức, lần đầu tiên và thành công, một hội nghị quốc tế cấp cao. Chưa kể hình ảnh mới trước mắt thế giới về một quốc gia năng động, có quan hệ với 165 nước trên toàn cầu, và quan hệ hữu hảo với một số nước có vị trí quan trọng trên chính trường quốc tế, thay vì hình ảnh co cụm của chỉ hòn mồi năm trước... Hà Nội và nhà nước Việt Nam quả đã gặt hái không ít thành quả có ý nghĩa trong việc tổ chức Hội nghị cấp cao "Cộng đồng các nước cùng chia sẻ tiếng Pháp" (Francophonie) lần thứ 7, ba ngày 14-16.11 vừa qua.

Thay mặt nước chủ nhà, chủ tịch Trần Đức Lương trong bài diễn văn khai mạc hội nghị đã kêu gọi các nước trong Cộng đồng nâng mức hợp tác về kinh tế, thương mại và khoa học kỹ thuật lên ngang hàng với hợp tác về văn hoá. Ông Lương cũng tỏ ý mong mỏi rằng Cộng đồng sẽ mở ra nhiều hoạt động hợp tác Bắc - Nam, Nam - Nam, trong tinh thần đoàn kết và tương trợ những nước ít được ưu đãi. Tổng thống Pháp Jacques Chirac, thủ tướng Canada Jean Chrétien, tổng thống Bénin Mathieu Kérékou, đương kim chủ tịch Cộng đồng, tổng thống Denis Sassou Nguesso, người hùng mới của Congo, và nhiều tổng thống, thủ tướng khác của 48 trên tổng số 49 nước hoặc vùng địa lý thành viên của Cộng đồng đã có mặt ở hội nghị, cùng với đại diện của một vài nước khác, của tổng thư ký Liên hiệp quốc v.v... Ngược lại, tổng thống Laurent Kabila của Cộng hòa dân chủ Congo, tức Zaïre cũ, người vừa thắng thế cõi tổng thống Mobutu trong cuộc nội chiến tàn khốc ở nước châu Phi nhiều tiềm năng này, đã tuyên bố rút ra khỏi Cộng đồng, để phản đối thái độ của nước Pháp đã ủng hộ Mobutu cho tới nước chót.

Mặc dầu hợp tác kinh tế đã được chọn làm chủ đề chính của hội nghị, chủ yếu là để tránh né những vấn đề chính trị tế nhị của một Cộng đồng còn mang nặng mối quan hệ thống trị của nước Pháp đối với đa số thành viên là các nước châu Phi cựu thuộc địa, một số vấn đề thời sự đã được đề cập tới trong và bên lề hội nghị. Tổng thống Pháp đã nhắc lại yêu cầu "khẩn cấp" đẩy mạnh công tác đưa tiếng Pháp lên lưới Internet và cam kết Pháp sẽ tài trợ 20 triệu FF cho quỹ hoạt động về xa lộ thông tin được thành lập hồi tháng 5.1997 tại Montréal, trong cuộc đấu tranh chống lại "nguy cơ có một

thế giới trong đó người ta nói nồng, suy nghĩ, sáng tạo theo một khuôn duy nhất". Thủ tướng Canada tập trung sức cho việc thuyết phục các thành viên hội nghị tham gia ký kết Hiệp ước quốc tế chống mìn cá nhân, Hiệp ước sẽ được đưa ra ký kết tại thủ đô Ottawa vào tháng tới. Một câu trong Chương trình hành động được hội nghị thông qua đã nói lên mối quan tâm của các nước thành viên đối với việc sử dụng mìn cá nhân trên thế giới, song, theo một thông tin của tổ chức Human Rights Watch/Asia, Việt Nam và 6 nước khác trong Cộng đồng Francophonie đã bỏ ý không hoặc chưa muốn ký vào Hiệp ước (Việt Nam đưa ra lý do là để bảo vệ biên giới, và theo ông Chrétien " họ không có ý đồ xuất cảng mìn "). Những tổ chức hoạt động nhân quyền dĩ nhiên cũng đã không thể bỏ qua một diễn đàn lớn như hội nghị Francophonie, nhất là khi ngôn ngữ được bảo vệ ở đây chính là ngôn ngữ của "thế kỷ Ánh sáng", của bản Tuyên ngôn quyền con người và công dân 1789 cũng như của bản Tuyên ngôn quyền con người được thông qua tại Liên hiệp quốc năm 1948. Song, bên trong hội nghị, người ta không ghi nhận được bao nhiêu lời phát biểu cổ vũ những tiến bộ đạt được trên địa hạt này, hoặc những đề nghị hoạt động chung để lôi kéo các quốc gia ù lỳ mở ra những cải tổ chính trị cần thiết...

"Vấn đề chính trị" của hội nghị là việc cử ông Boutros Boutros-Ghali, cựu tổng thư ký Liên hiệp quốc, làm tổng thư ký Cộng đồng, một chức vụ mới được thành lập. Nhiều nước châu Phi đã công khai tỏ ý bất mãn là những ứng cử viên của họ, như cựu tổng thống Bénin Emile Zinsou, đã phải rút lui trước hội nghị, vì áp lực của Pháp... Tại cuộc họp báo sau hội nghị, người ta cũng ghi nhận một số bất đồng khác giữa các nước thành viên, như giữa Pháp và Canada về yêu cầu can thiệp của Cộng đồng tại một số nước có khủng hoảng nghiêm trọng, giữa Pháp và Việt Nam trong vấn đề Iraq v.v...

Hội nghị đã quyết định kỳ họp cấp cao lần tới sẽ được tổ

## TỰ DO cho ĐOÀN VIẾT HOẠT

Nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngôn họp tại Hà Nội, Hội các *Phóng viên không biên giới* (Reporters sans frontières) đã vận động đòi trả tự do cho tù nhân chính trị ở 16 nước thành viên, đặc biệt là cho ông Đoàn Viết Hoạt và 4 nhà báo Việt Nam khác. Đó là một nghĩa cử mà mọi người thiết tha với tự do báo chí và nhân quyền đều tán thành và ủng hộ.

Tiếc rằng cuộc vận động ấy lại được sự tham gia của Patrick Poivre d'Arvor, vedet của đài truyền hình tư nhân Pháp TF1. PPDA là người đã bị tuyên án vì lợi dụng nghề nghiệp để ăn tiền của đại bopper Botton, và bị giới đồng nghiệp chê trách vì đã nguy tạo một cuộc phỏng vấn Fidel Castro.

Tội cho ông Đoàn Viết Hoạt bị kết án tù đến năm 2005 chưa đủ, còn bị thêm sự hỗ trợ của loại nhân vật cồng kềnh ấy. Thêm một lý do để mọi người thiện chí tiếp tục lên tiếng đòi tự do cho ông và các tù nhân chính trị ở Việt Nam.

Phong Trần

chức vào năm 1999 tại Moncton, thuộc bang New Brunswick, Canada.

## **... và chuyến đi thăm Việt Nam của tổng thống Chirac**

Trước hội nghị, tổng thống Chirac đã đến thăm chính thức Việt Nam trong hai ngày 12 và 13.11.1997. Cùng đi với ông, ngoài bộ trưởng ngoại giao Hubert Védrine và nhiều quan chức trong chính phủ, còn có khoảng 20 nhà lãnh đạo nhiều doanh nghiệp lớn của Pháp. Như vậy là chỉ trong vòng 4 năm, hai tổng thống Pháp đã đi thăm Việt Nam, chứng minh ý chí của Pháp muốn tăng cường quan hệ với vùng đất này, và qua đó, với các nước châu Á mà sự tăng trưởng kinh tế làm thèm thuồng các nhà lãnh đạo châu Âu, mặc dù những biến động gần đây trên các thị trường chứng khoán. Tại Thành phố HCM ngày 13.11, Jacques Chirac đã không ngần ngại tuyên bố rằng, theo ông những biến động ấy chỉ là những “rắc rối dọc đường”, liên quan tới những điểm yếu cần được cải tổ trong cơ cấu ngân hàng, tài chính của các nước.

Đặt chân tới Hà Nội ngày hôm trước, tổng thống Pháp đã được tân chủ tịch Trần Đức Lương tiếp đón, và đã hội đàm với ba nhân vật chính trong bộ máy lãnh đạo Việt Nam, các ông Trần Đức Lương, Phan Văn Khải và Đỗ Mười. Gặp nhau báo sau các buổi hội đàm, ông tỏ ý “*mừng về sự tin cậy lẫn nhau*” được thiết lập giữa hai nước, cho phép “*những đối thoại dễ dàng, tự nhiên hơn trước nhiều*”. Ông cũng cho biết ông và ngoại trưởng Hubert Védrine cũng đã nói lên quan tâm của Pháp về một số vấn đề nhân quyền, tuy rằng, theo ông, đây là những vấn đề tế nhị, làm rùm beng chẳng có hiệu quả gì. Ngoại trưởng Védrine đã trao cho phía Việt Nam một danh sách 40 tù nhân chính trị mà Pháp mong Việt Nam giải quyết.

Tổng thống Pháp đã dành nhiều thì giờ hơn để nói về khía cạnh kinh tế trong chuyến đi. Ông tuyên bố “*thán phục và ủng hộ những cải tổ đã được thực hiện ở Việt Nam*” và đã nhấn mạnh với các nhà lãnh đạo Việt Nam về những yêu cầu cải thiện môi trường kinh tế dành cho các nhà đầu tư nước ngoài. Tại Hà Nội, Jacques Chirac đã dự lễ ký kết 3 hợp đồng kinh tế trị giá khoảng 4,4 tỷ quan Pháp (710 triệu đôla), tăng gấp đôi đầu tư của Pháp vào Việt Nam : một hợp đồng với France Telecom trị giá 470 triệu đôla, để thiết lập 540 000 đường điện thoại ở thành phố HCM ; một với công ty Suez-Lyonnaise des Eaux, trị giá 110 triệu đôla, nhằm xây dựng một nhà máy sản xuất nước cho thành phố HCM ; và một với công ty FCB, với 130 triệu đôla, nhằm mở rộng nhà máy xi măng Hoàng Mai. Ngoài ra, một nghị định thư tài chính 310 triệu FF nhằm bảo hiểm tài chính cho các doanh nghiệp Pháp ở Việt Nam, một thỏa ước tín dụng giữa Quỹ phát triển Pháp (Caisse Française de Développement) dành cho nhà máy đường Quảng Ngãi (110 triệu FF) và một dự án phát triển giống cà phê Arabica ở phía bắc Việt Nam (212 triệu đôla) cũng đã được ký kết.

Tổng thống Pháp cũng đã khánh thành Viện bảo tàng dân tộc học Việt Nam, một công trình hợp tác dài hơi giữa Trung tâm quốc gia Khoa học xã hội Việt Nam và Viện bảo tàng

nhân chủng (Musée de l'Homme) của Pháp. Dự lễ khánh thành, về phía Việt Nam có đại tướng Võ Nguyên Giáp và bà Nguyễn Thị Bình. Đặc nhất ở Đông Nam Á, viện bảo tàng dân tộc học trưng bày những hình ảnh, y phục cổ truyền và vật dụng trong đời sống hàng ngày của 54 dân tộc cùng sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Ngoài ra, nhân danh tổng thống, thống chế Jean-Luc Delaunay đã cùng đi với một sĩ quan cao cấp Việt Nam lên Điện Biên Phủ để đặt hai vòng hoa, một trước đài tử sĩ Pháp và một trước đài tử sĩ Việt Nam. (AFP, Reuters... từ 11 đến 16.11.1997)

## **Biểu tình công giáo ở Đồng Nai**

Theo tin AFP từ Hà Nội, một cuộc biểu tình quy tụ hàng ngàn nông dân công giáo đã diễn ra trong huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cuối tuần 8 và 9.11.1997, dẫn đến đụng độ với cảnh sát làm bị thương 4 người biểu tình và một cảnh sát viên. Những người biểu tình đã đốt nhà của một uỷ viên Mặt trận Tổ quốc phụ trách tôn giáo. Một nhân viên trong uỷ ban nhân dân quận, trả lời phóng viên AFP, cho biết những người biểu tình đã tập hợp để phản đối tham nhũng và việc chính quyền địa phương trưng thu đất của nhà thờ để xây trường học và cơ quan. Vẫn theo AFP, một giáo dân cho biết da số người biểu tình là phụ nữ, và họ đòi chính quyền trả lại đất cho địa hạt công giáo Trà Cổ.

Ngày thứ tư 12.11, một người phát ngôn của bộ ngoại giao Hà Nội đã thừa nhận có biểu tình đụng độ với cảnh sát, “*vì tranh chấp đất đai ở địa phương*”, nhưng không công nhận là sự việc “*có liên quan tới vấn đề tôn giáo*”. Theo người phát ngôn, tình hình đã trở lại bình thường. Tuy nhiên, theo nguồn tin khác, khoảng ba chục phụ nữ tiếp tục ngồi lỳ trước trụ sở uỷ ban nhân dân huyện Thống Nhất để đòi trả đất cho nhà thờ. (AFP 10-12.11.1997)

## **Kim Phúc được cử làm đại sứ UNESCO**

Bà Phan Thị Kim Phúc, hiện sống cùng chồng và hai con tại Toronto, Canada, đã được cử làm đại sứ thiện chí của Unesco, tổ chức Liên hiệp quốc về văn hoá, giáo dục và khoa học. Kim Phúc, năm nay 34 tuổi, là em bé bị bom napalm Mỹ đốt cháy, chạy trốn truồng trên đường phố Trảng Bàng năm 1972, mà hình ảnh đã đi khắp thế giới như một biểu tượng ghê rợn của chiến tranh. Tác giả tấm ảnh là Nick Ut, phóng viên hãng thông tấn AP, đã được giải thưởng Pulitzer, giải thưởng cao nhất về văn học, nghệ thuật của Mỹ. Kim Phúc sau đó đã được đưa vào bệnh viện Sài Gòn nằm điều trị 14 tháng trời, chịu 17 lần mổ ghép da và nhiều cuộc giải phẫu khác.

Từ Toronto, Kim Phúc vừa thành lập một tổ chức mang tên mình, nhằm hoạt động cứu trợ các trẻ em nạn nhân chiến tranh trên thế giới. Bà đã nhận danh hiệu đại sứ thiện chí từ tay ông Federico Mayor, tổng giám đốc của Unesco, ngày 10.11.1997 tại Paris, nhân dịp đại hội đồng của tổ chức. Phát biểu trong buổi lễ, trước mặt đại biểu của 185 nước thành viên, bà tân đại sứ nhấn mạnh bà “*đã chịu rất nhiều đau đớn về thể xác và tinh thần, nhưng cũng đã được rất nhiều người chăm sóc*”, và do đó, bà cũng muốn đáp lại, “*góp phần giúp*

*người khác hận gán những vết thương của hận thù, mang lại hạnh phúc". Về phần mình, Kim Phúc " tha thứ, nhưng không quên", và hứa sẽ " đi cùng khắp thế giới để vận động cho hoà bình và chia sẻ kinh nghiệm sống với người khác".* (AFP, AP 10.11.1997)

## Lại một chỉ thị về công tác báo chí

Ngày 17.10.1997, bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam đã ra " chỉ thị số 22-CT/TU, về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản ". Báo Lao Động số ra ngày 25.10 đã đăng nhiều đoạn (hầu hết?) của văn kiện.

Sau những nhận định quen thuộc về " sự nghiệp đổi mới ", về " ổn định chính trị ", " bầu không khí dân chủ trong xã hội ", và không tránh khỏi về các " âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch ", bản chỉ thị đã nêu lên những điểm ban lãnh đạo đảng không vừa ý trong thời gian qua về " công tác báo chí, xuất bản " : " bị khuynh hướng thương mại và cơ chế thị trường chi phối... chạy theo thị hiếu tầm thường ", " có trường hợp phủ nhận truyền thống và thành tựu cách mạng, có những vụ việc thông tin thiếu chính xác, thiếu khách quan, gây nhiễu thông tin, làm lộ bí mật quốc gia..." .

Sau khi nhắc lại nguyên tắc " Báo chí - xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, sự quản lý của nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật ", và những yêu cầu về " tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng ", và tất nhiên yêu cầu " giúp cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có thông tin kịp thời, đúng đắn về tình hình đất nước ", bản chỉ thị viết về " một số nhiệm vụ quan trọng " cần được thực hiện :

" Trên dự kiến quy hoạch tổng thể báo chí - xuất bản đến năm 2000 và những năm tiếp theo, kiểm tra, xem xét cụ thể và chấn chỉnh kịp thời theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác báo chí - xuất bản, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân trong thời kỳ mới, không để xảy ra tình trạng tự phát (ĐĐ nhấn mạnh). Trước mắt, cần phối hợp chặt chẽ, rà soát, chấm dứt tình trạng in ấn sách, báo, số phụ, số chuyên đề, sách dịch từ tiếng nước ngoài (ĐĐ nhấn mạnh), sản xuất băng đĩa có nội dung xấu. Thu hồi giấy phép đối với các ấn phẩm thực hiện không đúng luật pháp, sai tôn chỉ mục đích, không đúng với đối tượng. Chấn chỉnh ngay tình trạng khoán trắng báo chí - xuất bản tư nhân trái hình. Việc cấp giấy phép cho ra báo, tạp chí, nhà xuất bản, ra số phụ, tăng trang, tăng kỳ, thêm chương trình quan trọng, kênh phát thanh, truyền hình mới... và thu hồi giấy phép đều phải tuân theo luật pháp, có sự thống nhất giữa cơ quan chức năng của đảng và nhà nước ".

Sau cùng, bản chỉ thị giao cho " các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo báo chí - xuất bản của cấp mình, ngành mình, đơn vị mình ".

⇒ Có cần nhấn mạnh rằng, như vậy, người sẽ đánh giá những điều cần chấn chỉnh, rà soát các sai phạm về tôn chỉ mục đích... của các tờ báo, nhà xuất bản, không phải là những người đọc báo hoặc sách, thậm chí cũng không phải là các tổng biên tập, giám đốc của các tờ báo, nhà xuất bản đó, mà là " cấp uỷ, chính quyền, cơ quan

chủ quản " ? Và hẳn nhiên, những nhà báo, người chịu xuất bản sách... không nên trông cậy cho lắm vào sự che chở của một toà án độc lập nào, hoặc của ai khác ngoài cấp ủy trực tiếp của mình, khi xảy ra tranh cãi tại sao đưa thông tin này, xuất bản cuốn sách kia...

Những quyền phán xét tuỳ tiện mà Sở kiểm duyệt thời thực dân có sống lại cũng không thể mở tội, tưởng đã đi vào quá khứ, lại một lần nữa được đảng chính thức giao cho những đại diện của mình ở mọi cấp, ngang nhiên khẳng định sự độc chiếm quyền ăn nói trên đất nước, tước bỏ mọi tự do ngôn luận của người dân.

Một sự khẳng định đi ngược lại mọi lời tuyên bố về ý chí cải tổ xã hội, về dân chủ hoá (kể cả về kinh tế, đúng nói chính trị). (H.V)

## 138 sân bay...

Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký nghị định thông qua kế hoạch tổng thể về việc phát triển hệ thống sân bay toàn quốc. Theo nghị định, hệ thống này phải đáp ứng các yêu cầu kinh tế, quốc phòng ở mỗi giai đoạn phát triển và phải phục vụ hữu hiệu sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Theo kế hoạch, cả nước sẽ có 138 sân bay, trong đó có 11 sân bay hạng A và 29 hạng B, theo tiêu chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO). Kế hoạch đòi hỏi đầu tư khoảng 5,75 tỉ đôla từ nay đến năm 2010, trong đó khoảng 1,6 tỉ cho những dự án cần hoàn thành vào đầu thế kỷ. Phần đầu tư cho hạ tầng cơ sở dự trù được lấy từ ngân sách nhà nước, những phần khác sẽ do vay mượn hoặc thông qua hình thức hợp doanh. Ưu tiên sẽ được dành cho việc nâng cấp các sân bay Nội Bài và Cát Bi ở phía bắc, Đà Nẵng và Chu Lai ở trung bộ và Tân Sơn Nhứt, Long Thành trong nam.

Theo Tổng cục hàng không dân dụng, dự án mở rộng sân bay Nội Bài cần khoảng 65 triệu đôla, và tổng cục đã được chính phủ cho biết phải tự kiềm lấy nguồn đầu tư. (VNA 4.11, AP 11.11.1997)

## Kinh tế 1997 : những nhận định bất nhất

Phiên họp thường kỳ mới nhất của chính phủ Hà Nội, tháng 10 vừa qua, đưa ra nhận định : " Năm 1997, tình hình kinh tế nước ta tiếp tục đà phát triển. Tổng sản phẩm quốc nội GDP ước tính tăng 9 % ". Đồng thời, chính phủ lại đánh giá : " Gần đây có nhiều biểu hiện không thuận, nhịp độ phát triển chậm, thậm chí có những mặt giảm sút ". Nông nghiệp tuy được mùa, nhưng tiêu thụ không ổn định, giá có lúc, có nơi xuống thấp. Sản xuất công nghiệp chững lại ở một số ngành, địa phương, kể cả ở các khu trung tâm công nghiệp lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Các sản phẩm thiếu sức cạnh tranh, tiêu thụ chậm, hàng nhập lậu vẫn còn tràn lan. Một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, tỷ lệ làm ăn thua lỗ có xu hướng tăng. Xuất nhập khẩu đều có biểu hiện không thuận. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có chiều hướng chậm lại, tâm lý dè dặt, chờ đợi của các nhà đầu tư nước ngoài là trở ngại cho việc thu hút vốn nước ngoài. Tệ tham nhũng, làm ăn phi pháp chưa được đẩy lùi...

Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, các chỉ tiêu kinh tế đều không đạt mức dự kiến đầu năm, mà còn thấp hơn mức của những năm gần đây. GDP chỉ tăng 12,1 % (dự kiến là 15 %), công nghiệp tăng 13,8 % (dự kiến 17,5 %), xuất khẩu tăng

16,2 % (dự kiến 30 %), đầu tư tăng 20 % (dự kiến 42 %) ... Chính bộ trưởng kế hoạch-dầu tư Trần Xuân Giá cũng phải nêu câu hỏi : “ Thành phố Hồ Chí Minh, với vai trò thành phố trung tâm, mà có mức tăng trưởng thấp như vậy, làm sao không ảnh hưởng đến tăng trưởng chung của cả nước ? ” (Thời báo kinh tế Sài Gòn 23.10 ; Tuổi Trẻ 23 và 30.10.97)

### **Đầu tư 1998 : cắt giảm 9 % ngân sách**

Cuối tháng 10 vừa qua thủ tướng Phan Văn Khải cho biết ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước sẽ bị cắt bớt đến 9 % so với năm 1997 do nguồn thu thuế giảm. Không kể các dự án lớn về hạ tầng cơ sở, nhà nước đang đầu tư cho khoảng 4000 dự án. Theo thủ tướng, tất cả đều phải rà soát lại và bộ kế hoạch-dầu tư đã bắt đầu làm việc này.

Ông Phan Văn Khải cũng cho biết những quyết sách về điều chỉnh đầu tư của chính phủ sẽ được giới thiệu ở kỳ họp quốc hội ngày 22.11. Ông cho rằng : “ Không được để đồng vốn đầu tư rơi vào tình trạng như gió vào nhà trống. Yếu tố hàng đầu và mấu chốt nhất hiện nay là hiệu quả đồng vốn ”. Điều này có nghĩa rằng chính phủ không những điều chỉnh qui mô mà còn phải tính lại cả cơ cấu đầu tư. Trong tình hình chung tăng trưởng chậm lại trong khu vực Đông Nam Á, hẳn là Việt Nam không tránh khỏi việc điều chỉnh lại chiến lược đầu tư của mình. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 23.10 ; Tuổi Trẻ chủ nhật 2.11.97)

### **Xuất khẩu : giảm 500 triệu đô la do khủng hoảng tiền tệ khu vực**

Theo thứ trưởng thương mại Mai Văn Dậu, đồng tiền của một số nước khu vực Đông Nam Á mất giá đã làm cho Việt Nam thiệt hại 350 triệu đô la do xuất khẩu giảm. Ông ước đoán, thiệt hại cho xuất khẩu của Việt Nam tính đến cuối năm 1997 có thể lên đến 500 triệu đô la. Mật hàng xuất khẩu vào các nước ASEAN bị ảnh hưởng nặng nề nhất là đậu phộng. Các sản phẩm vật liệu xây dựng cũng giảm sút đáng kể.

Tuy nhiên, việc xuất khẩu gạo và cà phê, hai mặt hàng chủ lực của Việt Nam, chưa bị ảnh hưởng. Lý do chính là trên thị trường gạo, Thái Lan, do không được mùa, giảm xuất khẩu khoảng 300 000 tấn so với năm 1996. Còn đối với mặt hàng cà-phê thì Indonesia bị mất mùa, sản lượng giảm sút đến 40 %. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 30.10.97)

### **Công ty lương thực TPHCM : hai án chung thân**

Cuối tháng 10 vừa qua, toà án Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử vụ án “ hối lộ và cố ý làm trái các qui định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng ”, mà các bị cáo là những cán bộ trách nhiệm của Công ty lương thực TPHCM, trừ giám đốc Ba Thi Nguyễn Thị Ráo : đó là bà Trần Thu Hồng (trạm trưởng của Công ty lương thực kiêm giám đốc xí nghiệp EDC 1 thuộc Công ty phát triển kinh tế Côn Đảo, cộng tác viên thân tín của bà Ba Thi), ông Nguyễn Văn Quang (trưởng ban nghiên cứu tổng hợp công ty, trước là rể của bà Ba Thi), bà Lê Thị Ngọc Dung (kế toán trưởng công ty). Phiên tòa sơ thẩm đã tuyên bố hai bản án tù chung thân đối với bà Trần Thu Hồng về tội đưa hối lộ và đối với ông Nguyễn Văn Quang về tội nhận hối lộ ; cũng về tội nhận

hối lộ, bà Lê Thị Ngọc Dung bị phạt 3 năm tù. Toà án còn buộc bà Hồng phải bồi thường 2,5 tỷ đồng cho Công ty lương thực TPHCM, còn ông Quang và bà Dung thì phải nộp lại số tiền đã nhận hối lộ và nộp tiền phạt một lần trị giá tiền phạm pháp.

Theo cáo trạng, bà Trần Thu Hồng đã hối lộ ông Nguyễn Văn Quang 647 triệu đồng, 3500 đô la và 5 lượng vàng. Bà Lê Thị Ngọc Dung nhận hối lộ 30 lượng vàng và 500 đô la. Bà Trần Thu Hồng còn khai đã chi 220 triệu đồng và 50 000 đô la cho bà Ba Thi và 68,5 triệu đồng cho bà Nguyễn Hồng Thảo, con gái của bà Ba Thi và vợ trước đây của ông Nguyễn Văn Quang. Tuy nhiên, theo cáo trạng, “ không có cơ sở để kết luận việc Trần Thu Hồng đưa tiền cho những người này trên là có thực vì Hồng thực hiện việc này một mình, trong khi những người Trần Thu Hồng khai nhận tiền của Hồng thì lại bác bỏ ”(!). Trước tòa án, nhắc lại lời khai cáo buộc liên quan đến bà Ba Thi và cô con gái, bà Trần Thu Hồng luôn mở đầu câu nói : “ xin lỗi cô Ba, cho con nhắc lại chuyện này ... ” mặc dù “ cô Ba ” không có tại toà.

Thế “ bất khả xâm phạm ” của bà Ba Thi (đối với lãnh đạo đảng cộng sản, bà là người đã cứu đói Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn đen tối cuối những năm 70, đầu những năm 80) giải thích vì sao vụ án trên đây kéo dài đã hơn 6 năm : năm 1991, cơ quan điều tra quyết định khởi tố và bắt giam bà Trần Thu Hồng ; năm 1992, viện kiểm sát quyết định tạm đình chỉ điều tra vì bà Hồng được xác định “ thần kinh phân liệt thể hoang tưởng ” ; tháng 1 năm 1995, toà sơ thẩm xét xử vụ án mà không có bà Trần Thu Hồng ; tháng 9, toà phúc thẩm hủy toàn bộ bản án ; năm 1996, hội đồng giám định y khoa quyết định không “ chữa bệnh bắt buộc ” bà Trần Thu Hồng nữa. (Tuổi Trẻ 28 và 30.10 ; Lao Động 1.11.97)

### **Minh Phụng - EPCO : 60 người đã bị khởi tố và bắt giam**

Cho đến cuối tháng 10 vừa qua, cơ quan cảnh sát điều tra Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố và bắt giam 60 bị can có hành vi đồng phạm với guồng máy lừa đảo của các ông Tăng Minh Phụng (công ty Minh Phụng) và Liên Khui Thìn (công ty EPCO), gồm 16 cán bộ ngân hàng (trong đó có ba giám đốc và phó giám đốc Incombank và Vietcombank, Phan Nhật Hồng, Nguyễn Tuấn Phúc, Nguyễn Ngọc Bích) và 37 giám đốc và phó giám đốc công ty (trong đó có giám đốc công ty Hoàng Phát Trần Văn Sương, mới vừa chết tại trại giam Chí Hòa, để lại 120 tỷ đồng nợ). Bị bắt giam mới gần đây trong tháng 10 vừa qua, có phó chủ tịch uỷ ban nhân dân quận 3 TPHCM Phạm Tấn Khoa và giám đốc công ty Grainco (thuộc bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn) Nguyễn Xuân Phong.

Chỉ tính đến giữa năm 1996, thông qua tín dụng mua hàng trả chậm của Grainco, ngân hàng Incombank đã bảo lãnh gián tiếp cho Minh Phụng trên 1 600 tỷ đồng (144 triệu đô la). Grainco lại còn chạy được “ lá bùa ” từ phó thống đốc Ngân hàng nhà nước Chu Văn Nguyễn : một văn bản tháng 9.96 của ông Nguyễn yêu cầu các ngân hàng thương mại quốc doanh tạo điều kiện thuận lợi cho Grainco vay trả chậm

để nhập số lượng 600 000 tấn phân bón. Hàng nhập về, được bán vòng vo, nhiều khi Minh Phụng chịu lỗ từ 10-25 %. Lợi nhuận không biết rơi vào túi ai, nhưng đã tạo nên những món nợ khổng lồ hàng ngàn tỷ đồng mà hiện nay những ngân hàng thương mại phải gánh vác. Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 1997, các ngân hàng thương mại đang bảo lãnh một khối lượng nợ tín dụng thư trả chậm lên đến 850 triệu đô la, trong đó 79 % phải thanh toán trong thời hạn dưới một năm.

Còn EPCO thì hoạt động theo công thức : đất của nhà nước được uỷ ban nhân dân quận 3 cấp cho công ty mang đi thế chấp ngân hàng + vốn do công ty vay ngân hàng nhằm xây dựng công trình (khách sạn, kho ...) = giá trị bất động sản của EPCO. Một số công trình này lại được mang thế chấp để công ty vay vốn nhập hàng trả chậm, rồi đem chôn vào địa ốc. Sau đó, uỷ ban nhân dân quận lập " hội đồng " đánh giá lại bất động sản và nâng giá trị lên gấp nhiều lần, tạo điều kiện cho các cổ đông tư nhân rút vốn ra và để lại cái vỏ EPCO cho nhà nước địa phương và các chủ nợ ngân hàng giành giật nhau ...

Sau việc khởi tố và bắt giam 60 bị can trong vụ Minh Phụng - EPCO, công luận hiện đòi hỏi chính quyền nhanh chóng làm rõ "những mắt xích cơ bản hơn" nhằm xác định hướng đi của những đồng tiền đen tối nói trên. (Tuổi Trẻ 4 và 25.10 ; Đại Đoàn Kết 25.10.97)

## **TPHCM : 100 000 người được nhập hộ khẩu thường trú**

Từ đây đến cuối năm 1997, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giải quyết nhập khẩu thường trú cho 15 đến 20 % tổng số dân cư trú không có hộ khẩu ở Thành phố. Theo trưởng phòng cảnh sát quản lý hành chính Lê Văn Lâm, trong 600 000 người không có hộ khẩu đang cư trú trên địa bàn thành phố, khoảng 100 000 người sẽ được cấp hộ khẩu thường trú theo những tiêu chuẩn của nghị định 51 mà chính phủ mới ban hành. Đó là trường hợp những người từ Thành phố ra đi rồi trở về như bộ đội xuất ngũ, người đi hợp tác lao động, đi tập trung cải tạo hay ở tù về ; đó còn là trường hợp của vợ đi theo chồng, chồng đi theo vợ ; con trên 18 tuổi chưa lập gia đình đi theo cha mẹ ; cha mẹ hết tuổi lao động đi theo con ; trường hợp người đi kinh tế mới bỏ về, người đào ngũ, người xuất cảnh quá hạn hay trái phép nay trở về.

Còn khoảng nửa triệu người nhập cư ở Thành phố thì sẽ được đăng ký tạm trú. Chỉ có "những trường hợp đặc biệt và hoàn cảnh cá biệt" mới được xét đăng ký hộ khẩu thường trú. Những trường hợp đặc biệt này, theo nghị định 51, gồm người có trình độ chuyên môn cao, nhân sĩ nổi tiếng, gia đình liệt sĩ và có công với cách mạng. (Tuổi Trẻ 14.10.97)

## **Sea Games : 133 huy chương, 35 vàng**

Với 133 huy chương gồm 35 vàng, 48 bạc, 50 đồng, đoàn thể thao Việt Nam dự thi Đông Nam Á vận hội SEA GAMES thứ 19, tổ chức tháng 10 vừa qua tại Jakarta (Indonesia), đã xếp hạng thứ 5 trên 10 nước tham gia, sau Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Philippines, và trước Singapore, Myanmar, Brunei, Lào, Campuchia. Cách đây

hai năm, tại Sea Games thứ 18 tổ chức ở Chiang Mai (Thái Lan), đoàn Việt Nam với 180 vận động viên dự thi 16/29 môn, đã mang về 52 huy chương (10 vàng, 18 bạc, 24 đồng) và xếp hạng 6/9 nước tham dự.

Tại Jakarta lần này, với 397 vận động viên, đoàn Việt Nam dự thi 24/34 môn. Những môn Việt Nam đoạt huy chương vàng là vật (9), bắn súng (8), whusu (4), pencak silat (3), taekwondo (3), karatedo (2), judo (2), billard & snooker (1), thể dục dụng cụ (1), bóng bàn (1), cử tạ (1).

"Mỏ vàng" của Việt Nam, bộ môn vật đã mang về 20 huy chương các loại, trong đó gần phân nửa là vàng. Riêng trong 4 môn mà Thái Lan không có tổ chức thi đấu ở Sea Games 1995 là vô vật, whusu, pencak silat và karatedo, tại Jakarta các vận động viên Việt Nam gặt hái được 18 huy chương vàng, hơn phân nửa khối lượng vàng của cả đoàn.

Ngược lại, thất bại lớn của đoàn Việt Nam ở trong hai môn chủ lực của thể thao Olympic : điền kinh và bơi lội. Bộ môn điền kinh chỉ được 4 huy chương bạc và 7 huy chương đồng : Vũ Bích Hường, vô địch 100 m rào tại Chiang Mai chỉ mang lại huy chương bạc, mặc dù đã phá kỷ lục Sea Games. Còn trong bơi lội, đoàn Việt Nam trở về với hai bàn tay trắng.

Tại Jakarta, môn thể dục dụng cụ Việt Nam lần đầu tiên đoạt huy chương vàng (Nguyễn Thị Nga, cầu thăng bằng). Vũ Mạnh Cường và Ngô Thu Thuỷ cũng mang về huy chương vàng đầu tiên của môn bóng bàn Việt Nam (đôi nam nữ), trong khi Ôn Tấn Lực và Nguyễn Thị Kim Trang đoạt huy chương bạc đầu tiên của môn quần vợt (đôi nam nữ). Đội bóng đá nam chỉ đoạt huy chương đồng sau Indonesia và Thái Lan. Đội bóng đá nữ cũng xếp hạng thứ ba sau Thái Lan và Myanmar. (Tuổi Trẻ 21.10 ; Đại Đoàn Kết 25.10.97)

## **Vịnh Hạ Long : có thể mất danh hiệu "di sản thiên nhiên thế giới"**

Từ năm 1994, vịnh Hạ Long đã được tổ chức UNESCO đưa vào danh mục "di sản thiên nhiên thế giới", tuy nhiên tình hình phát triển kinh tế tỉnh Quảng Ninh đang đe dọa cảnh quan lân môi trường vùng vịnh. Đến mức UNESCO đã phải quyết định hỗ trợ chính phủ Việt Nam tổ chức đo đạc hiện trạng và đề xuất biện pháp giải quyết tình trạng ô nhiễm.

Cố vấn văn hóa khu vực châu Á-Thái Bình Dương của UNESCO, ông Richard Engelhardt, vừa lên tiếng cho rằng : "Một đề án xây dựng cảng nước sâu tại Hạ Long, do Nhật tài trợ, đã hai lần bị hoãn lại, song nếu chẳng may đề án đó được triển khai, UNESCO sẽ phải thực hiện một quyết định chưa hề có tiền lệ : xem xét việc cất bỏ địa danh vịnh Hạ Long ra khỏi danh sách các di sản thiên nhiên thế giới". Ông cảnh báo : "Thời điểm Việt Nam xây xong cảng mới sẽ đồng thời là lúc không còn tên vịnh Hạ Long trong danh mục". (Lao Động 5.10.97)

## **Quan hệ kinh tế Việt Nam Mỹ**

Đầu tháng 11 ông Trần Xuân Gia Mỹ bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư đi thăm Mỹ. Việt Nam hy vọng sau khi ký

kết với OPIC (Overseas Private Investment Corporation, một cơ quan của chính phủ Mỹ, bảo đảm vốn đầu tư của tư nhân Mỹ ở nước ngoài) thì mức đầu tư Mỹ sẽ tăng.

Song phía Mỹ tỏ ra thận trọng hơn vì Việt Nam hiện vẫn chưa được quy chế tối huệ quốc của Mỹ. Một trong những lý do làm chậm trễ là điều luật Jackson-Vannick, không cho quy chế này cho những nước mà công dân không được tự do xuất ngoại. Điều này giải thích tại sao giữa tháng 11 một nghị định của chính phủ cho phép người Việt Nam xuất cảnh mà không cần giấy phép của bộ Nội vụ (xem phần tin ngắn).

## TIN NGẮN

- Hơn hai năm sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động, công trình xây dựng đường dây 500 kv Bắc-Nam vẫn chưa được quyết toán. Tháng 10 vừa qua, chính phủ lại yêu cầu bộ tài chính, bộ công nghiệp và tổng công ty điện lực “ giải quyết những tồn tại ” của công trình đường dây siêu cao thế.

- Theo tin Reuters ngày 14.11, thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết định, có hiệu lực từ ngày 26.11.1997, theo đó những công dân Việt Nam có hộ chiếu hợp lệ không còn phải xin chiếu khán thị thực của bộ nội vụ để ra khỏi nước. Trong một số báo chí, khi có trong tay nguyên bản của quyết định, chúng tôi sẽ trả lại vấn đề này.

- Toà án thành phố HCM đã kết án 3 năm tù ông Nguyễn Hội vì tội tuyên truyền chống chế độ. Ông Hội bị bắt với

### **Không coi rủi ro của nhà đầu tư nước ngoài là “chuyện của người ta”**

LTS : Trong một bài phát biểu tại khu chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 20.10 vừa qua, ông Võ Văn Kiệt, ủy viên thường vụ bộ chính trị đảng công sản, đã dùng một ngôn ngữ khá mới để nói về thái độ ứng xử đối với các nhà đầu tư nước ngoài và đối với nền kinh tế tư doanh nói chung. Chúng tôi trích đăng dưới đây một số đoạn của bài này.

Chúng ta thừa nhận một cách thẳng thắn rằng các nhà đầu tư nước ngoài mang đến cho chúng ta vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, uy tín và cả một phần thị trường quốc tế của mình. Đó là những yếu tố quan trọng, cần thiết, nhất là trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn kém sức cạnh tranh nhưng phải bước vào cuộc chạy đua đang diễn ra gay gắt trong khu vực và trên thế giới. (...)

Không chỉ riêng các dự án liên doanh, liên kết mà ngay những doanh nghiệp 100 % vốn đầu tư nước ngoài trên đất Việt Nam đều là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, góp phần tăng GDP, ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các doanh nghiệp khác phát triển. Các doanh nghiệp đó có sức cạnh tranh cao là góp phần nâng cao sức cạnh tranh của cả nền kinh tế.

Nói lên điều đó, tôi muốn nhấn mạnh rằng quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài cũng đi đôi với quyền lợi của chúng ta. Tương lai của những dự án đầu tư dài hạn gắn liền với những bước thăng trầm của nền kinh tế đất nước. Vì vậy, chúng ta có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà

những tài liệu đòi tái lập hội Phật giáo thống nhất, tổ chức Phật giáo của miền Nam trước giải phóng.

- Phó chủ tịch Thụy Sĩ Flavio Cotti đã tới Việt Nam ngày 2/11 trong chuyến đi thăm 4 nước Đông Á. Ông đã hội đàm với phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm tại Hà Nội về những vấn đề phát triển, đầu tư và những khả năng về ngân hàng, năng lượng và kỹ nghệ dược phẩm. Sau buổi họp ông cho biết Việt Nam và Thụy Sĩ chưa ký được một thỏa thuận về quyền sở hữu trí tuệ vì nội dung chưa được chuẩn bị kịp. Thụy Sĩ là nước Âu châu đứng hạng nhì sau Pháp về đầu tư ở Việt Nam, với 717 triệu đô la trong 19 dự án.

- Vụ hè thu năm nay sẽ thu hoạch khoảng 6 triệu tấn lúa, thấp hơn 0,5 triệu tấn so với năm ngoái. Đây là do ảnh hưởng thời tiết năm nay không thuận lợi.

- Phó thủ tướng Phan Văn Khải cho biết, trong một bài phỏng vấn, sẽ tiến tới tự do hối đoái trên đồng bạc VN, để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng nhiều trong quan hệ kinh tế với quốc tế.

- Tháng vừa qua ngành giáo dục cho biết cần thêm 8,5 tỷ đồng để sửa chữa những thiệt hại do thiên tai. Ở 15 tỉnh trên miền Bắc đã có 1270 lớp học bị hoàn toàn phá huỷ, 1437 bị hư hại nặng.

- Một người Đài Loan và ba người Việt gốc Hoa đã bị án tử hình vì tội sản xuất ma túy, tên hoá học là methamphetamine chrohydrate, tiếng Mỹ thường gọi là “ice”.

đầu tư. Hơn thế nữa, phù hợp với đạo lý có trước, có sau, đối với những nhà đầu tư gấp phải rủi ro, thua thiệt, chúng ta phải coi đó có phần của mình và cần tạo điều kiện để họ có được những cơ hội mới tốt hơn.

(...) Những chính sách ưu đãi của nhà nước cho một lĩnh vực, một địa bàn sản xuất cũng phải được áp dụng công bằng bất kể là doanh nghiệp tư nhân hay nhà nước, có hoặc không có vốn đầu tư nước ngoài.

Do nhận thức chưa đầy đủ, không đúng đắn và đôi khi do những lợi ích riêng tư, cục bộ, nên nhiều người hoặc vô tình, hoặc hữu ý không coi những khó khăn, thiệt hại mà các nhà đầu tư nước ngoài gặp phải chính là khó khăn, thiệt hại của chính mình và của đất nước để từ đó chủ động tìm giải pháp, khắc phục. Thậm chí khi nhà đầu tư phải tự tìm tòi, đưa ra biện pháp giải quyết những vướng mắc thì đề nghị của họ cũng không được xem xét thỏa đáng mà coi “đó là việc của người ta”.

(...) Đã có không ít ý kiến phản nàn, đưa ra những dẫn chứng về những qui định cụ thể, những hành vi ứng xử phân biệt, thiếu công bằng đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, không phù hợp với chủ trương của Đảng và nhà nước khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế phát triển.

Đó chính là sức cản đối với công cuộc đổi mới, đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận nghiêm túc, phải có những biện pháp rất cầu thị để khắc phục. Không phá được lực cản đó thì không những môi trường đầu tư, môi trường kinh tế mà cả “văn hóa kinh doanh” đang được hình thành cũng bị ảnh hưởng xấu.

• Sở bưu điện và viễn thông VN cho biết sẽ mở rộng rai mạng Internet cho công chúng kể từ ngày 4/11. Tiền đăng ký vào mạng là 450 000 đồng (36 đôla), tiền cước phí mỗi tháng là 50 000 đồng.

• Công ty Kyocera corp. (Nhật) sẽ cùng với bộ quốc phòng VN mở một hệ thống điện thoại vô tuyến dùng trong giới kinh doanh tại VN. Theo dự án này thì hãng làm mạch tổng hợp ceramic lớn nhất thế giới đó sẽ lắp đặt các trạm cơ sở (station de base), còn bộ quốc phòng sẽ lo phần khai thác mạng. Mỗi trạm có thể phục vụ 3 000 người trong vòng bán kính 15 cây số, tần số sử dụng là 1,9 Giga herz. Kyocera hy vọng kỹ thuật này sẽ được phổ biến trong những nước đang phát triển ở châu Á.

• Mới đây người ta đã tìm thấy ở Lâm Đồng dấu chân một loại tê giác gọi là tê giác vùng Java gần một vũng lầy. Theo một người có trách nhiệm của tổ chức World Wildlife Fund (WWF) thì có thể khoảng mươi con tê giác loại này

sống trong rừng Cát Lộc tỉnh Lâm Đồng. Đây là một loài thú hiếm có khả năng bị tuyệt chủng. Việt Nam rất phù hợp cho thú rừng. Có khoảng 200 loại thú trong đó có 120 loại hiếm có khả năng bị tuyệt chủng đã được tìm thấy ở Việt Nam trong 40 năm qua.

• Sau những cuộc biểu tình của nông dân Thái Bình, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Vũ Xuân Trường và bí thư tỉnh ủy Vũ Mạnh Rinh đã bị cách chức vì tham nhũng. Báo Nhân Dân ngày 9.11 đã đưa tin ông Phạm Thế Duyệt, ủy viên bộ chính trị đi thanh tra ở Thái Bình.

• Việt Nam tăng cường kiểm soát ba loại hàng nhập : xe đạp, rượu và quạt điện để chống buôn lậu. Kể từ ngày mồng một tháng 12, ba loại hàng này có thể bị soát giấy phép nhập khẩu của bộ tài chính bất kỳ lúc nào, nơi nào.

• Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng bộ tài chính Rumani Mircea Ciunara và bộ trưởng bộ tài chính Việt Nam Nguyễn (xem tiếp trang 12)

## Cải cách doanh nghiệp nhà nước

### Xác định vai trò chủ đạo ra sao ?

LTS : Chính phủ Phan Văn Khải đã chọn việc “ đẩy mạnh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước ” là một trong sáu trọng tâm của chương trình hành động của mình. Phát biểu cuối tháng 10 vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, ủy viên thường vụ bộ chính trị Võ Văn Kiệt đã lên tiếng yêu cầu chính quyền thành phố “ tập trung sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, và phải làm quyết liệt, vì đã đến lúc không thể duy trì số doanh nghiệp đông, sở hữu nguồn vốn lớn, nhưng hoạt động kém hiệu quả và tỉ lệ thua lỗ cao ”. Chúng tôi trích dẫn lại dưới đây bài nhận định của Nguyên Trần đăng trên báo Tuổi Trẻ chủ nhật ngày 12.10.97 về tình hình cải cách doanh nghiệp nhà nước và câu hỏi chính nó đang đặt ra hiện nay trong chính quyền.

Phải nói là công cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được thực hiện trong những năm vừa qua đã đem lại một số thay đổi cơ bản. Số lượng doanh nghiệp được xếp lại giảm từ 12 300 trước năm 1990 còn 5790 (thời điểm cuối tháng 6 1997). Hiệu quả hoạt động của DNNN cũng tăng rõ rệt : một đồng vốn trước năm 1990 chỉ tạo ra được 2,67 đồng doanh thu và 0,096 đồng lợi nhuận, thì đến năm 1995 đã tạo ra 3,46 đồng doanh thu và 0,19 đồng lợi nhuận.

Tuy nhiên, khu vực DNNN vẫn còn quá đông doanh nghiệp với trên 25 % là doanh nghiệp quá nhỏ, vốn dưới 1 tỷ đồng. Đáng lo ngại hơn là sức cạnh tranh của các DNNN yếu kém. Kết quả hoạt động của năm 1996 là minh chứng. Hiệu quả sử dụng vốn giảm đáng kể so với năm 1995 : một đồng vốn chỉ tạo được 2,8 đồng doanh thu (giảm 0,66 đồng) và 0,11 đồng lợi nhuận (giảm 0,08 đồng). Tỉ trọng doanh nghiệp thua lỗ lên đến 22 %, tăng 6 % so với năm 1995. Cho nên, nếu không tiếp tục cải cách DNNN mà vẫn duy trì tình trạng này ở khu vực doanh nghiệp vốn đang tạo ra trên 40 % GDP của cả nước, rõ ràng sẽ làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Vấn đề đặt ra là tiếp tục đẩy mạnh cải cách DNNN như thế nào ?

Một thực tế không thể phủ nhận là các biện pháp cải cách DNNN thực hiện mấy năm vừa qua khá mạnh mẽ và căn cơ, thế nhưng hiệu quả lại giới hạn. Cổ phần hóa thực hiện từ năm 1992 đến nay mới hoàn thành ở 14 doanh nghiệp. Sát nhập, giải thể vẫn không giải quyết dứt điểm tình trạng manh mún ở DNNN. Số lượng doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, mất khả năng thanh toán lớn, nhưng mới chỉ có 6 doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản. Có một nhận xét cho rằng các chủ trương này chưa phát huy hiệu quả bao nhiêu mà nguyên nhân sâu xa là nỗi e ngại sẽ làm mất bớt DNNN, mà điều đó lại đồng nghĩa với việc làm giảm vai trò chủ đạo của khu vực DNNN. Chính vì nỗi e ngại này mà trong hành xử cụ thể đã có không ít trường hợp doanh nghiệp lẽ ra đã bị giải thể nhưng vẫn được “ hà hơi tiếp sức ” để sống tiếp, doanh nghiệp được chọn cổ phần hóa lại nấp bóng trong tổng công ty, doanh nghiệp được chọn vào tổng công ty đi đăng ký thực hiện cổ phần hóa, chủ đích để kéo dài thời gian được “ ở riêng ”.

Hiện nay, một chương trình về tiếp tục đổi mới DNNN đang được nghiên cứu đã đưa ra nhiều hướng thực hiện như đẩy mạnh cổ phần hóa và xử lý các doanh nghiệp thua lỗ. Mục tiêu từ đây đến năm 2000 là sẽ giảm tối thiểu 1 000 doanh nghiệp ; chỉ tập trung cung cấp và phát triển những DNNN có vị trí quan trọng và đáp ứng các yêu cầu công cộng (gồm khoảng 500 doanh nghiệp công ích và 1500 doanh nghiệp kinh doanh) ; đổi mới cơ chế quản lý DNNN bằng tạo lập quyền đại diện sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp và thực hiện chế độ tuyển chọn giám đốc làm theo hợp đồng và hưởng thu nhập theo kết quả kinh doanh.

Những chương trình này dường như không mới bao nhiêu so với các biện pháp đã thực hiện trước đây. Cho nên vẫn có ý kiến lo ngại mọi việc sẽ tiếp tục rơi vào tình trạng hiệu quả hạn chế như trước, nếu vẫn đề căn bản là việc DNNN chủ đạo như thế nào trong nền kinh tế chưa được xác định một cách rõ ràng. Câu hỏi căn bản “ DNNN có cần giữ số đông mới là chủ đạo ? ” chưa có câu trả lời dứt khoát.

## Vài suy nghĩ về kinh nghiệm HÀN QUỐC và THÁI LAN

Lê Văn Cường

Trong bài “ Chính phủ Phan Văn Khải và sự chia chác quyền lực ở đảng cộng sản Việt Nam ” của Hoà Vân (Diễn Đàn, số 67, 1/10/97) có đoạn sau đây (trang 7) : « Kinh nghiệm so sánh giữa Malaysia, Hàn Quốc, thành công cao nhò nhiều năm liên tục đầu tư cao giáo dục, và Thái Lan lận đận không đi nổi vào con đường phát triển các ngành kỹ thuật cao, rõ ràng không đủ cân sức đối với các đòi hỏi của bộ máy quân đội, công an ». Nếu hiểu rõ ý, Hoà Vân so sánh Thái Lan với Hàn Quốc và Malaysia để phê bình nhà nước Việt Nam để tâm vào việc đầu tư cho bộ máy quân đội, công an hon việc đầu tư vào giáo dục (có lẽ phải thêm cả y tế). Sự so sánh này có tính cách thuyết phục không ?

1. Trước hết, phát triển các ngành kỹ thuật cao, đối với một nước như Thái Lan, trong tình trạng hiện nay (tổng sản phẩm quốc nội — TSPQN — đầu người : 2 000 đôla, so với Hàn Quốc 7 500 đôla, Pháp 20 000 đôla) có phải là thượng sách không ? Brasil đã đầu tư vào tin học, rất cuộc nạn thất nghiệp trầm trọng vẫn không bớt, và hình như lại gia tăng vì tin học là ngành, trước mắt, tiết kiệm lao động. Ảnh hưởng của kỹ thuật, công nghệ cao cấp vào sự làm tăng/giảm thất nghiệp, hiện nay là một vấn đề đang được nghiên cứu trong kinh tế ; các kết luận chưa rõ rệt lắm.

2. Nếu muốn so sánh, có lẽ trước tiên phải nên so sánh Thái Lan và Hàn Quốc ở trong những thời điểm tương đối có thể so sánh được. Tôi dùng số liệu của Hàn Quốc (tôi không có thông tin về Malaysia) năm 1981 (dựa vào cuốn sách của J.R. Chaponnière, *La République de Corée, Notes et études documentaires, La Documentation Française, 1982*) lúc ấy có TSPQN đầu người khoảng 1 700 đôla (tuy 1 700 đôla năm 1981 tương đương với quãng 3 000 đôla bây giờ). Năm 1981, Hàn Quốc đầu tư cho giáo dục 3,4 % TSPQN, cho y tế 1,1 % TSPQN. Những tỷ lệ này không có gì là xuất sắc lắm (so với Pháp, 5,5 % TSPQN cho giáo dục, 9,8 % TSPQN cho y tế). Trong cuốn sách nói trên có những đoạn như sau nói về tình hình giáo dục, y tế của Hàn Quốc vào thời điểm 1960-1980 : “ Y tế, cũng như giáo dục, không được chính phủ lo và các gia đình phải gánh chịu một phần quan trọng về chi tiêu cho y tế... Các hộ gia đình bảo đảm phần lớn nhất về chi tiêu cho giáo dục: 71 % năm 1966, 66 % năm 1975 ” (tr. 120 - 121). Nhưng ngay cả trong thời điểm gần đây, dựa theo số liệu trong một báo cáo của Ngân hàng Thế giới (Rapport sur le Développement, 1996, trang 247) ta có những tỷ lệ (% của TSPQN) như sau của chi tiêu cho giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, nhà cửa và thiết bị công cộng, năm 1994 : Hàn Quốc, 6,7 ; Thái Lan, 6,6 ; Singapore, 6,3 ; Mỹ, 12 ; Pháp, 28 ; Thuỵ Điển, Na Uy, 29 %. Câu hỏi có thể đặt

ra qua các con số trên : phải chăng có hai khuynh hướng phát triển ? Khuynh hướng “ tân tự do ” trong đó nhà nước can thiệp ít vào chi tiêu cho con người, và khuynh hướng “ xã hội dân chủ ”. Nếu đúng như thế, vấn đề nên bàn cãi là Việt Nam nên đi theo con đường nào ?

3. Dĩ nhiên, ta không bắt buộc phải đi theo con đường Hàn Quốc đã vạch ra. Vấn đề đặt ra là giải quyết thế nào ? Nếu đầu tư vào giáo dục quá nhiều so với đầu tư vào máy móc, ta có cơ “ sản xuất ” rất nhiều người thất nghiệp có trình độ học vấn cao. Nếu đầu tư quá nhiều vào máy móc so với đầu tư vào con người ta sẽ không có đủ người có trình độ phù hợp với cơ cấu sản xuất. Là một nhà kinh tế dùng phương pháp tân cổ điển để lập luận, tôi “ liều mạng ” làm một mô hình cực kỳ thô sơ để thử giải quyết sự lựa chọn giữa các đầu tư. Giả dụ có một nhà nước A muốn tối đa hóa hạnh phúc của xã hội. Hạnh phúc này phụ thuộc vào hai yếu tố : TSPQN và kiến thức văn hoá (theo nghĩa rộng). Để đơn giản hóa TSPQN lệ thuộc vào mức đầu tư vào máy móc và con người. Ràng buộc là chi phí đầu tư phải bằng mức ngân sách. Gọi y là TSPQN, a, b các mức đầu tư vào máy móc và con người (y tế, giáo dục). Vì do lưỡng kiến thức văn hoá là một việc khó (không?) làm được, ta làm giả thuyết là kiến thức được biểu hiện bằng mức đầu tư vào con người, b. Đã là tân cổ điển, phải tân cổ điển đến cùng : tôi làm giả thuyết là hạnh phúc con người có thể biểu hiện qua một hàm U phụ thuộc vào hai biến : y (TSPQN), và b (mức đầu tư vào con người), và TSPQN được xác định bởi một hàm sản xuất f phụ thuộc vào hai biến : a (đầu tư vào máy móc), b (đầu tư vào con người). Mức ngân sách S là một hàm lệ thuộc vào y, TSPQN. Bài toán trở thành như sau: tìm (a,b) để tối đa hóa  $U(y,b)$ , với các ràng buộc,  $y=f(a,b)$ ,  $a+b=S(y)$ . Một khi kiểm được a, b, ta tính được các tỷ lệ đầu tư  $a/y$ ,  $b/y$ . Cái khổ của bài toán là, hiện nay, không xác định được hàm U, và không xác định được ảnh hưởng của b trên y !! Rốt cuộc, a, b, được xác định qua “ thính mũi ” hoặc qua một quyết định chính trị. Nhưng ý tôi muốn nêu lên là, có thể có một mức “ tối ưu ” giữa đầu tư vào máy móc và con người. Vấn đề là làm sao xác định được. Mở ngoặc : nếu ta chấp nhận mô hình nêu trên, có lẽ không nên dùng những câu “ quốc sách hàng đầu ”, “ quốc sách hàng chót ”, và nên thay vào bằng “ quốc sách tương đối hợp lý ” hoặc “ tương đối đúng đắn ”. Đóng ngoặc.

4. Theo ý tôi, nếu muốn phê bình Thái Lan, có lẽ phải nên tìm hiểu cuộc khủng hoảng tiền tệ hiện nay ở châu Á. Dựa theo báo cáo *Crises de change et crises bancaires dans la transition en Asie du Sud-Est* của Alexandre de Lestrange tại hội thảo Pháp-Việt về “ khoa học trong sự hợp tác cho phát triển bền vững ”, Hà Nội, trong ba ngày 23-25.9 vừa qua, ta có thể tóm tắt các nguồn gốc như sau :

– Thái Lan dùng chiến lược xuất khẩu mạnh, đồng thời nhập máy móc thiết bị, để tăng trưởng kinh tế. Chiến lược này đã dẫn đến sự thâm thủng nặng nề của cán cân ngoại thương và mức nợ nước ngoài lên cao (năm 1966, mức này là 49 % TSPQN). Hơn nữa, để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Thái Lan (và Malaysia) đã gắn đồng baht với đôla. Trong những năm gần đây tăng trưởng của Mỹ gia tăng. Những nhà đầu tư vốn **tiền liệu**, là để chống lại lạm phát có cơ tái xuất hiện, Mỹ sẽ tăng lãi suất, và như vậy đồng đôla sẽ lên

giá, kéo theo đồng baht. Đồng baht cao, xuất khẩu Thái Lan sẽ đi xuống vì mất sức cạnh tranh qua giá, làm cán cân ngoại thương thâm thủng hơn nữa. Như vậy, Thái Lan buộc phải phá giá đồng baht. Với lô-gích đó, các nhà đầu tư đã nhanh nhẹn chuyển vốn trên thị trường chứng khoán.

Từ đó ta có thể rút ra những bài học gì ?

a) Dùng chiến lược tăng trưởng dựa chủ yếu trên xuất khẩu không phải là không nguy hiểm.

b) Gắn đồng baht với đôla là một việc làm khá “ phiêu lưu ”, nếu ta có một thị trường chứng khoán mở rộng cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài trong khi đó ta chưa vững chắc về cơ cấu kinh tế (ở đây cũng nên nhấn mạnh là đầu tư nước ngoài ở Thái Lan đã đổ rất nhiều vào khu vực bất động sản).

c) Vai trò của tiên liệu (*anticipation*) rất quan trọng (Robert Lucas được giải Nobel kinh tế 1995 vì đã nêu lên vai trò của tiên liệu). Ví dụ, nếu một nhân vật nào đó tiên liệu là kinh tế Việt Nam sang năm sẽ đi xuống, và người đó có đủ uy tín để nhiều người tin, các nhà đầu tư sẽ rút, hoặc ngưng đầu tư, và quả nhiên kinh tế Việt Nam sẽ đi xuống : đó là lời tiên tri tự nó thực hiện (*self-fulfilling prophecy*). Mở ngoặc : tôi rất phân vân khi nghe một số nhà chức trách Việt Nam tuyên bố, và khi đọc báo Việt Nam viết, về tình hình kinh tế Việt Nam ; họ tỏ vẻ rất (quá?) lo ngại, đôi khi khá bi quan. Phân vân vì không biết chính họ có đang tạo ra tình hình đó không? Đóng ngoặc.

5. Cuối cùng, tôi thử trả lời hai câu hỏi : ảnh hưởng của việc phá giá đồng tiền ở Á châu lên kinh tế Việt Nam ? Việc phá giá đồng Việt Nam vừa qua sẽ có ảnh hưởng tốt hay xấu ?

Tôi đề cập trước câu hỏi thứ hai. Tôi đồng ý với ông Lê Đăng Doanh, viện trưởng viện quản lý trung ương Hà Nội, khi ông tuyên bố : “ *phá giá tiền tệ không phải là liều thuốc vạn năng để nâng đỡ xuất khẩu mà còn phải được kết hợp với giảm giá thành và tăng năng suất* ” (Diễn đàn, số 68, trang 7) vì những lý do như sau :

– nếu trước mắt, phá giá đồng tiền làm tăng xuất khẩu vì tăng sức cạnh tranh qua giá ;

– nhưng sau đó, giá dầu vào được nhập vào sẽ đắt hơn và sẽ làm tăng giá thành. Rốt cuộc lạm phát tăng và giảm sức cạnh tranh qua giá. Kết quả trong trung hạn sẽ là lạm phát ! Tốt hơn hết là tăng năng suất để giảm giá thành.

Câu hỏi thứ nhất : ta lại lập luận như ở phía trên ; việc phá giá đồng tiền ở Á châu trước mắt làm giảm sức cạnh tranh của xuất khẩu Việt Nam. Nhưng giá dầu vào được nhập vào sẽ rẻ hơn làm giá thành giảm. Qua đó có thể bắt kịp trở lại (hay vượt cao hơn) sức cạnh tranh ban đầu. Nhưng lập luận như vậy là quên một yếu tố cực kỳ quan trọng : tăng trưởng ở châu Á có cơ đi xuống ; sự kiện này kéo xuất khẩu Việt Nam đi xuống (năm 1994, theo *Nhiên Giảm thống kê Việt Nam* 1995, 30 % xuất khẩu Việt Nam đi vào các nước ASEAN, Đài Loan và Hồng Kông, 31 % vào Nhật và Hàn Quốc). Một lần nữa ta có thể nhận xét tính cách “ dê vỗ ” của một chính sách tăng trưởng, nếu nó quá dựa vào xuất khẩu.

Lê Văn Cường

### Tin tức - Tin tức - Tin tức (tiếp theo trang 10)

Sinh Hùng đã ký một thỏa thuận trong đó Rumani bằng lòng cho Việt Nam đáo hạn món nợ tính bằng tiền rúp. Việt Nam có thể trả bằng hàng tính theo đô la. Người ta không được biết số nợ và tỉ lệ hối đoái rúp đô la là bao nhiêu.

• Toà án TP Hồ Chí Minh đã bác đơn chống án của Trần Văn Thuận và Huỳnh Tê Cam bị kết án tử hình vì tội khủng bố. Thuận và Cam đã tham gia vào một vụ ném bom lựu đạn. Ba người khác cũng dính líu trong vụ này đã bị kết án chung thân. Cả năm người thuộc một tổ chức phục hưng do những người Việt tỵ nạn ở Mỹ cầm đầu.

• Việt Nam đã mở phòng lãnh sự đầu tiên tại Mỹ tại San Francisco. Khoảng một chục người đã biểu tình chống đối trước toà lãnh sự ở trung tâm thành phố. Ông Chung Chương Hoàng, giám đốc viện nghiên cứu Việt Mỹ đại học San Francisco State University nói rằng trong khi Mỹ và Việt Nam muốn bước sang một trang sử mới thì những người Việt Nam này chống lại chuyện đó, họ muốn Mỹ tiếp tục trừng phạt Việt Nam. Theo phó lãnh sự Hà Ngọc, thì địa điểm San Francisco được chọn là vì tỉnh này nằm trên bờ biển phía tây của Hoa Kỳ.

• Canada đã nhận giúp Việt Nam phát triển và quản lý giao thông đường sông. Dự án do Cơ quan vì phát triển quốc tế của Canada (CIDA) tài trợ 6,7 triệu đôla cũng góp phần vào các dự án phát triển hạ tầng cơ sở mà Ngân hàng thế giới và ngân hàng phát triển châu Á giúp VN. Việt Nam có khoảng 41 000 km sông ngòi và kênh đào, trong đó hiện có 10 000 km thuyền bè chạy được.

• Việt Nam có kế hoạch xây dựng ba trung tâm xay sét thóc lúa ở Cần Thơ, Thái Bình và Sóc Trăng, nhằm phục vụ xuất khẩu gạo. Đan Mạch nhận giúp 120 triệu cua-ron cho các dự án này.

• Lần đầu tiên, một cuộc triển lãm quốc tế về kỹ thuật và trang thiết bị cho công nghệ phát thanh và truyền hình đã được tổ chức ở Hà Nội ngày 24-27.11.97. Tham gia triển lãm có khoảng 60 công ty trong ngành, trong đó có những công ty lớn như Sony, Hitachi, Maxwell, Thomcast, Schmidt, Tengda (Trung Quốc). Mục tiêu của Việt Nam là nâng số gia đình có thể bắt hình từ 56 % hiện nay lên tới 80 % vào năm 2000.

• Thủ tướng Phan Văn Khải đã chỉ thị cho Ban quản lý các khu công nghiệp và bộ tư pháp soạn thảo một dự luật về vùng công nghiệp để trình Quốc hội vào năm tới. Việt Nam hiện có 44 khu công nghiệp và chế xuất, và hai khu kỹ thuật cao ở Hà Nội và thành phố HCM.

• Kỳ họp Quốc hội bắt đầu ngày 21.11 sẽ xem xét dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, và dự án trồng 5 triệu ha rừng. Hai dự luật về ngân hàng có thể được thông qua là luật Ngân hàng quốc gia và luật các tổ chức tín dụng.

• Một nhà điện ảnh Việt Nam, bà Vũ Lê My, đã được giải thưởng chính (cùng với một nhà điện ảnh Nga) trong Liên hoan quốc tế lần thứ 14 phim về môi trường, tại Fribourg (Đức) với cuốn phim “ *Nơi chiến tranh đi qua* ”, nói về hậu quả của thuộc khai quang do Mỹ rải ở Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua.

## Thành phố Hồ Chí Minh : 40 kỳ thi và 8555 bằng bất hợp pháp...

LTS : Nhân một cuộc bàn giao chức năng giữa phòng giáo dục thường xuyên và phòng khảo thí ở sở giáo dục đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tháng 9 vừa qua, người ta đã phát hiện 60 bằng giả, không có tên trong danh sách người tốt nghiệp trung học bổ túc. Người ta còn phát hiện 8555 “ bằng tốt nghiệp cấp ba bổ túc văn hóa, hệ bồi dưỡng văn-sử-địa ” do giám đốc sở cấp từ năm 1987 đến năm 1994 trên cơ sở một chương trình học và thi không có trong danh mục của ngành giáo dục. Bộ giáo dục đào tạo cho biết : không có một văn bản nào của bộ cho phép các địa phương tổ chức học và thi bổ túc văn hóa chỉ với ba môn văn-sử-địa mà được cấp bằng tốt nghiệp cấp ba bổ túc văn hóa ; bằng tốt nghiệp trung học bổ túc chỉ được cấp cho những người trúng những kỳ thi tốt nghiệp do bộ tổ chức ; những học viên mãn khóa bổ túc văn hóa do địa phương tổ chức chỉ được cấp giấy chứng chỉ của địa phương, không được cấp bằng trung học bổ túc.

Sự việc đang làm choáng váng dư luận không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi đăng lại dưới đây một số tư liệu được trình bày trên các báo **Đại Đoàn Kết** (18 và 25.10.97) và **Tuổi Trẻ** (18 và 28.10.97).

### Những kỳ thi đỗ 90-100 %

Thời kỳ chiến tranh ác liệt (1972 về trước), ở miền Bắc, hệ học bổ túc văn hóa (BT VH) cho cán bộ được chia thành hai ban : văn-sử-địa và toán-lý-hóa... Học viên chỉ cần học 3 môn và thi 3 môn, nếu đủ điểm, được cấp bằng có giá trị tương đương với bằng tốt nghiệp phổ thông trong xét dự thi tuyển vào các trường đại học. Các loại bằng cấp này rõ ràng không phù hợp, nên năm 1973 hệ BT VH phải cập nhật phần nào với hệ phổ thông chính quy, buộc học viên phải học và thi 4 môn ở cả 3 ban A (văn-toán-lý-hóa), B (văn-toán-hóasinh), C (văn-toán-sử-địa). Chương trình này được duy trì đến tận năm 1996.

Thế nhưng từ năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở ra một “biệt lẻ thời chiến” : tổ chức thi và cấp bằng “tốt nghiệp cấp ba, hệ bồi dưỡng văn-sử-địa”, y như thời kỳ trước 1972. Mẫu in bằng do sở giáo dục sáng chế. Cấp đại trà cho hàng loạt cán bộ các cấp. Thậm chí có người điểm thi dưới 5 vẫn được cấp bằng tốt nghiệp ! Tỷ lệ tốt nghiệp, ngoại trừ hai lần duy nhất khóa thi ngày 12.2.92 đạt 52 % và khóa 12.2.93 đạt 51 %, trên 35 kỳ thi còn lại đều đạt 90-100 % !

### Đề thi, coi thi, chấm bài

Chủ trì các cuộc thi là một số cán bộ sở giáo dục, vừa ra đề, vừa coi thi, vừa chấm bài. Xem lại trên những hồ sơ có được, chúng tôi xin nêu một số trường hợp điển hình :

Ngày 11.9.92, giám đốc sở Cao Minh Thị quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp Quận 5 như sau. Ra đề thi : Hùng Phi Chuồng (văn), Lê Tấn Việt (sử), Nguyễn Vĩnh Xuyên (địa). Lãnh đạo hội đồng coi thi : cũng có Hùng Phi Chuồng (phó chủ tịch), Lê Tấn Việt và Nguyễn Vĩnh Xuyên (giáo viên coi thi). Hội đồng chấm thi : cũng có các ông

Chuồng, Việt, Xuyên. Khóa ấy có 125 người dự thi, “đỗ tú tài” đủ 125 !

Tại hội đồng thi công an Thành phố ngày 27.5.89, ông Nguyễn Ngọc Quỳnh vừa là chủ tịch hội đồng coi thi, vừa chủ tịch hội đồng chấm thi. Một số thí sinh có môn thi 2-3 điểm vẫn đỗ (không cần vớt) ! Hội đồng coi thi và chấm thi khóa 8.4.94 đặt luôn tại trụ sở công an huyện Bình Chánh (dùng dấu công an huyện đóng luôn trên hồ sơ), khóa này người dự thi hầu hết là cán bộ huyện, đỗ 100 % ...

### Những nghi vấn

Ông Cao Minh Thị đã tổ chức cấp bằng đại trà từ năm 1987 đến 1994 cho tổng cộng 8555 người, không theo một quy chuẩn nào của nền giáo dục quốc gia. Chưa biết có bao nhiêu vị trong số này, theo đà chuẩn hóa cán bộ, đã được tuyển thẳng vào đại học hệ tại chức rồi được “đặc cách” lĩnh bằng cử nhân, thậm chí phó tiến sĩ mà dư luận đã đặt dấu hỏi nhiều năm qua ? Do chưa có đợt phúc khảo nào toàn diện của bộ giáo dục đào tạo đối với các hồ sơ tốt nghiệp các bậc học trên trung học, nên còn hơi sớm để có một đánh giá thực chất, nhưng từ những biểu hiện bát nháo trên đây, dư luận hoàn toàn có cơ sở để đặt nghi vấn ...

Vấn đề còn lại là nếu 8555 mảnh bằng cấp “văn-sử-địa” là bất hợp pháp thì Thành phố Hồ Chí Minh sẽ trả lời sao với những người đã theo học một hệ thống học đặc nhất vô nhị so với cả nước, do giáo sư Cao Minh Thị “sáng chế” ?

### Thanh tra giáo dục

Lẽ nào thanh tra sở giáo dục đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trong suốt gần ấy năm, hoàn toàn tê liệt ? Dư luận trong ngành đang đặt nhiều dấu hỏi quanh vị đương kim chánh thanh tra Trần Nguyên Phò, được cựu giám đốc sở Cao Minh Thị quyết định “tạm cử làm chánh thanh tra” tháng 7.90 : năm 1986, khi bà Trương Thị Hồng còn làm giám đốc sở, ông Phò đã bị kỷ luật vì “cấp bằng chứng nhận cấp 3 BT VH sai nguyên tắc”. Năm 1992, trong một vụ “đặc cách” một cô giáo cấp 2 lên dạy cấp 3 ở trường Nguyễn Thị



PHÒNG XÉT NGHIỆM... BẰNG CẤP

Tranh của Nóp, Tuổi Trẻ chủ nhật 2.11.97

Minh Khai, ông Phò bị thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kỷ luật khiển trách !

### **Điều khó hiểu hơn hết**

*Trả lời phỏng vấn của báo chí, ông Lê Hiếu Đằng, trưởng ban văn hóa-xã hội hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu rằng :*

Trước tình hình này, phải mổ xé triệt để vấn đề. Không nên xem như vậy là “ vạch áo cho người xem lưng ”, mà chính là thông qua cuộc phẫu thuật này, Thành phố Hồ Chí Minh mới thực hiện nghiêm túc nghị quyết Trung ương 3, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch vững mạnh, đặc biệt là ngành giáo dục. (...) Có lẽ cách tốt nhất là tổ chức phúc khảo, sát hạch lại toàn bộ 8555 người đã nhận “ bằng tốt nghiệp ”, đồng thời xử lý triệt để trách nhiệm những người liên quan.

Đào tạo con người, trước hết phải nêu gương. Những tiêu chí về tài chính trị giá bạc tỷ tại sở giáo dục-dào tạo mà báo chí đã nêu (xem Diễn đàn tháng 9.97) cho thấy phẩm chất của những người điều hành guồng máy đào tạo thật đáng báo động. (...) Ông Cao Minh Thị đã từng có hành vi mạo quyền hạn, chức danh trong vụ ký hợp đồng liên doanh với nước ngoài thành lập “ Trường quốc tế Sài Gòn ”. Trên bản hợp đồng này, ông Thị không được uỷ nhiệm của uỷ ban nhân dân Thành phố, nhưng đã ký với tư cách “ thay mặt uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ”, bên dưới lại đóng dấu sở giáo dục-dào tạo Thành phố.

Trong việc tổ chức 40 kỳ thi, cấp 8555 bằng tốt nghiệp thay vì cấp giấy chứng nhận, (...) ban giám đốc cũ của sở giáo dục-dào tạo, trong đó có ông Cao Minh Thị, cùng các bộ phận chuyên môn là phòng giáo dục thường xuyên, thanh tra ... phải chịu trách nhiệm trực tiếp. Nhưng trách nhiệm lớn nhất là việc duy trì chức giám đốc của ông Thị, mặc cho những lời cảnh báo rất sớm của công luận và đại biểu dân cử. Điều khó hiểu hơn là cho tới nay, sau khi cất cánh an toàn khỏi sở giáo dục-dào tạo, ông Thị lại được bố trí vào một cương vị lãnh đạo đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh !

### **Mỹ Tho : một trường mầm non gây xấu tình hình chính trị ?**

LTS : Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 6.3.1997 của tòa án tỉnh Tiền Giang xử vụ án trường mầm non tinh, nhiều phụ huynh học sinh đã ôm mặt khóc trước bản án tù dành cho ba cô giáo nuôi dạy trẻ bị kết án là “ gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản và gây hậu quả nghiêm trọng, làm giảm lòng tin của nhân dân ”. Điều tra về bản án này, báo Lao Động ngày 25.10.97 ghi lại những sự kiện như sau :

#### **Từ tiền bồi dưỡng thầu cô...**

Năm học 1993-1994, trường mầm non tỉnh Tiền Giang thu học phí của các cháu học sinh tổng cộng 332,5 triệu đồng. Đến cuối năm học, nhà trường đã chi cho các cháu 290 triệu đồng, còn thừa 42,5 triệu đồng. Về khoản tiền thừa này, sau khi bàn bạc và được sự chấp thuận của hội đồng phụ huynh học sinh, ban giám hiệu cho dân thông báo công khai với nội dung : nhà trường xin các phụ huynh học sinh cho sử dụng để bồi dưỡng giáo viên nhân dịp lễ, Tết ; phụ huynh học sinh nào không đồng ý, nhà trường sẽ thanh toán lại.

Hết hạn thông báo, hiệu trưởng Lê Thuỷ Hương cho bộ phận tài vụ hợp thức hóa khoản tiền này vào quỹ nhà trường bằng cách lập các phiếu chi không có đầy đủ chữ ký của hiệu trưởng, kế toán trưởng và thủ quỹ. Tháng 5 1994, hiệu trưởng chỉ đạo tài vụ trích từ đó 11,2 triệu đồng bồi dưỡng cuối năm học cho toàn bộ 93 công nhân viên của trường. Sau đó, hiệu trưởng tiếp tục cho trích 19,3 triệu đồng để tạm ứng mua sắm vật liệu xây dựng, đồ dùng dạy học cho năm học 1994-1995. Hai khoản chi kể trên tổng cộng 30,7 triệu đồng, số tiền còn lại là 11,7 triệu đồng.

#### **... đền tội lập quỹ trái phép**

Từ những chứng lý đó, tháng 3 1995, công an tỉnh Tiền Giang quyết định khởi tố và bắt giam 3 bị can : hiệu trưởng Lê Thuỷ Hương, kế toán trưởng Phạm Nhị Hà và thủ quỹ Phạm Thị Mỹ Linh. Tháng 7, viện kiểm sát thành phố Mỹ Tho có quyết định truy tố các bị cáo về tội “ lập quỹ trái phép ”. Tháng 10, toà án thành phố Mỹ Tho mở phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tuyên bố không đủ yếu tố cấu thành tội lập quỹ trái phép, và chuyển giao các đương sự cho sở giáo dục-dào tạo Tiền Giang xử lý hành chính.

Theo kết luận của hội đồng xét xử, hành vi lập quỹ của các bị cáo không gây hậu quả nghiêm trọng, và các bị cáo cũng không hề có tham ô, tu lợi mà dùng tiền cho việc chung. Còn việc lập phiếu không của các bị can không phải là yếu tố để có số tiền quỹ trên. Trong khoản tiền bồi dưỡng đã chi, mỗi giáo viên, kể cả bị cáo, được hưởng người nhiều nhất là 200 000 đ, ít nhất chỉ có 45 000 đ, là một số tiền nhỏ.

#### **Một quan hệ dân sự bị hình sự hóa**

Nhưng viện kiểm sát Mỹ Tho tiếp tục kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng là chung thẩm ngày 6.3.97, tòa án Tiền Giang đã áp dụng điều bộ luật hình sự về tội “ lập quỹ trái phép ”, tuyên phạt bà Lê Thuỷ Hương 15 tháng tù treo, bà Phạm Nhị Hà 12 tháng tù treo và cảnh cáo bà Phạm Thị Mỹ Linh. Trước đó, ba người này cũng đã bị tạm giam suốt một tháng rưỡi. Phiên tòa phúc thẩm đã nâng hành vi của các bị cáo thành “ gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn ” và “ gây hậu quả nghiêm trọng về vật chất và dư luận xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân ... ”. Còn viện kiểm sát thì đã nâng lên hành vi kể trên của các bị cáo thành “ gây xấu tình hình chính trị ở địa phương ”.

Nhiều người đã thắc mắc về động cơ của lời buộc tội quá đáng này. Trong khi đó, các phụ huynh học sinh không chỉ ra toà làm chứng mà còn viết đơn cho viện kiểm sát và toà án, đồng ký tên khẳng định rằng bản thân họ đã tự nguyện cho số tiền này để bồi dưỡng thầy cô. Quan hệ cho - nhận giữa hai bên hoàn toàn là quan hệ dân sự, nhưng bị hình sự hóa trước toà. (...) Hy vọng trong phiên toà sắp tới, Toà án tối cao sẽ đem lại sự công bằng.

☞ *Những nhận định khó hiểu của viện kiểm sát và toà án Mỹ Tho phải chăng có hai giải thích : 1) Ban giám hiệu trường đã công khai hóa một “ quỹ trái phép ”, làm tiết lộ một “ bí mật nhà nước ” quan trọng ? – các cơ quan, doanh nghiệp đều có những quỹ đó nhưng chỉ là “ nội bộ ”. 2) Các phụ huynh học sinh khi “ đồng ký tên ” đơn gửi viện kiểm sát và toà án đã làm một hành vi có tổ chức, phạm vào tội bị coi là nghiêm trọng nhất trong chế độ chính trị hiện nay ?*

David LAMB

## Việt kiều : Nhịp cầu nối hai thế hệ

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam — Người cộng sản ở đây từng xem họ là kẻ thù — một số đông đồng bào bất bình, bị trực xuất đến tị nạn ở hơn 70 quốc gia, mơ ngày chính quyền Hà Nội sụp đổ và nước Việt Nam trong ký ức của họ được tái sinh.

Họ đã bỏ đi — hầu như đa số đều qua ngả đào thoát — bằng thuyền, bằng máy bay và theo đường bộ qua ba giai đoạn lịch sử của Việt Nam : Pháp thua trận năm 1954, khi Mỹ bị đuổi ra năm 1975, và sắc tộc Hoa bị trừ khử năm 1978. Đến giữa thập niên 1980, con số người Việt sống ngoài nước, hay như người ta gọi họ : Việt kiều, lên đến trên 2 triệu, đồng bằng hai phần ba dân số Hà Nội.

Nhưng, thời gian đã mở ra vài lối ngõ qua bãi mìn hoa giải. Giờ đây, ngày càng đông Việt kiều trẻ tuổi nhận lời mời mọc của một chính phủ muốn câu vào sức mạnh kinh tế và năng lực trí tuệ của họ. Họ đang trở về quê cha đất tổ để làm việc và sinh sống.

Họ tìm thấy, đất nước Việt Nam mới, đang di ra từ những năm đen tối, sau chiến tranh — thời mà khiêu vũ và nói tiếng nước ngoài bị cấm đoán, và các trại cải tạo mọc lên lỗ chỗ trên khắp đất nước — rất khác so với cái đất nước mà mẹ cha họ, và bản thân lầm người trong chính họ, đã từ bỏ để ra đi.

Nhóm này, đa phần là dân từ California, khác biệt với các nhóm từng trở về trong suốt chục năm qua ở chỗ họ là thế hệ Việt Nam hoàn toàn Mỹ hoá đầu tiên trở về. Thoạt tiên, họ là những kẻ lạ trên quê hương của bố mẹ mình — và rốt lại, họ là một nhịp cầu giúp hai đất nước vượt qua mối hiềm thù của một cuộc chiến tang thương.

David Thái, 25 tuổi, trước sống ở Orange County, hiện trông coi một trong những tiệm cà phê nổi danh của Hà Nội, nói : “ Thú thật, lúc quay trở về tôi cũng có lầm điều lo lắng. Cứ tưởng mình sẽ gặp đầy rẫy những súng và cớm. Tôi không biết người ta sẽ đối xử với mình ra sao. Ý tôi muốn nói, tôi lớn lên với quá nhiều những ý niệm về Việt Nam, về cộng sản, về cuộc chiến. Nhưng đó là những ý niệm của bố mẹ tôi, vì lúc ra đi tôi chỉ mới 2 tuổi.”

Andrew Hiền, 35 tuổi, trước đây sống ở San José (California), giờ làm tư vấn thương mại ở thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn cũ, nhận xét : “ Nơi đây cũng tựa như ở những vùng đất mới. Cơ hội thì đầy rẫy, sôi động. Và cũng thật hào hứng vì chúng tôi là thế hệ đầu tiên trở về để đóng góp xây dựng lại Việt Nam, chứ không phải chỉ để thủ lợi.”

Nguyễn Ngọc, 27 tuổi, kiến trúc sư, một thời sống ở Houston (Texas), hiện giúp thiết kế một đô thị mới đang được xây dựng về phía nam thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận : “ Tôi thật sự có cảm giác của một kẻ đi khẩn hoang. Vô khối công việc về thiết kế đô thị mà bọn tôi làm ở đây trước giờ chưa hề có ai làm. Nếu như tôi ở lại Mỹ, có lẽ phải mất đến 5 hay 10 năm để đạt tới vị trí của tôi hiện thời.”

Nhiều bậc cha mẹ của các Việt kiều này hoảng kinh trước sự trở về của họ. Các vị này đã liều mạng bỏ trốn cộng sản; giờ con cái họ xem chừng lại vồ vập lấy cộng sản. Qua thư từ và các lần về Mỹ thăm nhà, con cái các vị cố gắng giải thích rằng “ chủ nghĩa Lê-nin thị trường ” mà chính quyền Hà Nội đang thực thi quả có hoà huynh và mềm dẻo hơn cái hệ thống mà bố mẹ họ đã từ bỏ, trốn đi. Nhưng thông điệp này không phải lúc nào cũng bắt được nhịp cầu qua hố ngăn cách giữa các thế hệ.

### Những khác biệt thế hệ

Một người trả về thố lộ : « Tôi nói để gia đình biết là Việt Nam và văn hoá Việt Nam thu hút tôi ra sao, và thế nào cũng có một ai đó bảo : “ A, vậy là mê cộng sản rồi.” ». Một người khác kể, anh gửi cho đứa em ở Orange County một áo thun có in hình lá cờ Việt Nam, lá cờ mà một thế hệ trước đây chỉ tung bay trên miền Bắc chứ không ở miền Nam. Cậu em mặc áo ấy trong buổi cơm tối liền bị đuổi khỏi bàn ăn và ông bố đe : “ Chó có trương cái lá cờ ấy trong nhà này nữa.”

Rõ ràng là mọi hi vọng mà thế hệ Việt Kiều lớn tuổi và bảo thủ vẫn ôm ấp : giành lại nước Việt Nam thời son trẻ của họ, giờ chỉ là một giấc mơ. Chánh quyền Hà Nội ổn định, và dân chúng ủng hộ các cải tổ nhằm chống chơi lại với các chính sách đầy tai vạ của những năm 1970, khi các nông trại biển thành trại cải tạo, hàng trăm ngàn người bị tống vào trại cải tạo, và bao nhiêu là tỉ đồng phí phạm vào việc mô phỏng hệ thống phát triển công nghiệp nặng kiểu xô-viết.

Doanh nhân Vic Dương, 40 tuổi, có bố mẹ đang sống ở San Francisco (California), nói : “ Hai năm trước, tôi trở về làng nơi sinh quán của mẹ và cha tôi (ngoài Bắc). Một số người trong gia đình còn ở đấy. Họ тоже muốn biết người bà con từ Mỹ về ra sao, nhưng hai thế giới của chúng tôi quá khác nhau. Nó giúp tôi ý thức được rằng chúng tôi đã rời xa ngôi làng bé nhỏ ấy đến chừng nào.”

Ông nói thêm : « Tôi phải thú nhận rằng khi tôi mới quyết định trở về để làm ăn, bố mẹ tôi nói : “ Tại sao ? Sao con lại muốn làm thế ? Ở Mỹ đây con muốn gì lại không được.” Nhưng, biết không ? bố tôi về thăm Việt Nam một chuyến ... và lúc tôi đưa ông cụ ra phi trường, bố tôi bảo là tôi đã có một quyết định đúng. »

Nhiều người Mỹ không thể nào phân biệt Việt kiều với những người Việt Nam khác. Nhưng với người Việt trong nước, chuyện ấy dễ như bohn. Việt kiều đàm ông thường cao, to hơn. Thường họ ưa mặc quần soóc — kiểu ăn mặc chỉ dành cho người lao động lam lũ ở đây — và đôi khi, đi vào nhà bạn bè họ lại quên bỏ giày dép ra.

Có thể họ không nói tiếng Việt thật thông thạo, vì họ quen

nói tiếng Anh trong gia đình, dù rằng tiếng Việt là ngôn ngữ của bố mẹ họ. Ăn nhậu với bạn bè, họ bị mọi người trổ mắt nhìn ngô nghênh khi họ đề nghị mọi người chung tiền để trả bữa ăn ; ở đây chưa hề có cái ý niệm *Deutch treat*<sup>1</sup> — luôn phải có một người nào đó đóng vai chủ mồi.

Một Việt kiều từ Los Angeles : “ *Tôi không gọi đó là cảm xúc văn hóa, nhưng cũng như bất kỳ người ngoại quốc nào đến một nước Thế giới thứ ba, có lầm điệu lầm lúc ban đầu. Song, không lâu đâu. Chỉ sau vài tuần là tôi cảm thấy rất thoải mái.* ”

Khi đã quen nước quen cái, cách sống của họ không còn lộ khác biệt. Họ ăn ở những hiệu ăn các kiều dân khác và người Việt Nam trung lưu cũng đến ăn. Họ chạy xe gắn máy. Họ sống trong những căn hộ khiêm tốn.

Họ bồ bịch trai, gái — thực tế, đàn ông Việt Kiều rất có giá vì họ mang hộ chiếu nước ngoài, có học vấn và có thể rủng rỉnh chút của cải — và thường thì họ cũng không phàn nàn về sự thiếu thốn các tiện nghi và giải trí ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Họ phần đông làm việc nhiều giờ và mang điện thoại di động.

Thái, ông chủ tiệm cà phê, khá tiêu biểu cho lứa Việt kiều hồi hương mới. Anh cao thước tầm, lêu nghêu so với hầu hết người Việt Nam. Anh tốt nghiệp trường trung học Savannah ở Anaheim (Orange County, CA) và Đại học Washington ở Seattle (bang Washington). Anh hâm mộ đội bóng rổ Lakers của Los Angeles và trong túi có 700 đô-la lúc về đến Hà Nội hồi năm ngoái.

## Lớn lên như một người Mỹ

Mẹ anh về thăm và bà khóc ròng : Con trai bà sụt 15 cân và sống trong một căn hộ chỉ có vỏn vẹn một cái ghế và một tấm nệm.

Thái nói : « *Tôi lớn lên như một chú nhóc Mỹ. Bạn tôi đã phần là trắng. Tôi thích nói tiếng Anh hơn tiếng Việt. Tôi ghét cay ghét đắng khi bố tôi dẫn chúng tôi lên chùa ; tôi muốn đi chơi bowling (môn ném bóng gỗ). Có thể nói, tôi phủ nhận hoàn toàn nguồn cội của mình. Tôi không cắp bồ với con gái người Á châu. Tôi vào trường đại học, nhìn những người Á châu khác và tự nhủ : “ Mình đồng hoá giỏi hơn họ. Ngay trong cách nói tiếng Anh, mình cũng không bị pha giọng.”*  ».

Rốt cục, Thái lại bắt đầu học về các vấn đề Á châu và kết bạn Á châu trong đại học. Mỗi quan tâm về Việt Nam bén rễ. Năm 1995, cùng với một nhóm bạn Mỹ gốc Việt, anh trở về lần đầu để học một lục cá nguyệt tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Trên xe buýt từ sân bay Hà Nội, đám học sinh “ high-five ”<sup>2</sup> với nhau, một tay nào đó thét lên : “ *Wow, we’re in ‘Nam, man !* ”<sup>3</sup>. Thái cho biết : mất độ năm phút để anh biết mình phải lòng quê hương nơi anh đã chào đời.

Ở quán cà phê Âu Lạc, anh đưa các ý niệm phương tây vào khung cảnh phương đông. Anh nói về *teamwork*<sup>4</sup>, *focus*<sup>5</sup> và mục tiêu dài hạn. Anh mở khóa học (“ academy ”)

dài hai tuần cho nhân viên mới và mở trường dạy toán và Anh văn cho trẻ em trong khu vực.

Tất cả công nhân của anh được chia lời, đến lũ nhóc nhếch nhác trước đây lẩn quẩn chung quanh giờ cũng là những doanh nhân tí hon, hẳn hoi trong đồng phục, và được chia chác lợi nhuận bằng cách đánh giày cho khách và làm các việc vặt. Hàng tháng, Thái biểu một số phần trăm thu nhập bán một loại thức uống nào đó cho việc thiện.

Thái nói : “ *Tôi muốn làm cho Việt Nam khác hơn* ”. Anh vừa thêm hai món trong thực đơn — *hamburger* và *hot dog*<sup>6</sup>.

Theo chính phủ Việt Nam, các nơi có cộng đồng Việt kiều đông nhất là Mỹ (1,2 triệu), Pháp (300 000), Úc (200 000), Canada (200 000), Liên Xô cũ (80 000) và Đông Âu (12 000). Hoa Kỳ là nguồn Việt kiều hồi hương hàng đầu.

Chính phủ không theo dõi sát là có bao nhiêu người định cư ở đây, nhưng năm ngoái 270 000 Việt Kiều vào Việt Nam thăm viếng, tạm trú hay sống tại đây để làm ăn, so với 80 000 năm 1992. Chưa đầy 10 năm về trước, chỉ một dum nhỏ trở về hàng năm.

Những người di dân đầu tiên trở về như những du khách, bắt đầu từ cuối thập niên 1980, đã gặp nhiều trở ngại, phiền hà, và Hà Nội bức dọc vì có những người chống cách mạng trong số ấy. Chiếu khán nhập cảnh rất khó xin. Một khi đã về đến đây, Việt kiều bị công an theo dõi. Họ bắt buộc phải ở khách sạn và chỉ có thể thăm viếng gia đình vào ban ngày. Nền kinh tế là do nhà nước kiểm soát, do đó không có sinh hoạt kinh doanh để họ tham gia, nếu như họ quả có ý muốn tham gia. Tự do đi lại trong nước bị hạn chế.

Nhưng vài năm trước, Hà Nội thừa nhận Việt kiều là một lực lượng mạnh trong việc phát triển Việt Nam. Đây là một cộng đồng từng gửi một tỉ đô la hằng năm cho gia đình. Việt kiều nắm những địa vị quan trọng ở Hoa Kỳ, Úc và Âu Châu trong nghiên cứu, quản trị kinh doanh và ngân hàng. Số bác sĩ y khoa Việt Nam hành nghề ngoài nước đông hơn trong nước.

Đảng CSVN ước tính “ nền kinh tế Việt kiều ” lên đến 20 tỉ đô-la mỗi năm. Quan chức của đảng cho biết, nếu Việt kiều hải ngoại chỉ đầu tư 10 % thu nhập của họ vào Việt Nam, nó sẽ lên đến 2 tỉ đô-la một năm. Tiềm năng là rõ. Hà Nội bỏ luật nhằm nhí đánh thuế 5 % trên tiền gửi về nước và dần dần nới rộng các luật lệ, tạo sự dễ dàng cho Việt kiều trở về và ở lại vô hạn định. Cho đến giờ, chính phủ cho biết, các hãng và cá nhân Việt kiều đã đầu tư trong 50 dự án chính thức (của nhà nước).

Phạm Khắc Lãm, phó chủ nhiệm Ủy ban trung ương về người Việt Nam ở nước ngoài nói : “ *Tôi biết chúng tôi đã gây những lỗ hổng trong quá khứ, và chúng tôi đang sửa chữa chúng. Chính sách hiện nay của chúng tôi là để mở. Quyền quyết định là ở họ. Nếu họ thấy tốt hơn hết là họ cứ ở lại nơi mình đang sống, và mỗi năm về đây thăm viếng một đôi lần thì cũng tốt. Nếu họ muốn trở về để ở lại và tham gia xây dựng lại Việt Nam, chúng tôi sẽ chào đón họ như một bộ phận kháng khít của dân tộc Việt Nam* ”.

Ông Lãm nói thêm : “ Người Việt Nam ở hải ngoại có một vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển của chúng tôi. Cộng đồng của họ là một cộng đồng mạnh về chất xám và túi tiền cũng to.”

### Hộ chiếu nước ngoài đem đến những chọn lựa

Trong nhiều mặt, Việt kiều có những thuận lợi lẫn thiệt thòi khi họ hồi hương. Thuận lợi ở chỗ : do mang hộ chiếu nước ngoài, họ lúc nào cũng có thể bỏ đi. Nếu làm việc cho các công ty quốc tế, họ cũng có được đồng lương cao hơn những người Việt Nam khác.

Thiệt thòi là vì họ chịu sức ép phải chứng tỏ mình xứng đáng với đồng lương và chức vụ cao hơn. Họ cũng thiếu cái lối an toàn về chính trị của những người Việt Nam khác ; tỉ như, họ không có một ông bác ngõi ở một bộ nào đó khả dĩ giải quyết được những rắc rối có thể xảy ra.

Tuy rằng sự ngại ngài của Đảng cộng sản đối với Việt kiều — và người ngoại quốc nói chung — chưa phải hoàn toàn bôi xoá, và nhiều người trở về nói rằng công an vẫn chú ý đến họ hon so với người Việt Nam khác, phần đông không gặp trực trặc với nhà cầm quyền. Sự chuyển tiếp thường êm xuôi, chỉ cần họ tâm niệm một số hướng dẫn như :

• Đừng khoa trương cái *chất Mỹ* của anh hay sự kiện anh được học hành cao hon và giàu có hơn so với trường hợp anh đã phải ở lại Việt Nam.

• Ẩn nhẫn, khiêm cung và né xa chính trị.

• Sẵn sàng để đóng góp, chứ không chỉ nhầm thủ lợi, vào nền kinh tế đang phẩn đấu để bắt kịp với cả vùng Đông Nam Á.

• Hãy từ từ, kiên nhẫn và không nên bối rối hoang mang nếu một vụ giao tiếp đơn giản với nhà nước trở thành một vụ việc gian nan, dai dẳng.

Một Việt kiều thổ lộ : « Nói chung, tôi không thấy tôi bị oán hận vì chúng tôi đã bỏ đi và không phải chịu khổ sở như những người ở lại. Song, đôi lúc bạn có thể bắt gặp người ta, nhất là những người nghèo khó hơn, nghĩ rằng : “ Nếu 20 năm trước tôi cũng làm như anh thì liệu cuộc đời tôi bây giờ ra sao ? ” ».

15 tháng trước, Trịnh Ái Lan, 27 tuổi, trở về nơi vốn là Sài Gòn — “ một chỗ tôi không bao giờ tưởng rằng mình còn nhìn thấy lại ” — để nghiên cứu và viết một quyển sách về những thăng trầm của gia đình cô.

Chui rúc trong một căn hộ độc thân, thuê với giá 250 đô-la một tháng, bên trên một quán ăn, cô tìm lại được những ký ức vừa ngọt ngào vừa cay đắng : vụ thanh trùng năm 1978, cuộc biến đổi của gia đình cô từ chỗ sung túc sang nghèo khó, chuyện tù đày và tẩu thoát — bố cô, bằng thuyền sang Thái Lan ; mẹ cô, theo đường bộ sang Trung Quốc — và bắt đầu lại từ đầu, ở Houston, New York, Australia, Hồng Kông và giờ đây, với riêng cô, Việt Nam.

Lan nói : “ Tôi quyết không để quá khứ quấy nhiễu.” Cô đã tạm bỏ dở sự nghiệp của một nhà sản xuất truyền hình thành công ở Hồng Kông để trở về. “ Tôi vẫn nhắc đi nhắc lại rằng, tôi muốn Việt Nam là trạm ngừng sau cùng của mình, nhưng tôi không chắc điều gì rồi sẽ xảy ra. Duy có một

diều tôi có thể nói chắc lúc này là : Đây là nhà.”

Lan ghi nhận : “ Tôi nghĩ, hơn cả mọi thứ, những người Việt Nam khác nhìn tôi như một người ngoại quốc trở lại với ô-la Mỹ trong túi. Tôi không nhầm nói lên điều ấy với giọng cay chua, vì tôi đã tạo được một số liên hệ rất tốt và chân thật với người Việt Nam tại nơi đây. Tôi ăn uống ở các hàng quán dọc đường. Hôm qua, tôi lần đầu mặc thử chiếc áo dài và cảm thấy rất tự nhiên.”

Lan nói tiếp : “ Cảm giác ban đầu, khi tôi vừa đến phi trường, là tôi đã trót đi quá xa để bây giờ quay trở về. Nhưng, tuy cũng phải sau một thời gian để tôi nghiệm ra, cái tôi đã bỏ đi không phải là cái tôi đang quay về. Điều này cũng đúng với Việt Nam. Việt Nam giờ cũng thay đổi.”

(Nguyễn Hoàng dịch từ nguyên bản  
Viet Kieu : A Bridge Between 2 Worlds,  
Los Angeles Times, 4-11-1997)

1. *Deutch treat* (hoặc *Go Deutch*) : đi ăn chung và ai trả phần tiền của người ấy.
2. *High Five* : Một người đưa ngửa hai bàn tay lên cao, người kia vỗ hai bàn tay của mình xuống tay của bạn.
3. 'Nam : một kiểu gọi Việt Nam quen thuộc của lính GI Mỹ tại Việt Nam. “ Wow, we're in 'Nam, man ! ” tạm dịch : Chà, mình ở (Việt) Nam rồi ta !
4. *Teamwork* : làm việc với tinh thần đồng đội.
5. *Focus* : mục tiêu, tiêu điểm.
6. *Hot dog* một loại đồ ăn nướng rất phổ biến.

### Cùng bạn đọc

Do sơ xuất, trong số 67 và 68, nơi trang 3, chúng tôi đã in thiếu một số 4 trong số trang mục bưu điện của báo Diễn Đàn (số 69 này đã sửa lại). Xin nhắc lại đầy đủ : 30041 00001 0441614W020 76 để bạn đọc ở các nước thuộc Liên hiệp Âu Châu có thể chuyển khoản thẳng.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và thành thực cảm ơn những bạn đã phát hiện ra sai sót này.

đã phát hành số 2.1997

## gió đông

### giai phẩm văn học

phát hành mỗi năm 4 lần ♦ diễn đàn của những nhận thức mới ♦ mở đường mới trong sinh hoạt văn học tại châu Âu

P.O. Box 190127, 53037 BONN, Germany  
Tel (49)-(0)228-214536  
Email : giodong@gmx.de

# Nơi sinh của nền điện ảnh Việt Nam

7-16 tháng 11.1997 : thành phố Amiens (Pháp) tổ chức Liên hoan quốc tế điện ảnh lần thứ 17. Ngoài phim dự thi (12 phim dài, 12 phim ngắn), ban tổ chức đã tập trung vinh danh ba nhà điện ảnh : **Khương Mẽ, Willy Holt và Don Siegel.**

**Don Siegel**, đạo diễn Mỹ, là tác giả mấy chục phim, nổi tiếng từ năm 1956 với cuốn *Invasion of the Body Snatchers* (*Invasion des profanateurs de sépultures*), rồi *Baby Face Nelson* (*Ennemi public*, với Mickey Rooney, 1957), *Flaming Star* (1960, với Elvis Presley)... và gần đây hơn, chuỗi phim trinh thám với Clint Eastwood thủ vai *thanh tra Harry*.

**Willy Holt**, tên tuổi này ít ai biết : ông là người trang cảnh cho hơn 30 cuốn phim nổi tiếng, như *The Miracle Worker* (A. Penn), *Paris brûle-t-il ?* (R. Clément), *The Sergeant* (J. Flynt), *Julia* (F. Zinneman), *Au revoir les enfants* (L. Malle), *Lune de fiel* (R. Polanski)...

**Khương Mẽ**, khách mời cao tuổi nhất của Festival d'Amiens, có thể khán giả Việt Nam đã gặp trong một số phim mà ông là diễn viên, hay còn nhớ phim *Cô Nhíp* mà ông là đạo diễn. Jean-Pierre Garcia, giám đốc liên hoan, cho biết : đọc những tài liệu liên quan tới lịch sử điện ảnh Việt Nam, ông biết có những cuốn phim tài liệu đã được quay ở Nam Bộ từ thời kỳ kháng chiến, nhưng không có tài liệu nào cho biết rõ những ai đã quay những thước phim đó, và cũng như nhiều chuyên gia Âu Châu, ông cho rằng những bộ phim này đã mai một trong chiến tranh. Song “sự gặp gỡ giữa Liên hoan Amiens và nhà điện ảnh lão thành này không phải là ngẫu nhiên”, nó là kết quả tất yếu của một “sự tìm kiếm thường trực tất cả những tác phẩm liên quan tới lịch sử điện ảnh, những tác phẩm mà đôi khi người ta do dự không muốn chiếu”.

Phải cảm ơn một truyền thống tốt đẹp của giới điện ảnh Pháp mà biểu tượng điển hình nhất là ông Langlois, người suốt đời say sưa săn tìm và gìn giữ từng thước của mọi cuốn phim mà ông đã phát hiện, trong những hộp cáctông nằm lén lút một góc chợ trời của ô St-Ouen của Paris, hay ở tận góc bể chân trời. Nhờ Langlois mà phim viễn Paris đã ra đời và trở thành phim viễn lớn nhất thế giới. Ở J.-P. Garcia, chúng tôi đã gặp sự đam mê tương tự. Nhờ sự đam mê ấy, công chúng Amiens năm nay đã được xem những thước phim điện ảnh Việt Nam đầu tiên, quay cách đây gần đúng 50 năm, trong những điều kiện thật khó tưởng tượng.

Đó là hai cuốn phim *Trận La Ban* (1948, 15 phút) và *Chiến dịch Trà Vinh* (1950, 15 phút). *Trận La Ban* (tháng 12.48) và *Trận Mộc Hoá* (tháng 8 cùng năm) là hai cuốn phim đầu tiên được quay trong kháng chiến, với một ê-kíp gồm các nhà điện ảnh Mai Lộc, Vũ Sơn và Khương Mẽ với 2

camera Paillard và một camera ETM.

Phim là phim 16 mm *đảo* được (inversible), nghĩa là quay rồi, có thể rửa thành *dương bản*. Cuối năm 1947, ông Khương Mẽ từ chiến khu Đồng Tháp cải trang về thành tìm mua phim, thuốc tráng và camera. Lúc ấy Sài Gòn chỉ có phim 9 1/2, không có phim 16. Thuốc cũng vậy, chỉ có thuốc hiện hình và định hình, không có *thuốc đảo* (*bichromate de potassium* và *alun de chrome*). Ông phải nhờ người bạn là Nguyễn Văn Dĩ lúc đó làm việc ở Cercle Sportif (Câu lạc bộ Thể thao) đặt mua từ Paris. Mùa hè 48, máy, phim, thuốc được đưa ra bưng. Tại đây, với 2 cuốn *Ciné almanach Prisma* và *Le Livre du cinéaste amateur* (nxbs. Paul Montel), đội ngũ điện ảnh mấy người đó đã mò mẫm học nghề rồi quay thử những thước phim đầu.

Đến khâu tráng phim, khó khăn đặt ra : phim phải tráng trong nước ngọt ở nhiệt độ 18°C, mà Đồng Tháp Mười chỉ có nước phèn, và lúc nào cũng nóng 35-40°C. Nước ngọt thì đã có má Bảy chủ nhà hi sinh vại nước mưa tích trữ làm nước uống cho cả năm. Còn làm sao hạ nhiệt ? Chỉ còn cách nhồi đồng bào và giao liên mua những cây đá từ Cai Lậy, chở thuyền lên Đồng Tháp. Rồi còn phải nhân bản, sao phim trong điều kiện không có điện : động cơ (lò xo lên giây bằng tay) của camera Paillard được dùng để cuộn bản chính và bản sao, còn ánh sáng, thì dùng đèn măng sông Aida của Đức : ông Phạm Ngọc Thuần, phó chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ (theo lời ông Khương Mẽ kể lại), sau khi xem cuốn phim đầu tiên, đã nói đùa “không phải là điện-ảnh, phải gọi là *măng sông*-ảnh mới đúng”.

Điện ảnh kháng chiến Việt Nam đã ra đời như thế tại Đồng Tháp Mười, cách đây đúng 49 năm.

Cố nhiên đó không phải là những thước phim đầu tiên được quay ở Việt Nam. Từ những năm đầu thế kỷ, đội quay phim do nhà tỉ phú Albert Kahn đã sang Đông Dương quay những hình ảnh đầu tiên. Những năm 20, một người Pháp cũng đã quay vỏ tuồng *Kim Vân Kiều* diễn ở Hà Nội. Khoảng 1936-37, hai cuốn phim truyện *Cánh đồng ma* và *Trận phong ba* đã được quay ở Hồng Kông, do người Việt Nam bồi vốn và do diễn viên Việt Nam đóng (nhà văn Nguyễn Tuân đã đóng trong *Cánh đồng ma*). Từ 1950, tại Sài Gòn, những cuốn phim truyện đầu tiên đã được thực hiện (với các hãng Alpha, Mỹ Phương...). Phim truyện đầu tiên được thực hiện ở miền Bắc là phim *Chung một dòng sông* (1959). Tổng cộng từ đó đến nay đã có khoảng 600 phim truyện Việt Nam.

Điều đáng nói thêm là ngay trong hoàn cảnh khó khăn của bưng biển Nam Bộ, Khương Mẽ và các nhà điện ảnh kháng chiến đã thực hiện một cuốn phim truyện ngắn *Tàn đời để quốc* (1952). Tiếc rằng nguyên tác không còn, khán giả Amiens chỉ được coi một bản quay lại năm 85, cũng với một camera Paillard, theo đúng kịch bản và kỹ thuật cũ, và với những diễn viên còn sống.

Được xem những thước phim lịch sử của nền điện ảnh Việt Nam, tôi ước mơ sớm xuất hiện một Langlois Việt Nam, say mê đi tìm từng cuốn phim, gop phần gìn giữ một di sản không của riêng gì Việt Nam. Chẳng lẽ chúng ta cứ để người nước ngoài thiết tha hộ chúng ta mãi sao ?

N.N.G.



■ Charles Nguyễn Văn Du : có thể bạn chưa nghe tới tên họa sĩ trẻ này, cũng như tôi cách đây hai tuần. Anh triển lãm tại phòng tranh CROUS, rue des Beaux-Arts, Paris trong tháng 11, nhưng cuộc triển lãm không được quảng cáo trên báo chí nên chỉ ai đi qua khu phố Nghệ thuật ở quận 6 mới thấy. May mắn cho tôi, chị Lê Thành Khôi đã khám phá ra Nguyễn Văn Du hai ngày trước khi bế mạc và đã gọi ngay điện thoại báo tin.

Du năm nay 34 tuổi, sang Pháp cùng với cha mẹ và 8 anh chị em từ năm 1968. Lớn lên ở Marseille. Anh chị em chọn học y dược, một mình Du chọn mỹ thuật, học ở Toulon rồi Paris. Du vẽ, vẽ mạnh và nhiều, nhưng theo ý tôi, sở trường của anh là *tranh ghép (mosaïque)*. Một phần có lẽ do tiếp cận với giáo sư Riccardo Licata, nhưng phần chính, là hình thức nghệ thuật này dường như là mảnh đất thiên phú của Du (nhiều tác phẩm của anh đã được giải thưởng trong mấy năm qua). Sự sáng tạo của anh bắt đầu từ sự tìm kiếm, sưu tập chất liệu (đá, gỗ, vỏ sò...), rồi phân tán, nhân số, để kết hợp, gắn ghép. Tranh ghép của Nguyễn Văn Du thấp thoáng vài hình tượng (nhất là cảnh biển, sóng...) nhưng rất sống, chúng đưa người xem vào thế giới nội tâm, trầm mặc, phản ánh một không khí Đông phương mặc dầu anh chưa có điều kiện tiếp cận (Du không đọc và viết được tiếng Việt, nhưng nói được và muốn nói chuyện bằng tiếng Việt).

Được phép của Du, tôi xin công bố địa chỉ xưởng họa của anh : 10, rue Carnot, 93400 SAINT-Ouen, dt 0140112876 để bạn đọc có thể hẹn đến thăm mà không cần chờ một cuộc triển lãm công cộng.

■ VIe FESTIVAL FRANCOPHONIE METISSEE : Nói tới *francophonie (pháp ngôn)* người ta dễ mắc sai lầm là chỉ nghĩ tới nước Pháp. *Liên hoan pháp ngôn họp chung lần thứ VI* tổ chức tại Trung tâm Wallonie-Bruxelles (cách Trung tâm Georges Pompidou vài bước, nghĩa là ở trung tâm thủ đô Paris) trong hai tháng 10 và 11 vừa qua cho phép chúng ta tẩy xoá sai lầm ấy. Một phòng triển lãm nghệ thuật đầy đủ tiêu chuẩn (nhìn sang Trung tâm Pompidou), một nhà sách (mặt tiền trông ra phố Quincampoix) khang trang và đa dạng, một nhà hát hơn 400 chỗ, một phòng chiếu phim gần 100 chỗ, những chương trình sinh hoạt văn hoá phong phú, tất cả dưới sự điều khiển của hai bà giám đốc và phó giám đốc người Bỉ, Geneviève François-Masquelin và Marianne Hicter, cùng với một êkip năng động, tận tâm và niềm nở.

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà tại thủ đô nước Pháp, một chương trình văn hoá nghệ thuật của Việt Nam (nước đăng cai Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngôn) lại được tổ chức, và tổ chức thành công tại một trung tâm văn hoá Bỉ ! (với sự tài trợ và hợp tác của Tổ chức ACCT-Francophonie). Hình

như, qua dịp này, những quan chức Bộ văn hoá và Bộ ngoại giao mới chợt thấy rằng nước Pháp không có một cơ sở văn hoá nào để triển khai các hoạt động của khối Pháp ngôn !

■ Từ Sông Hồng đến sông Mêkông : những trào lưu mới ở Việt Nam, đó là tên gọi chương trình sinh hoạt văn hoá nghệ thuật mà Trung tâm Wallonie-Bruxelles đã thực hiện để giới thiệu Việt Nam trong khuôn khổ Liên hoan năm nay, với sự tham gia của gần 20 văn nghệ sĩ được mời từ Việt Nam qua.

Diễn đàn số trước đã giới thiệu cuộc triển lãm của 7 họa sĩ trẻ : Đinh Ý Nhi, Đỗ Hoàng Tường, Hồng Việt Dũng, Lê Hồng Thái, Lê Thiết Cương, Lê Thừa Tiến, Trần Văn Thảo.

Cuộc triển lãm ấy và cuộc thảo luận tối 17.10 với sự tham gia của các nhà phê bình nghệ thuật Dương Tường (Hà Nội), Nguyễn Trung (Sài Gòn) và họa sĩ Nguyễn Cầm (Paris) đã xác nhận, một lần nữa, là trong cuộc đổi mới, hội họa là ngành nghệ thuật có may mắn được *thoái mái* phát triển nhất. Trong khi các ngành khác, dính túi chữ nghĩa và ngôn tú, như văn học, sân khấu, điện ảnh, vẫn còn chịu những ràng buộc chính trị và đồng thời bị sự chi phối của một nền kinh tế thị trường hoang dại, thì hội họa đã sớm thoát khỏi vòng kiềm tỏa tư tưởng của *chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa*, và do kế thừa di sản của Trường mỹ thuật Đông Dương, hội họa Việt Nam đã giành được một thế đứng độc đáo ở Đông Nam Á, và bước đầu xuất hiện trên thị trường nghệ thuật. Cố nhiên, thị trường này cũng đã tạo ra những ràng buộc mới, không ít họa sĩ đã chạy theo xu hướng thương mại hoá.

Nhân đây, cũng xin nói tới một điều đáng tiếc trong cuộc thảo luận ngày 17.10. Mọi người đều biết họa sĩ nói bằng cây cọ, tư duy bằng tác phẩm, rất khó *đối thoại* với họa sĩ, và giữa họa sĩ với nhau, càng khó, nếu không nói là không thể, đối thoại. Cuộc thảo luận tối 17 minh chứng điều đó. Họa sĩ Lê Bá Đảng phát biểu một câu ngắn, nêu một vấn đề cơ bản. Ông nói đại ý : cho đến nay, họa sĩ Việt Nam có xu hướng vẽ theo trường phái này, trường phái kia, phàm đã *đi theo* để *bắt kịp*, thì bao giờ cũng *đi sau* người ta cả, bao giờ chúng ta mới là *chính chúng ta*? Tiếc rằng, ý ấy, họa sĩ đã phát biểu thành “ bao giờ các anh mới là Việt Nam ? ”. Hai chữ *Việt Nam* đã làm lệch ý, dẫn tới một cuộc thảo luận dao to búa lớn, ông nói già bà nói vịt, bỏ lỡ một câu hỏi cốt yếu, đặt ra cho mọi người sáng tạo nghệ thuật ở mọi nơi, mọi thời, và cần đặt ra cho họa sĩ Việt Nam, hôm nay. Nhưng thôi, đời còn dài, chúng ta còn có dịp thảo luận vấn đề này. Mặc dầu, như đã nói ở trên, nói chuyện với họa sĩ khó lắm. Ít ra *bằng lời*. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy *đối thoại* với tác phẩm. (Các bạn có thể tìm mua tập *catalô* ở Trung tâm Wallonie).

■ E Nuoi Y Moan : một sáng kiến tuyệt vời của ban tổ chức là mở đầu hai tháng nghệ thuật ở Trung tâm Wallonie bằng chương trình ca nhạc *Êdê* (Tây Nguyên) với Ban nhạc Đắc Lắc và ca sĩ E Nuoi Y Moan.

Khán giả, nhờ đó, là được đi vào thế giới âm nhạc của núi rừng Tây Nguyên, với những tiết tấu nhộn nhịp, đa dạng, những làn điệu vừa chân chất vừa u hoài, tha thiết. Các nhạc sĩ (người dân tộc cũng như người Kinh) đều sử dụng thuần

thực nhiều nhạc cụ. Và đây là cũng là lần đầu, khán giả Paris được thưởng thức giọng ca đầy sức sống và quyến rũ của E Nuôi Y Moan.

Nếu mọi người đều bị chinh phục bởi âm nhạc Tây Nguyên và tài năng của các nhạc công, một số khán giả phân vân trước việc E Nuôi Y Moan đưa nhạc rock và đàn ghita vào chương trình. Người viết dòng này lại nghĩ khác : đây là một thử nghiệm thành công, và có mặt thành công hơn Trần Tiễn.

Ngược lại, ngay sau buổi trình diễn và từ đó tới nay, mọi ý kiến mà chúng tôi nghe được (từ khán giả Việt Nam và nước ngoài) đều nhất trí trên một điểm : màn múa là một sai lầm nghệ thuật nghiêm trọng, làm giảm giá trị của toàn bộ chương trình. Đây là một điều hết sức đáng tiếc vì diễn viên múa lại là một nhạc sĩ thổi sáo xuất chúng. Chúng tôi hỏi ban giám đốc Trung tâm Wallonie-Bruxelles. Các bạn Bỉ thú nhận là đã lựa lời góp ý kiến với ban nhạc Đắc Lắc, song ý kiến của họ không được tiếp thu và họ không muốn đơn phương chọn lựa các tiết mục. Đó là một thái độ hiếu khách, trọng thị và lịch sự. Song, vì giá trị nghệ thuật, và... danh dự dân tộc, xin Ban nhạc Đắc Lắc sớm rút kinh nghiệm. Và mong rằng bộ phận “ bảo vệ văn hoá ” của công an, dù có phải làm “ nhiệm vụ ” với tờ báo nhỏ bé này, cũng nên để ít nhất một số báo (hay trang báo) này tới tay ban nhạc Đắc Lắc.

**Điện ảnh :** những ai biết tổ chức một chương trình chiếu phim Việt Nam (chọn phim, thương lượng để muộn phim, gõ đúng mọi cửa, tìm ra phương tiện, và cầu trời khấn Phật cho phim được gửi tới đúng ngày) khó khăn như thế nào, tất phải ngả mũ chào Trung tâm Wallonie, và Louis Héliot, người trách nhiệm chương trình điện ảnh. Nhờ đó, khán giả Paris đã được xem một số phim hay (hoặc trên trung bình), như *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh, *Đến hẹn lại lên* của Trần Vũ, *Hãy tha thứ cho em* của Lưu Trọng Ninh, *Gánh xiếc rong* của Việt Linh, *Ai xuôi Vạn Lý* của Lê Hoàng, *Hoa của trời* của Đỗ Minh Tuấn. Xin đặc biệt giới thiệu cuốn phim tư liệu (60 phút) *Chùm nỗi Sông Hương* của Lê Mạnh Thích, với hình ảnh đẹp, phục vụ một kịch bản (không một lời bình luận) chân thực, nhân hậu, ý nhị.

Tiện đây, cũng xin thông báo 2 tin mừng : (1) *Ai xuôi Vạn Lý*, phim đầu tay của đạo diễn trẻ Lê Hoàng đã được chọn dự thi chính thức ở Festival 3 Lục địa ở Nantes cuối tháng 11 này, và sang tháng 1.98, sẽ được chiếu tại *Vidéothèque của thành phố Paris (Forum des Halles)*; (2) tháng 3.1998 tới đây, sẽ có một chương trình điện ảnh Việt Nam được tổ chức tại Bruxelles, thủ đô Bỉ.

**Sân khấu :** hai buổi đọc diễn rất thành công. Một là vở kịch *Monsieur Oncle ou le Temps d'Emma* của Philippe Crubézy (với sự cộng tác của Trần Minh Ngọc), do Clotilde Ramondou đạo diễn, với các diễn viên Nguyễn Thị Minh Ngọc, Cao Thị Ngọc Phượng, Suzy Lorraine, Damien Dodane, Trần Ngọc Trung. Xen kẽ tiếng Pháp và tiếng Việt, lần theo chuyến về thăm gia đình ông chú của một phụ nữ mẹ Việt cha Pháp và người chồng người Pháp, *Monsieur Oncle* đã vượt xa những chi tiết đời thường hài hước để đưa khán giả đối chất với những vấn đề của thời đại : bản sắc

văn hoá, sự đối đầu của mỗi cá nhân với ký ức, quá khứ và nguồn gốc của mình, quan hệ Bắc-Nam ở bình diện nghiêm sinh của những con người cụ thể.

**Năm ngoài sự thật**, vở kịch của Nguyễn Thị Minh Ngọc (qua bản dịch Pháp văn của Phan Huy Đường), được Suzy Lorraine đọc (Ph. Crubézy chỉ đạo), đưa người xem vào thế giới của một phụ nữ Việt Nam. Cuối đời (sang đầu thế kỷ 21), bà Đạm Thuý nhìn lại cuộc đời của mình, qua mấy cuộc hôn nhân không thành. Ngoại trừ đoạn cuối mà người viết bài này cho là hơi cải lương, *Năm ngoài sự thật* (xem toàn văn vở kịch trong số 67, tháng 10.97) đã thể hiện được thân phận của một phụ nữ trong một cuộc đảo lộn ghê gớm của xã hội miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc thảo luận tối 17.10, các đạo diễn Trần Vũ (diễn ảnh), Nguyễn Thị Minh Ngọc và Trần Minh Ngọc (sân khấu) và diễn viên Cao Thị Ngọc Phượng đã phác họa một bức tranh khá hiện thực về đời sống cực kỳ khó khăn của điện ảnh và sân khấu Việt Nam những năm gần đây, nghĩa là 10 năm sau khi những kịch bản của Lưu Quang Vũ và một số tác phẩm điện ảnh (trong đó phải kể *Hà Nội trong mắt ai* và *Chuyện tử tế* của Trần Văn Thuỷ) đã khơi dậy một hưng phấn chưa từng có trong hàng triệu công chúng. Với sự tràn ngập của video, rồi truyền hình, phim ảnh, kịch và ca kịch Việt Nam không có người xem, hay đúng hơn : công chúng muốn xem (nông dân) thì không có để mà xem, còn công chúng có thể xem được (thị dân) thì chờ đợi ở điện ảnh và sân khấu những tác phẩm chưa ra đời. Đó là một thách thức chưa từng có đối với hai ngành nghệ thuật này, trong một hoàn cảnh cũng chưa từng có : trên đe (tư tưởng) dưới búa (thị trường).

**Lê Đạt :** ngoài những cuộc tiếp xúc quá ngắn ngủi với hai nhà văn được mời và sang được (là Băng Việt và Phan Thị Vàng Anh), và sự vắng mặt của Ngô Tự Lập (được mời mà không được sang), niềm vui lớn của công chúng tham dự ở Trung tâm Wallonie là gặp và nghe nhà thơ Lê Đạt. Vui và ngạc nhiên, bởi sự tham gia của nhà thơ không được thông báo trước, vì lý do dễ hiểu : giờ chót, Lê Đạt mới cầm trong tay cuốn hộ chiếu với đầy đủ chiếu khán.

Sau mấy chục năm *đi qua sa mạc* (hay đúng hơn, *là sa mạc*) kể từ ngày ông bị khai trừ khỏi Đảng cộng sản và Hội nhà văn (năm 1958), đây là lần đầu tiên, Lê Đạt xuất ngoại. Và ông đến Pháp. Ngạc nhiên lớn đối với ai gặp ông lần đầu là sức trẻ, sức sống mãnh liệt của con người đã quyết định không già hon 69 tuổi. Tho của Lê Đạt hôm nay, với hai tập *Bóng chử và Ngó lời* (vừa xuất bản), rất lạ, rất mới, đùa đầy, bốn đầy, nhưng đằng sau sự đùa b亲身 cợt kia là sự nghiêm chỉnh ghê gớm của một nhà thơ đối với chữ nghĩa, đối với ngôn từ, bên kia sự *choi chử*, là dám đem cả sinh mệnh vào cuộc *choi*, cuộc chơi của sáng tạo nghệ thuật. Hồi ông có viết hồi ký không, Lê Đạt trả lời không. Vì quá bận với cuộc chơi chữ nghĩa nghiêm chỉnh ấy. Đành cầu chúc Lê Đạt 69 tuổi dài dài, không như Boris Vian đã ngừng ở tuổi 39, để chơi xong ván bài với thơ, còn đủ thời gian trả nợ đời bằng một tập hồi ký.

Kiến Văn

# Tác giả cuối cùng của dòng văn Nguyễn Huy

Nguyễn Thắng

Nhân đọc :

NGUYỄN HUY HỔ

với MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

Lại Văn Hùng phiên âm, dịch chú, giới thiệu

Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội 1997, 226 tr.

**Q** uyển sách đáng vể khiêm tốn. Tuy vậy mà trong tôi khắp khởi tờ mờ, mừng mà lo. Cách nay đã nửa thế kỷ, Hoàng Xuân Hãn nhận định “*Thiên mộng-ký này là một áng văn-chương tuyệt-diệu, không lời nào non, vẫn nào ép*”... “*Một áng văn hay như vậy mà bị mai-một trong gần trăm rưỡi năm, kể-cũng hơi lạ ! Chúng ta há không nên sửa lại sự bất công ấy hay sao ?*”

Và chúng ta đã có được Nguyễn Huy Hổ, Mai Đình Mộng Ký, Hoàng Xuân Hãn biên tập và trích dẫn, Nghiêm Toản chú thích, nhà xuất bản Sông Nhị, Hà Nội 1951. Những câu ở đoạn trên trích từ *Lời dẫn* của quyển sách này.

Ngày nay một nhà nghiên cứu, dường như còn trẻ – chuyện đáng mừng – lại bước theo con đường ấy. Anh chàng này đóng góp thêm được những gì đây ? Về Mai Đình Mộng Ký ? Về tác giả Nguyễn Huy Hổ (1783 - 1841) ?

Hoàng Xuân Hãn cho biết Huy Hổ thuộc dòng dõi trâm anh thế phiệt gốc làng Trường Lưu tỉnh Hà Tĩnh : ông là con thứ tác giả truyện Hoa Tiên Nguyễn Huy Tự, cháu nội công bộ thượng thư thám hoa Nguyễn Huy Oánh. Mẹ ông, bà Nguyễn Thị Đài thuộc dòng họ Nguyễn, Tiên Điền. Bà là con gái tham tụng Nguyễn Khản, cháu nội đại tư đồ Nguyễn Nghiêm, tức là cháu gọi Nguyễn Du bằng chú ruột. Nhưng, những gì chúng ta được biết về cuộc đời và sự nghiệp của ông còn rất sơ lược.

Mỗi liếc ngang qua quyển sách, chỉ riêng mấy chuyện, cho in lại nguyên bản Nôm Mai Đình Mộng Ký mới tìm được, sao chụp bằng hình màu các tư liệu lịch sử mới phát hiện, đã là đáng khuyên một điểm son.

Có trong tay một bản văn phẩm xưa phải nhân nó lên, cần thiết là nhường nào ta thấm thía ngay từ *Lời đầu* quyển sách : ba bản Nôm chép tay Hoàng Xuân Hãn dùng để soạn quyển Mai Đình Mộng Ký của ông đã thất lạc không tìm lại được rồi. Bản in Sông Nhị năm 1951 thì không có bản chữ Nôm kèm theo.

Trong cái thời buổi mà sách in trong cũng như ngoài nước mắc phải thói xem nhẹ chính tả chữ Việt, chữ Hán thì lược bỏ, ta nên trân trọng những điểm lẽ ra phải là chuyện

thường : chuẩn về chính tả và có chua chữ Hán mỗi khi cần. Phải là con mắt chuyên gia nhặt sạn Nguyễn Hữu Thành mới soi thấy hai hạt cát trên 200 trang sách của Lại Văn Hùng, trong chú thích số 185 trang 120, Mẫu đơn đình, “Mẫu” viết ra chữ “Mục”, và chú thích 188 cùng trang, chữ “Liễu” trong Liễu tri làm thành chữ “Lang”.

Người đọc chú ý một chút thấy ra tất cả nỗi khó nhọc để có thêm được phần chữ Hán này : trong bản in còn dấu vết anh em trong nước đã phải cắt rời dán, tất cả làm bằng tay. Phải chi bạn bè nước ngoài giúp cho chương trình vi tính tự động để anh em khỏi phải làm thủ công cái việc tẩn mẩn và mất thì giờ này.

Biết rằng hình thức có tầm quan trọng của nó, nhưng chủ yếu vẫn phải là nội dung. Đóng góp của tác phẩm xuất phát từ những tư liệu lịch sử liên quan đến đề tài mới tìm ra (xem phần III).

Hoàng Xuân Hãn dè dặt khi ghi “*Còn truyền rằng chính ông (Nguyễn Huy Hổ) lấy kiểu đất lăng vua Minh-mệnh.*”, chú thích đó là theo lời người dòng dõi họ Nguyễn, Trường Lưu.

Nay đã tìm ra tờ sắc năm Minh Mệnh 21 (1840) để khẳng định được rằng vào khoảng hơn một năm trước khi ông mất (1841), Nguyễn Huy Hổ được bổ làm Linh đài lang ở Khâm thiên giám, hàm chánh thất phẩm, chủ yếu do việc tìm đất.

Một chức vụ khiêm nhường. Nhưng chính những cái chǎng-lấy-gì-làm-dáng-kể ấy cho ta thấu hiểu nỗi lòng thố lộ trong giấc mơ Mai Đình. Nỗi lòng của thiếu niên con cháu cựu thần nhà Lê, tài hoa văn học, sinh phải buổi giao thời nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn. Nghiệp nhà theo không được, chí hướng dành gác bên, sống nhờ nghề thuốc lý số thiên văn, nghề của nhà Nho bất đắc chí.

Còn cách trốn vào mơ vào mộng. Nhưng cái mộng Mai Đình này chẳng đi tới được cho đến cùng. Gặp người đẹp... rồi bỗng bừng tỉnh ! Chẳng được chung sống mối tình, chẳng có hay đúng hơn là chẳng dám nghĩ đến chuyện chỉ hòng se duyên. Phũ phàng khác chi thực tại thế hệ Huy Hổ đang sống.

Cái thực tại mà Chung Sơn cự sĩ Nguyễn Huy Vinh (1769 - 1818) người anh cùng cha khác mẹ – mẹ là chị ruột thân mẫu Nguyễn Huy Hổ, chính trên đường đi thăm ông anh này mà Huy Hổ có giặc mộng – đã thốn thúc lòng tự nhủ lòng trong bài *Hữu cảm* thuộc tập *Chung Sơn di cảo* cũng là mới được phát hiện :

*Nhớ tiên nhân ta xưa*

*Mà xấu hổ không biết nói cùng ai*

*Văn chương xuyên núi Đáu*

*Mực thuốc rùng Hàn thành khuôn mẫu*

*Nước Việt xứng đại khôi*

*Thiên triều khen tuấn kiệt*

....

*Thế sự như sóng đánh thuyền*

*Chảy xiết biết neo vào đâu ?*

*Ta cũng dành cúi ngửa*

....

(Úc tích ngã tiên nhân, Quý tần dũ thuỷ ngũ, Văn chương xuyến  
đầu son, Hán mặc thành cõi trũ, Ngã Việt xứng đai khôi, Thiên triều  
tiêu tuấn dự...Thế sự ba thượng chư, Duyên hồi đắc an trú, Ngã diệc  
nhậm đê ngang...)

**P**hát hiện ra tư liệu mới là nỗi vui đột xuất của nhà nghiên cứu. Cái duyên ấy thường chẳng phải do hú hoạ trên trời rơi xuống, mà là công khó kién nhẫn mày mò trên thực địa. Những công khó ấy, trong hiện tình đất nước thường thì chẳng được đề bù – dù là tinh thần hay vật chất – cho xứng đáng.

Thật đáng trân trọng những ai bền gan tiếp tục cái công việc lặn lội nghiên cứu bạc bẽo này. Vì, chính nhờ có tư liệu phát hiện đột xuất mà chuyện còn trong vòng giả thuyết, còn là “tương truyền”, trở thành sự kiện lịch sử dựa trên cứ liệu vững chắc.

Chính sự vững chắc, nghiêm chỉnh trong lý luận, trong tư liệu là một điều mà học phong ngày nay của chúng ta, trong cũng như ngoài nước, thường thiếu nghiêm trọng. Cho đến nỗi, mỗi khi cầm lên tay một bài báo hay một quyển sách có tham vọng là một công trình nghiên cứu, lòng không khỏi khắc khoải lo ngại gặp phải những chuyện chép đi chép lại của nhau đã đến thành nhảm chán cũ rích hoặc rơi vào những luận điệu có vẻ hào nhoáng bóng bẩy nhưng nhẹ thêch như lời ba hoa bàn suông.

Vì thiếu cơ sở cứ liệu xác đáng, vững chắc...

**Nguyễn Huy Hổ** với **Mai Đình Mộng Ký** của Lại Văn Hùng không mắc phải những tật nói trên. Tuy khiêm nhường nhưng nó là một quyển sách không thể thiếu trong các tủ sách đại học.

Nó cần thiết cho sinh viên, cho nhà nghiên cứu. Cho những ai muốn đào sâu các vấn đề lý thú mà Hoàng Xuân Hãn khơi lên khi ông phát hiện sự liên lạc giữa Hoa tiên, Đoạn Trường Tân Thanh và Mai Đình Mộng Ký trong bài *Nguồn gốc văn Kiều* đăng trong Thanh Nghị các số 29, 30, 31 và 32, 2 - 3, 1943. Để đi đến nhận định “... Nguyễn Du lúc thiếu thời, rất hay giao-du với văn sĩ Trường Lưu : ảnh hưởng của sự giao-du ấy rất lớn. Nay ta đọc Mai-đình mộng ký ta thấy cách dùng chữ đến cách đặt câu đều giống như trong Hoa-tiên và Kiều, ta phải xem ba áng văn ấy là của một phái, một nhà, truyền từ người nọ đến người kia, của Hồng-sơn văn phái” (Mai Đình Mộng Ký, nxb Sông Nhị, tr.15).

Các hội thảo nhân 200 năm mất của Nguyễn Huy Tự (30.1.1991) và 250 năm sinh của ông (2.4.1994) đã đào sâu xối thêm vấn đề. Ý kiến phát biểu trong hai cuộc hội thảo đã được Nguyễn Huệ Chi tóm thâu và thảo luận trong bài *Nguyễn Huy Tự Truyện Hoa tiên trong vùng văn hoá Trường Lưu và trong dòng truyện Nôm thế kỷ XVIII* (Tạp chí Văn học, số 7, 1994, Diễn đàn số 45, 1.95).

Và ta thấy hiện ra dòng văn Trường Lưu. Một dòng văn mà hầu hết các thế hệ tác giả đều có sáng tác lục bát. Từ Nguyễn Huy Oánh (1713 - 1789) với *Vịnh sứ Yên dài tổng ca*, Nguyễn Huy Quýnh (1734 - 1785) với *Thác lời người con gái phuường vải*, Nguyễn Huy Tự (1743 - 1790) với *truyện Hoa Tiên* rồi Nguyễn Huy Hổ với *Mai Đình mộng ký*.

Dòng văn này lại không thể tách rời với quá trình xây dựng và hình thành trung tâm học vấn tại Trường Lưu, một làng thuộc tỉnh Hà Tĩnh, mà chẳng mấy xa xưa gì cho lắm vào thế kỷ thứ XI, XII thời Đại Việt dấy thôi hãy còn là vùng đất mới.

Với trung tâm văn học Trường Lưu nổi lên hàng loạt vấn đề lý thú cho lịch sử văn hoá đất nước ta. Vấn đề ánh xạ của trung tâm trong vùng Nghệ An, Hà Tĩnh. Vấn đề những ảnh hưởng và trao đổi văn hoá của nó trong và ngoài nước : kinh đô Thăng Long, Trung Hoa...

Chồi văn hoá Trường Lưu này nở cũng là công lao người khởi đầu vun xới cho nó Nguyễn Huy Oánh nhìn xa thấy rộng. Ông đã không ngại xây dựng tại quê nhà một trường đại học theo chuẩn mực của văn hoá kinh đô Thăng Long. Có cơ sở in ấn bề thế. Có thư viện Phúc Giang chứa hàng vạn cuốn sách.

Với ông Trường Lưu trở nên một trung tâm văn hoá hoạt động đa dạng : là nơi đào tạo kẻ sĩ, nơi qua lại xưởng họa giữa những tao nhân mặc khách, nơi tổ chức hội hè trang nhã quy tụ những nhân vật trong cả nước. Và là lò tôi luyện cho văn hoá dân gian làng xã hoà với văn hoá bác học, nảy ra một hình thái văn học vượt luỹ tre làng xã đạt đến tầm vóc cả nước. Đó chẳng là một nét riêng tiềm tàng trong truyện Nôm hay sao ?

Những vấn đề lịch sử lý thú mà cũng là những bài học cho chúng ta ngày nay.

**Nguyễn Thắng**  
Paris tháng 11. 97

Tìm đọc

## Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

- Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
- Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,  
Garden Grove CA 92642, USA  
Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :  
M&Mme Lê Tất Luyện,  
15 Place Souham, F- 75013 Paris.  
Tel. 45 83 19 12

Đọc *Impostures intellectuelles*

# Tri thức bợm

Hàn Thuỷ

Lại Sokal, anh chàng khó chơi và khó nói. Lần trước là một sự diệu cợt độc địa, lần này là một bản cáo trạng nghiêm ngặt. Sau khi đăng bài báo dởm trên nguyệt san khoa học xã hội có tiếng *Social Text* (xem Sokal cá tháng tư, DĐ số 64), Alan Sokal đã cùng bạn đồng nghiệp Jean Bricmont (sau đây sẽ viết tắt là S&B) viết cuốn *Impostures intellectuelles*, do NXB Odile Jacob vừa phát hành, nguyên bản tiếng Pháp. Cả hai lần đều gây sóng gió trong môi trường trí thức Pháp.

Nhưng nếu lần trước khó nói vì phải giới thiệu một tài liệu không cần (thậm chí không thể) đọc, sự kiện nầm chính ở chỗ nó hoàn toàn vô nghĩa ; thì lần này làm sao nói về một quyển sách mà nếu bạn chưa đọc thì thực không thể tin. Vì một phần lớn nội dung cuốn sách “*Tri thức bợm*” này (dịch sát là “*Những sự bịa bợm tri thức*”) chủ yếu chứng minh rằng : có những người khác cũng dởm, nhưng họ không nói ra. Khổ nỗi, những người này gồm một số trí thức Pháp đương đại đang có ảnh hưởng mạnh trong giới trí thức phái tả tạm gọi là “hậu hiện đại” tại Mỹ : nhà phân tâm học Lacan, nhà lý luận văn học Julia Kristeva, nữ triết gia Luce Irigaray, nhà xã hội học Bruno Latour, các triết gia Jean Baudrillard, Gilles Deleuze và Félix Guattari, kiến trúc sư chuyển sang lý luận về xã hội hiện đại Paul Virilio.

S&B là một cáo trạng không nhân nhượng. Văn phong nghiêm chỉnh, chính xác như một báo cáo khoa học, thường khá khô khan tuy không khỏi có lúc diệu cợt, và chủ đề là : những đại trí thức nói trên khi bàn về khoa học thì một số rõ ràng là bịa dối, còn một số tội nhẹ hơn thì không hiểu gì về vấn đề khoa học mà họ đang sử dụng để rút ra những kết luận xã hội học hoặc nhân văn. Thế thôi, các tác giả rất cẩn thận nhắc đi nhắc lại rằng họ không có ý bàn về những chủ đề khác, có thể chính yếu hơn, của các tác giả trên. Thế nhưng dư luận xôn xao, và người điểm sách này cũng thú thật rất xôn xao. Một tác giả lớn (ít nhất là danh tiếng lớn, họ đều được liệt kê bởi nhiều nguồn khác nhau vào trong số vài chục nhà tư tưởng đáng kể của Âu tây, xem chú thích trang 13 của cuốn sách) có thể nào ẩn vội sao, dù là trong những chủ đề phụ ? Vì thế có nhiều phản ứng, trực tiếp hoặc gián tiếp, về phe bên này hoặc bên kia. Và kẻ viết bài này chỉ xin bạn tìm đọc S&B để có nhận định riêng trước khi phê phán ý của hắn, vì đã chót cưỡi lung cọp cho nên... phải thưa rằng : S&B hoàn toàn có lý, đọc đi đọc lại không thấy sai chỗ nào. Và khi đọc những bài trong báo chí tấn công S&B lại càng thấy thảm thương, có cái gì đang ruồng nát trong vương quốc của học thuật phương Tây. Còn thì, về những chủ đề chính của các tác giả trên, tệ hơn cả S&B, người viết bài này hoàn toàn dốt đặc.

Chỉ tiếc rằng S&B tự nó cũng là một minh chứng cho hiện tượng “hai văn hoá”, như bài hát của Juliette Gréco : (H.T. phỏng dịch) “*chim non nhỏ trên cành, cá xinh xinh dưới nước, đó tình yêu dịu dàng, nhưng biết làm sao được...*”. Viết bộc trực như S&B, A là A và B là B, thì thực quả là “mất đoàn kết” với những người đã quen một cách viết (lý luận ?) khác, trong đó các bút pháp gián tiếp như tỷ giá (*comparative*), ngụ ý (*parabole*), ẩn dụ (*métaphore*) được dùng thường xuyên. Những người ấy khi đọc S&B, nhất là khi bị chạm nọc, tất nhiên tìm cách đọc giữa những hàng chữ “*nó có dụng ý gì đây ?*”. Không, trong một bản báo cáo khoa học thì giữa những hàng chữ chỉ là... giấy trắng. Nhưng có thể có chăng một sự phê bình rất anh em, “*có lý có tình ?*” phải chăng truyền thống học thuật Tây Dương quá ư cứng rắn, luôn luôn là một sự đấu tranh tư tưởng không nhân nhượng, cả về hình thức ?

S&B đem từng người một ra đánh, đánh kỹ càng, đánh cẩn thận (xin hiểu cẩn thận trong nghĩa đen). Nhưng thôi không cần nhắc lại những gì đã viết trên giấy trắng mực đen, và lại tóm tắt tội danh của mỗi vị cũng khó và chẳng bổ ích gì. Theo thiển ý trong vụ việc này có ba loại vấn đề đáng chú ý hơn : 1) những hiện tượng xã hội (hay nhân chủng học ? của cái bộ lạc “*tri thức parisien ?*”) do sự kiện Sokal gây ra ; 2) do tầm quan trọng xã hội của nó, cần có sự giải thích khách quan cho hiện tượng mà S&B đánh giá rất nặng nề là “*tri thức bợm*”, vượt qua chủ quan của từng người trong cuộc ; và quan trọng nhất là 3) những vấn đề thực sự cơ bản liên quan tới khoa học luận và triết học đã làm đầu mối cho cuộc tranh cãi này. Những sợi chỉ đỏ xuyên qua cả ba loại vấn đề này là các khái niệm và ngôn từ rất thời thượng như : thuyết bất định (trong cơ học lượng tử), thuyết tương đối, thuyết hỗn loạn, định lý Godel...

## 1. Giường cao ngọn cờ xanh trắng đỏ

Dễ đề cập và ít quan trọng hơn cả nhưng lại chiếm nhiều chỗ nhất trên báo chí là những phản ứng ngoài da của trí thức Pháp (S&B chỉ mới xuất bản ở Pháp). Lá cờ xanh trắng đỏ, như những lá cờ lâu đời khác, đã bay trên nhiều trận địa vinh quang, và cũng nhiều khi không mấy vinh quang. Phất lên làm gì trên trận địa học thuật tư tưởng mà màu cờ đã trở thành rất phụ trong thời đại văn hoá toàn cầu hiện nay, đấu tranh tư tưởng chứ có phải giải bóng đá đâu ! Thế mà cơ khổ, hãy nghe Kristeva : “*...thông qua cá nhân tôi là cả nước Pháp ... chúng ta đang chứng kiến một sự bài Pháp (francophobie)*” (tuần san *Le Nouvel Observateur*, 25/9/97), còn về nội dung của sự vụ, không thấy nói gì ngoài “*...lúc (viết) ấy tôi mới 25 tuổi, lại đang bị cảm*”. Miễn bàn thêm.

Cũng như xin miễn bàn phản ứng tự vệ rất thừa và đáng ngạc nhiên của một người như Derrida (đại khái : nó không nghiêm chỉnh... nó có dám chửi tôi đâu, *Le Monde* 20/11/97). Đáng để ý hơn là những bào chữa cho việc dùng ngôn từ của khoa học như là những ẩn dụ, và những lời lẽ ám S&B là theo chủ nghĩa duy khoa học. Hy vọng đó cũng chỉ là những phản ứng nhất thời (có quyền nói thêm chăng là, do một tiềm thức bảo vệ đội bóng nhà xanh trắng đỏ nào đó ? Vì người đọc có quyền đọc giữa những hàng chữ khi mà luận cứ bỗng

nhiên quá yếu ớt từ những ngòi bút thành danh như Roger-Pol Droit, Bruno Latour, Jean-Marc Lévy-Leblond v.v.. Xin đóng ngoặc).

Trở lại chữ *métaphore*, ẩn dụ (theo nhiều từ điển Việt Nam) cả hai chữ đều rất đẹp, rất nhạc. Nhưng có lẽ chữ ẩn dụ (dẫn tới một cái gì không nói) không lột được hết nghĩa của chữ *métaphore*, theo từ điển Littré chữ này có hai gốc Hy lạp : *méta* là vượt ra ngoài và *phore* là mang, sau thành động từ *porter* của Pháp, *métaphore* mở và ẩn dụ kín. *Métaphore* là bút pháp quen thuộc của thơ, mà thơ thì vừa kín vừa mở nên dịch thế cũng không sao (nếu bạn đã xem phim *Người phát triển* về một mẫu đời Neruda thì chắc nhớ đoạn đối thoại về *métaphore*, rất hay). Nhớ lại câu ca dao “ *Quả cau nhỏ, cái vỏ xinh xinh, nay anh học gần, mai anh học xa...* ” Hay quả, vỏ quả cau xanh bóng gợi nhớ trầu cau của đám cưới Việt Nam, nhưng anh còn đi học, và mai anh đi học xa, chưa cưới nhau được, nỗi buồn man mác và hy vọng dịu dàng của người thiếu nữ. Tôi cảm thấy thế, bạn có thể cảm khác, đó là thơ, là *métaphore*, là ẩn dụ.

Người làm khoa học xã hội như Lacan, Baudrillard, vân vân, có quyền dùng ngôn ngữ của khoa học tự nhiên như là những *métaphore* để giúp độc giả của họ cảm nhận được những điều ngoài ngôn từ hay không ? Khoa học, tự nhiên hay xã hội, có những tiêu chuẩn trong sáng tối thiểu mà thơ không cần, tuy thế *métaphore* vẫn có đặc tính là bắt đầu từ một cái gì rất quen thuộc cụ thể, điều hoàn toàn xa lạ với những thuật ngữ khoa học mới. Xin nhấn mạnh chữ mới, khi những khái niệm khoa học đã trở thành rất quen thuộc thì tại sao không, nếu trực giác chấp nhận được ngay để cho tưởng tượng cất cánh, ai dã nói gì nhỉ ? về trái đất xanh như một quả cam. Tiếc cho Giordano Bruno, đã không bị thiêu nếu tòa án của giáo hội chấp nhận được rằng hình ảnh quả đất tròn là một *métaphore*.

Thật ra bảo rằng Lacan hay Baudrillard dùng *métaphore* chỉ là những lấp liếm kiểu bào chữa của một bà mènh phụ giàu có nhưng bị bắt quả tang đang ăn cắp vặt. Anh dùng chữ ấy tại sao tôi lại không có quyền dùng chữ ấy ? Vấn đề là dùng chữ trong khung cảnh nào, người làm khoa học dĩ nhiên khi thiếu chữ vẫn phải dùng ngôn ngữ thường ngày, nhưng luôn luôn định nghĩa rõ ràng, còn người lạm dụng ngôn từ thì ngược lại, luôn luôn tỏ ra rằng những chữ mình dùng xuất phát từ những khái niệm khoa học, mới. *Métaphore* là sự lấp liếm *a posteriori* (hậu nghiệm), không thể đúng vững, vì nếu bảo “ *tôi dùng cụm từ định lý Godel, như một métaphore* ”, thì có thể xin hỏi lại “ *nếu tôi dùng một cụm từ khác làm métaphore chẳng hạn < lạch cách lạch cách > thì hai trường hợp khác nhau chỗ nào ?* ”. Những trích dẫn về luận cứ loại này có thể đọc trong báo *Le Monde*, ngày 30/9/97, bài của Marion van Renterghem.

Của đáng tội người đồng minh nặng ký của S&B là Weinberg (giải Nobel vật lý) cũng có câu tuyên bố khá kỳ lạ, không giúp ích gì cho sự hoà đồng cần thiết giữa hai nền văn hoá (cũng vẫn dẫn trong bài báo trên). “ *Tôi có thể dành lòng chấp nhận người ta dùng lý thuyết tương đối của Einstein như là métaphore, như những áng mây trong thơ của Keats, nhưng tuyệt đối không có gì cho phép dùng nó để ảnh hưởng* ”

trên triết học ” (vẫn bài báo dẫn trên). Lạ thật, triết học trước và sau những Galilée, Newton, Darwin... là một thứ triết học muôn thửa ??? nếu thế thì để kiếp sau tôi sẽ đi học triết cũng vừa.

Trong bài này cũng trích dẫn một phản ứng của Jean Marc Lévy-Leblond : “ ...Nếu bảo là sai lầm thì phải nhận rằng những câu ấy thuộc vào loại những diễn từ để chứng minh (một cái gì). Đây không thuộc trường hợp ấy. Những “ sai lầm ” này thiên nhiều hơn về loại diễn tả quá đà không có gì quan trọng lắm ”. Đây là loại phản ứng khó hiểu nửa nạc nửa mỡ cần đọc giữa hai hàng chữ, nửa có vẻ khinh thị, vì có ý nghĩa gì thú diệu từ chẳng đúng chẳng sai ; nửa lại có vẻ bênh vực, có lẽ vẫn vai nhiều hơn, những bậc đại trí thức này. Nhân tiện xin giới thiệu cuốn sách mới ra (dạng bô túi) của Lévy-Leblond *La pierre de touche* (coll. folio, Gallimard 1996), có lẽ ông là nhà khoa học (cũng giáo sư vật lý học lý thuyết như S&B) có khả năng thấu tình đạt lý hơn S&B. Sách đọc rất dễ chịu, văn phong nhẹ nhàng mà sâu sắc. Xin đọc các chương *Sự hiểu biết hay quên* (Un savoir sans mémoire), *Dơi và cú* (La chauve-souris et la chouette) để so sánh với S&B. Theo người viết bài này thì mặc dù phong cách khác nhau nhận định của họ về sự tương đồng / khác biệt giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội căn bản như nhau. Nhất là chương *Ngôn ngữ kéo khoa học đi* (La langue tire la science) cho thấy quan điểm rất thận trọng và nhiều màu sắc của Lévy-Leblond về ngôn ngữ ; không như câu tuyên bố có vẻ dễ dãi trích dẫn ở trên.

Đến vấn đề thứ ba, S&B có phải là những người bênh vực một thứ chủ nghĩa duy khoa học đã lỗi thời ? Nhiều người phê phán S&B ở điểm này, trong cùng số báo *Le Monde* ngày 30/9/97 người ta được đọc Roger-Pol Droit đã sáng tạo cụm từ “ *sự phải đạo khoa học* (scientifiquement correct) ”, hàm ý một thái độ duy khoa học nghèo nàn áp đặt trên mọi vấn đề xã hội. Triết gia Alain Finkielkraut “ *gia sản của thế kỷ 20 bắt buộc chúng ta phải phê phán một số ảo tưởng của thế kỷ ánh sáng cũng như một niềm tin quá gay thơ về sự tiến bộ* ”. Latour : “ ...một quan niệm ngày càng sai lệch về khoa học ”. Gần đây (*Le Monde*, 20.11.97) giáo sư y khoa Max Dorra (cùng với luận điểm về *métaphore*) đã chỉ trích : “ ...sự bái vật hoá trong tính khoa học (la fétichisation de la scientificité) ”.

Theo ý chúng tôi thì việc S&B chỉ trích người khác thiếu khoa học không có nghĩa đối với họ khoa học là tất cả ; việc họ kêu gọi trở lại sự trong sáng của thế kỷ ánh sáng (Pháp) không có nghĩa họ giữ nguyên những ảo tưởng tất định tuyệt đối của thế kỷ này. Những chỉ trích dẫn trên đều hàm ý mở rộng quan điểm của S & B về phía những sai lầm ấu trĩ, quá hiển nhiên và ai cũng biết, do đó hoàn toàn thiếu căn cứ và không có tính thuyết phục.

Nhưng dù sao như vậy cũng đặt ra những vấn đề cơ bản. Thế nào là một thái độ khoa học đúng đắn trong khoa học tự nhiên và xã hội, cũng như trong xã hội nói chung. Tại sao có cuộc tranh luận hiện nay ? Nhưng đến đây đã quá dài. Xin để tiếp kỳ sau.

Hàn Thuỷ

# Nobel kinh tế 1997

Vũ Quang Việt

**H**ai nhà kinh tế Robert C. Merton, giáo sư Đại học Harvard và Myron S Scholes, giáo sư ưu tú Đại học Stanford vừa mới được trao giải thưởng Nobel về kinh tế do đã có công đưa ra công thức tính giá trị chính xác của hợp đồng về quyền mua hàng hoá hoặc công cụ tài chính trong tương lai (option contract). Rất tiếc Fisher Black, người viết chung với Scholes không được nhắc tên vì đã mất năm 1995. Theo quy định của giải thưởng, giải chỉ trao cho người còn sống. Bài của Black và Scholes viết chung đăng năm 1972, bài của Merton viết riêng đăng 1973, mặc dù họ đã hợp tác với nhau lúc còn ở Viện công nghệ Massachusetts. Công thức mà họ tìm ra đang được dùng phổ biến ở thị trường tài chính, và đã là yếu tố quan trọng trong việc phát triển rộng rãi thị trường về các loại công cụ tài chính được gọi là derivatives.

Để tìm hiểu thế nào là quyền mua hợp đồng, cần hiểu một số những công cụ tài chính cơ bản và lý do kinh tế nào đã làm cho những công cụ này tồn tại. Lấy một thí dụ đơn giản về một công ty nuôi bò. Với hoạt động này ở Mỹ, đầu vào quan trọng là bắp. Công ty cần có nguồn cung ứng bắp thường xuyên với giá ổn định để có thể lập kế hoạch sản xuất ổn định trong một thời kỳ nhất định. Nếu mua bắp từng ngày, từng tuần, công ty có thể sẽ phải mua bắp với giá thật cao khi xảy ra mất mùa. Và nếu không bán hết được bò do giá đầu vào quá cao, hoạt động của họ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Để ổn định sản xuất, người nuôi bò có thể mua bắp tồn kho từ sáu tháng đến một năm, hay thậm chí nhiều năm, nhưng làm như vậy, sẽ phải chi phí cao cho tồn kho và đóng băng tiền vốn bỏ ra để mua hàng tồn kho. Chính vì lý do này, người nuôi bò có thể ký hợp đồng mua trước (future contract) một lượng bắp nhất định, được giao ở một thời điểm nhất định với một giá nhất định. Đây là loại hợp đồng ràng buộc người mua và người bán.

Hợp đồng này sẽ trói chân người ký hợp đồng và có thể cản trở kinh doanh nếu người có hợp đồng không đem bán đi được. Chính vì vậy có nhu cầu thị trường mua bán loại hợp đồng này và do đó cần tính giá trị của nó.

Việc tính giá trị của loại hợp đồng (đã ký trước đây) khá đơn giản. Nó sẽ bằng giá trị cho đến thời điểm hiện nay (bằng cách chiết khấu theo lãi suất không có rủi ro – tức là lãi suất trái phiếu bộ Tài chính), sự khác biệt giữa giá hiện

nay trên thị trường của hàng hoá của hàng hoá đồng loại trên giao kèo và giá giao kèo ghi trên hợp đồng.

Giá trị này có thể âm hay dương. Hợp đồng mua trước có thể là hàng hoá, lãi suất vay tiền, ngoại hối... Mục đích chính là điều hoà may rủi trong sản xuất, kinh doanh cho nhiều người. Ở trường hợp người nuôi bò, họ cũng có thể mua hợp đồng bán trước bò. Như vậy trong thời gian hợp đồng mua (call) và bán (put), họ có thể yên tâm sản xuất.

Thị trường mua bán hợp đồng này được mở rộng hơn nhằm giảm thiểu thêm mức độ rủi ro trong sản xuất và kinh doanh bằng quyền mua và bán trước (option) hàng hoá và công cụ tài chính. Khác biệt giữa quyền mua bán trước và hợp đồng mua bán trước là với quyền mua hoặc bán, người có quyền có thể từ chối thực hiện quyền này nếu họ muốn mà không phải chi phí gì cả. Để cho loại công cụ này được sử dụng phổ biến, điều cần thiết là tính cho được một cách chính xác giá trị của loại quyền này. Trước khi Merton, Scholes và Black khám phá ra công thức tính, thị trường mua bán quyền mua và quyền bán này đã xuất hiện ở Anh, nhưng ở Mỹ thì chưa. Công thức này đã làm phát triển rộng rãi thị trường mua bán quyền mua bán này.

## Công thức quyền mua bán trước

$$C = SN(d) - Le^{-n}N(d - \delta\sqrt{t})$$

Công thức trên được đơn giản hóa tối đa. C là giá trị quyền mua bán ; L là giá trị hàng hoá hoặc công cụ tài chính theo như ghi trong hợp đồng ; S là giá trị của hàng hoá hoặc công cụ giống như trong hợp đồng ở thời điểm hiện tại trên thị trường, t là thời gian kể từ lúc tính tới lúc hợp đồng hết hạn ; δ là hệ số đo mức độ thay đổi của giá hàng trong hợp đồng ; d và N(d) là giá trị tổng hợp một số hệ số tùy thuộc vào phương trình xác suất của thay đổi giá ; r là hệ số chiết khấu, thường là lãi suất trái phiếu bộ Tài chính.

Công thức trên khá giống công thức tính giá trị hợp đồng mua trước. Nó là sự khác biệt giữa giá tương lai trên thị trường hiện nay và chi phí mua hàng theo hợp đồng (chiết khấu về giá hiện tại) nếu người có quyền thực hiện quyền của họ trong tương lai. Như vậy theo công thức trên, giá hợp đồng sẽ giảm đi nếu giá tương lai trong thị trường hiện nay xuống giá, hoặc thời gian kể từ lúc tính cho tới lúc hợp đồng đến hạn nhỏ đi, hoặc hệ số do thay đổi giá hàng tương lai nhỏ đi, hoặc hệ số chiết khấu nhỏ đi.

Lê Đạt

# FRANCOPOESIE

Pour prendre plus ample connaissance entre nous, permettez-moi de commencer par un très court poème qui, justement, a pour titre "Présentation" (\*):

*La T.G. Vie a brûlé une gare verte  
Un coin d'âge à jamais infantile dans l'attente du train  
Je cherche ma demeure  
De la maturité oubliant le chiffre.*

Un poète préfère toujours parler de ses souvenirs, de ses espérances personnelles qui, précisément, par leur caractère non général, émettent parfois plus d'informations que des exposés savantissimes bourrés de chiffres et statistiques.

Dans son livre sur *Les Cent Fleurs éclosent dans la nuit...*, Georges Boudarel a fait de louables efforts pour rendre compte du mouvement de renouveau culturel et de démocratisation dans les années 1956 au Vietnam, mais il a commis une regrettable erreur.

Après que le livre a été publié en France, j'ai eu la chance de rencontrer l'auteur à Hanoi, je lui ai dit : "Cher ami, je regrette, mais il faut le dire franchement, tu t'es trompé en écrivant que le mouvement Nhân Văn Giai Phâm était fortement influencé par les soi-disant Cent Fleurs chinoises pour la simple raison que le mouvement vietnamien avait vu le jour avant le chinois".

Trân Dân et moi, parmi les promoteurs du mouvement, ne savions rien des théoriciens *Cent Fleurs*. Peut-être Trân Dân a-t-il entendu parler d'eux dans un restaurant de soupe chinoise ou de canard laqué à Pékin

entre deux verres de Maodai. En revanche, tous les deux, nous sommes en familiarité de longue date avec les philosophes des Lumières.

Tout en souriant, j'ai fredonné pianissimo à l'intention de Georges Boudarel :

*La faute est à Voltaire  
La faute est à Rousseau.*

En ce temps-là, la francophonie était devenue presque inexistante au Vietnam (c'était après Diên Biên Phu). Le français devenait même une langue "suspecte". Et pourtant quelquechose dans la partie immergée de la banquise francophone, notamment sa culture, continuait à vivre sa vie susurrante d'eau souterraine.

Un second exemple.

Tout le monde sait que la poésie vit toujours un sort tragique de ghetto. Elle est entourée d'un système draconien de barrière douanière linguistique. Lire Mallarmé, Saint-John Perse, René Char, pour un lecteur vietnamien, est déjà presque un travail de Titan. Les traduire sans trahir frise l'impossible. Mais on ne peut pas dire qu'ils sont totalement absents du Vietnam à cause de la présence d'un petit nombre de poètes dont fait partie votre vieux serviteur, un silencophone invétéré qui est en train de parler peut-être à tort et à travers devant vous. C'est un peu comme la transmission par télépathie dans les phénomènes extra-sensoriels.

"Le français aujourd'hui au Vietnam, Fiction ou Réalité?", je vous laisse le soin de conclure car un poète matinal a l'habitude de l'inauguration plutôt que de conclusion.

Pour terminer, je veux profiter de cette faste occasion pour saluer un poète français d'origine belge, que je considère toujours comme un contemporain considérable, le regretté Henri Michaux.

(\*) Phát biểu tại Centre Wallonie-Bruxelles (Paris) ngày 16.10.97.

thơ haikâu

## ngó lời

### xông đất

Hoa dại sớm nhuỵ chờ ong khai mật  
Tình không người xông đất để sang xuân

### hở chiều

Thê Húc dáng cong bước chiều ký ức  
Trang mây bay Bút Tháp mực xanh ngày

### lạy trời

Yên lành xuân mắt nguồn xanh vẫn vụ  
Lạy trời em đừng họ với cơn dông.

### mưa mau

Hẹn cũ của rơi không người nhặt  
Tiền lẻ tình quá đát mưa mau

### hải ngoại

Giữa đôi ta cao áp tình giáp phố  
Sóng bạc nghìn trùng  
nhớ vỗ đại dương  
Chiều Hà Nội nỗi thổi buồn xa xứ  
Nhà cuối đường  
thu hải ngoại mù sương.

### MICHAUX

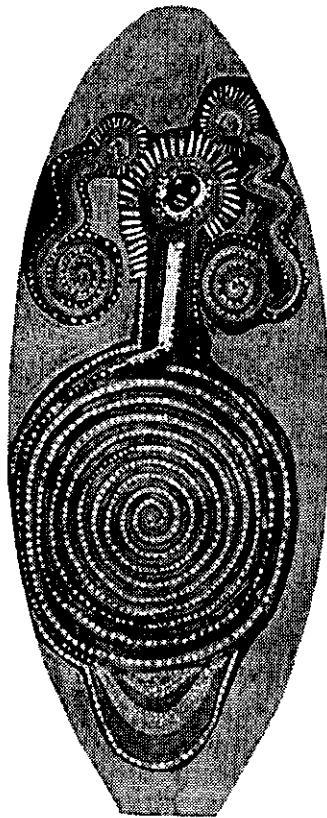
*Tôi là người của lần đầu*  
M.

Đầu địa cực  
mộng xách tay áo xứ  
Cao Biền lò nguyên sinh chữ thành nhân  
Tôn giáo trắng nguyên đường tân băng đảo  
Kinh bịa lời  
chim đổi đạo cầu xuân.

Lê Đạt

# Tranh thổ dân Úc (1)

Văn Ngọc



Simon NGUMBE, Python Arc-en-ciel et enfants, 1972

Sau tranh phù thê (Ukiyo-E) Nhật Bản, sau nghệ thuật điêu khắc của các dân tộc Phi châu, mà các nhà nghệ sĩ phương Tây đã "khám phá" và khai thác vào cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20 (2), nghệ thuật tranh thổ dân Úc và các đảo Đại Dương châu (3) là một khám phá mới có tầm cỡ.

Riêng về hội họa, hiện tượng một truyền thống tranh thổ dân có từ lâu đời (4) mà hiện vẫn đang nở rộ, phát triển trên hướng hiện đại hoá, thích nghi với những phương tiện kỹ thuật mới (sơn acrylique, khung vải, v.v...), và thu hút được sự chú ý của cộng đồng thế giới, là một hiện tượng độc đáo có một không hai.

Điều đáng chú ý ở đây, không phải chỉ là cái truyền thống nghệ thuật có chất lượng cao và có từ lâu đời ấy, mà còn là cái khả năng kế thừa của nó, do sức sống mãnh liệt và bền bỉ của một dân tộc, đã cho phép sự ra đời của một nền hội họa thổ dân hiện đại có giá trị nghệ thuật cao.

Người ta còn nhớ vào năm 1929, khi các nhà văn nghệ sĩ siêu thực đánh giá trình độ sáng tạo nghệ thuật của các dân tộc trên thế giới, họ vẫn chưa được biết đến nghệ thuật thổ dân ở Úc châu và ở các đảo Đại Dương châu. Điều này cũng dễ hiểu, khi người ta biết rằng người Anh đến xâm chiếm đất này từ cuối thế kỷ 18, và lúc đó, theo một vài nguồn tài liệu, thổ dân ở đây có khoảng một triệu người, vậy mà vùng đất này vẫn bị họ coi như đất trống (*terra nullius*), và trên thực tế

họ đã áp đặt ở đây một chế độ thuộc địa khát tàn nhẫn, coi rẻ phong tục, tín ngưỡng, văn hoá của dân bản xứ.

Mãi đến đầu thế kỷ 19, các nhà khảo cổ học và dân tộc học mới khám phá ra một số hiện vật có giá trị nghệ thuật.

Năm 1880, cuộc triển lãm nghệ thuật thổ dân đầu tiên mang tên *Bình minh của nghệ thuật* (Aurore de l'Art) được tổ chức tại thành phố Adelaide, gồm một số tranh vẽ thú vật trên giấy, với những nét hiện thực giống như trên các vách đá.

Một cuộc triển lãm khác mang tên *Nghệ thuật nguyên khai* (Art Primitif) được tổ chức vào năm 1929 tại viện bảo tàng Victoria. Tại đây, lần đầu tiên người ta được nhìn thấy những tranh vẽ trên vỏ cây.

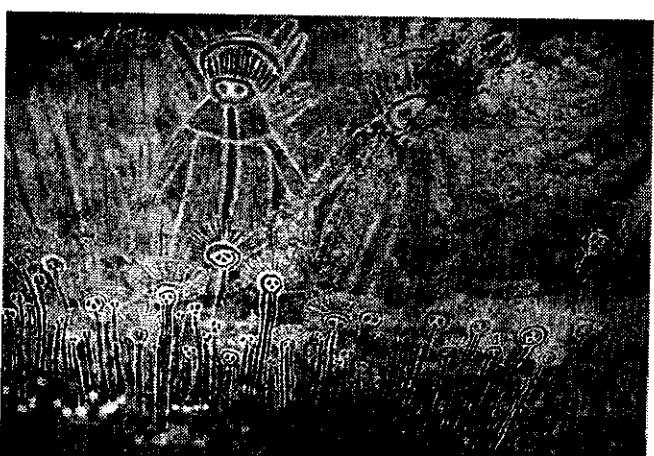
Năm 1941, một cuộc triển lãm lưu động mang tên *Nghệ thuật ở Úc châu 1788-1941* đã được đưa sang Hoa Kỳ và Canada.

Mãi đến năm 1957 mới có một cuộc triển lãm thật sự quy mô mang tên *Nghệ thuật ở vùng đất Arnhem* (ở cực Bắc Úc châu), trong đó tên tuổi, phong cách nghệ thuật, cũng như quê quán của mỗi nghệ sĩ thổ dân đều được giới thiệu rõ ràng.

Ở Pháp, cuộc triển lãm quan trọng đầu tiên đã được tổ chức vào năm 1983 tại Paris.

Sau đó, năm 1989 lại có một cuộc triển lãm khác mang tên *Magiciens de la terre* do Centre Pompidou tổ chức. Một bức tranh vẽ trên cát với diện tích 40 m<sup>2</sup> đã được thực hiện bởi nhiều họa sĩ thổ dân tại Halle de la Villette, Paris ( tranh thổ dân Úc vẽ trên đất, hoặc cát, tuy về mặt hình thức có hơi giống tranh thò Mandala của các nhà sư Phật giáo Tây Tạng, nhưng thực ra rất khác trên nhiều mặt. Trước hết, tranh thổ dân chỉ được tô màu ở trên bề mặt của đất, hoặc cát mà thôi, còn đồ hình Mandala được vẽ bằng cát nhuộm màu sắn từ trước và sau nghi lễ này, thì đồ hình bằng cát cũng được xoá đi ngay. Ngoài ra tranh thổ dân vẽ trên đất, hoặc cát thường có những kích thước rất đồ sộ, có khi hàng mấy chục thước vuông).

Hiện lúc này, ở Paris cũng đang có hai cuộc triển lãm lớn về nghệ thuật thổ dân Úc và các đảo Đại Dương châu được tổ chức tại Musée des Arts d'Afrique et d'Océanie từ 28-10-97 đến 2-02-98 và Parc de la Villette từ 26-11-97 đến 11-01-1998.



Thần chớp, tranh vẽ trên vách đá



Vô danh, *Mimi đâm con dai thử*, 1912

trong đời sống tâm linh của họ, nghệ thuật vẫn chiếm một địa vị quan trọng.

Đối với họ, nghệ thuật là sợi dây nối liền hiện tại với quá khứ, con người với tổ tiên, với thần linh. Nó phản ánh bản sắc của cá nhân họ cũng như của cộng đồng. Ngoài ra, và đây là một nét đặc thù trong tâm thức của người thổ dân Úc, nghệ thuật còn là một hình thức thể hiện sự gắn bó của họ với đất đai của tổ tiên, nhất là khi họ bị cướp mất đi cái đất đai đó, hoặc luôn luôn bị ép buộc phải di chuyển từ vùng đất này sang vùng đất khác (5).

Nghệ thuật hội họa đường như gắn liền mật thiết với bản năng sinh tồn, với một sự dấn thân thường trực nào đó.

Về về vùng đất đai quê hương của tổ tiên, thể hiện những truyền tích, truyền thuyết liên quan đến nguồn gốc của mình, trở thành một bốn phận đối với họ.

Hoạt động hội họa, dù cho là khắc lõi đá, lõi đất, cát, hay vẽ lên vỏ cây, tự bản thân nó, đối với họ, là một nghi lễ. Ý nghĩa sâu xa của nó là duy trì lấy đất đai quê hương, đồng thời duy trì lấy những giá trị tinh thần của cộng đồng.

Nhiều bức tranh thổ dân mang những cái tựa thoạt nghe rất thơ mộng : *Rêve du serpent*, *Rêve de la fourmi volante*, *Rêve de la graine*, *Rêve du feu*, *Rêve de l'eau*, v.v...Nhưng đấy là hiểu từ *Rêve* theo nghĩa thông thường. Từ *rêve* trong tiếng Pháp, hoặc từ *dreaming* trong tiếng Anh, thật ra đã được mượn của người Âu và được dùng ở đây không phải để chỉ giấc mơ, mà để chỉ một khái niệm triết lý trừu tượng hơn, phức tạp hơn và nhất là có tính chất thiêng liêng hơn. Gắn liền với từ này, còn có một từ khác : *Temps du rêve* (tiếng Pháp) và *Dream-time* (tiếng Anh). Thời gian ở đây không phải là thời gian lịch sử, mà bao trùm cả dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Nó như thể một cuộc hành trình trong ký ức.

Nếu chỉ căn cứ vào nội dung các bức tranh, thì người ta có thể nghĩ ngay đến những truyện tích thần thoại, truyền

Nhìn vào hiện tượng tranh thổ dân Úc xưa và nay, một trong những câu hỏi mà người ta có thể nêu lên là do những điều kiện nào mà những tộc người thường bị coi là nguyên khai này, đã có được cái nồng khiev “thiên bẩm” về hội họa và đã đạt được một trình độ nghệ thuật cao như thế?

Trên thực tế, từ những thời xa xưa, trong đời sống của những người thổ dân này, nhất là

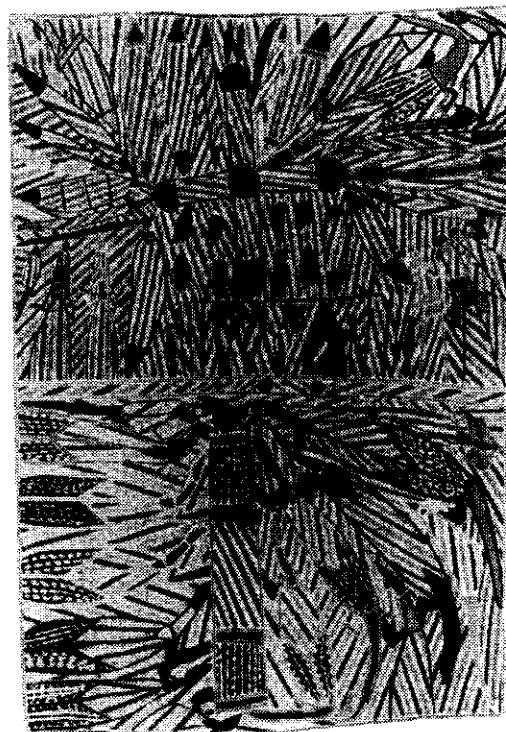
thuyết, hoặc truyện kể, v.v... Đại khái, đó là những chủ đề (sự kiện, nhân vật, phong cảnh) được thể hiện bởi những người nghệ sĩ thổ dân, với trí tưởng tượng giàu có của họ và với những hiểu biết về nội dung chủ đề cũng như về những quy ước diễn đạt do tiền nhân truyền lại.

Tranh thổ dân Úc, do có một nền tảng triết lý vững chãi và một truyền thống nghệ thuật dân gian giàu tính phổ biến và có từ lâu đời, lại luôn luôn phù hợp với nhu cầu tinh thần của cả một cộng đồng, nên nó đã có đầy đủ điều kiện để phát triển một cách liên tục cho đến ngày nay, để đạt tới một trình độ thẩm mỹ có thể so sánh với những trào lưu hội họa hiện đại nhất. Những bức tranh thổ dân đích thực của những nghệ sĩ có tên tuổi thường là những bức họa có chất lượng nghệ thuật cao, từ bố cục, hình thể, cho đến màu sắc và nhất là chúng luôn luôn giàu nhịp điệu.

Nhip điệu, dấu hiệu của sự sống, của bản năng sinh tồn, có lẽ là nhân tố nổi bật nhất trên những bức tranh này.

Từ nền tranh thổ dân truyền thống được vẽ trên đá, trên đất, cát, trên vỏ cây, trên thân mình người, trên các vật dụng, chủ yếu với nội dung tín ngưỡng sơ khai, sử dụng nhiều điển tích và thường được dùng trong việc thờ cúng hoặc hội hè, nền tranh thổ dân “hiện đại” ra đời vào những năm 60, đến nay đã được trên ba thập kỷ, chủ yếu vẫn dựa vào những chủ đề truyền thống, với nhiều điển tích, và tuy vẫn sử dụng những ký hiệu tượng trưng có tính cách ước lệ (6), song vẫn dành cho người nghệ nhân khá nhiều tự do trong hoạt động sáng tạo. Và mặc dầu vẫn duy trì những kỹ thuật cổ truyền (rất độc đáo) như cách chấm những nét chấm bằng que đầu tròn, song người nghệ sĩ thổ dân ngày nay đã thay thế vỏ cây bằng khung vải, dễ sử dụng hơn, và bột màu nội hoá giới hạn ở dăm ba màu, đã được thay thế bằng sơn acrylique với những màu sắc tươi sáng và phong phú hơn.

Điều đáng phục hơn cả là họ đã nghiêm nhiên bước vào



Peter BANDJULJUL, *Ancêtres créateurs Djang'kowu et l'iguane Gachalan*, 1972

thị trường tranh quốc tế bằng cửa lớn và nhập cuộc giao lưu văn hóa cùng thế giới ở một vị thế đáng kính nể.

Văn Ngọc

#### Tài liệu tham khảo :

- Wally Caruana, *L'Art des Aborigènes d'Australie*, Ed. Thames & Hudson, 1994.
- *Australian Aboriginal Paintings, Contemporary Coastal Art*, Pomcgranate Artbooks, San Francisco.

#### Chú thích :

(1) tranh thổ dân : peinture aborigène.

(2) Xem DĐ các số 51 và 59.

(3) Đại Dương châu : Océanie.

(4) Tranh thổ dân vẽ trên vách đá ở vùng đất Arnhem (Terre d'Arnhem) phía cực Bắc Úc châu có niên đại hơn 50 000 năm, nghĩa là trước cả những tranh vẽ trong động đá ở Altamira (Tây Ban Nha), và ở Lascaux (Pháp). Tranh vẽ trên các vách đá ở miền Nam Úc châu có niên đại 30 000 năm.

(5) Khái niệm *quê hương*, trong quan niệm thổ dân Úc, thường được hiểu với một nghĩa hẹp là vùng quê của họ, nơi họ gắn bó với thiên nhiên, với những phong tục tập quán của một cộng đồng nói cùng một thổ ngữ.

Thổ dân Úc gồm nhiều tộc người có thổ ngữ khác nhau (trước kia có tới trên 200 thổ ngữ, hiện nay còn khoảng 50), nhưng họ có cùng một cơ cấu tổ chức xã hội và có nhiều hình thức tín ngưỡng và hội hè giống nhau.

Do đó nghệ thuật của họ cũng rất phong phú đa dạng, mỗi địa phương có một sở trường, một phong cách riêng biệt, tùy theo điều kiện sống, làm việc, tùy theo điều kiện địa hình, địa lý, tùy theo tín ngưỡng, phong tục, v.v...

Vùng đất Arnhem, ở phía cực Bắc, là nơi các nghệ nhân vẽ với một gam đẽ tài phong phú, đi từ những truyện tích thần thoại đến những hình ảnh dùng cho việc thờ cúng. Ở đây, người ta chuyên vẽ trên vách đá và vỏ cây.



Abie JANGALA, *Rêve de l'eau*, 1987

Vùng sa mạc là nơi chuyên vẽ trên mặt cát, trên thân mình người và trên các vật dụng.

Vùng Kimberley, xứ sở của các tổ tiên Wandjina, nơi các nghệ nhân chuyên vẽ phong cảnh và các cuộc du hành trong truyền thuyết.

Vùng bắc Queensland và các đảo ở eo biển Torres là nơi nghệ thuật thổ dân có xu hướng mô tả.

Ngoài ra nghệ thuật thổ dân trong các đô thị cũng có những nét riêng biệt, và mặc dù gặp nhiều khó khăn do bị cắt đứt với những vùng quê gốc gác của mình, song các nghệ nhân ở đây đã có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của nghệ thuật thổ dân nói chung.

(6) Trong tranh thổ dân, các ký hiệu tượng trưng truyền thống thường đa nghĩa : hình vòng cung thường chỉ người phụ nữ ; hình tròn đồng tâm tượng trưng cho điểm lửa, hoặc giếng nước ; hình những đường dài uốn lượn song song tượng trưng cho nước, hoặc khói, v.v...



Susie BOOTJA BOOTJA NAPANGARTI, *Point d'eau de Kutai*, 1989

#### Triển lãm tranh thổ dân Úc và Đại Dương châu

#### Vanuatu Océanie

#### *Arts des Iles de Cendre et de Corail*

từ 28-10-97 đến 2-02-98

tại Musée des Arts d'Afrique et d'Océanie

293, Av. Daumesnil, 75012 Paris

Métro, Bus : Porte Dorée

#### Peintres aborigènes d'Australie

#### *Le rêve de la fourmi à miel*

từ 26-11-97 đến 11-01-98

tại Pavillon Paul Delouvrier

và Maison de la Villette

Parc de la Villette

211 Av. Jean Jaurès, 75019 Paris

Métro, Bus : Porte de Pantin, Porte de la Villette

# Tội ác và trừng phạt

truyện ngắn

Nguyễn Huy Thiệp

Cái đẹp sẽ cứu thế giới  
(F. M. Dostoevski)

## 1. Vào chuyện

Đã có nhiều bạn đọc đến với tôi, họ kể lể về cuộc đời, than phiền những điều bất hạnh trong số phận, mong muốn tôi viết "một cái gì đấy" về tội ác và trừng phạt. Mong muốn của họ chân thành và cảm động.

Trước mặt tôi là một cô gái 16 tuổi. Khuôn mặt cô danh lai, khắc khổ. Mái tóc đỏ quạch, rỗi bời. Cô nói bằng một giọng trầm, khô đặc hệt như đàn ông. Cô phạm một tội rất nặng.

Cô gái này ở cùng bố, một bà mẹ mù và ba đứa em ở vùng cao huyện M. Tây Bắc... Hồi đi dạy học, tôi đã có lần đặt chân lên vùng cao này. Nơi đây hết sức hoang vu. Để bỏ cái thư, người ta phải đi chừng 15 cây số mới tới bưu điện. Thỉnh thoảng (tức là phải đi khoảng ba tiếng đồng hồ), mới thấy cho vơ ở lưng chừng đồi mẩy nóc nhà người Xá. Nhà người Xá làm hơi giống nhà người Thái đen, nhưng không có "quản", không có "khau cút", đơn sơ như chòi canh nương. Tôi đã từng ngồi trên cầu thang một nhà như thế ăn cháo ngô. Dưới chân cầu thang những con lợn bẩn thỉu rúc mõm vào đám phân trâu ẩm uốt.

Cô gái 16 ngồi trước mặt tôi phạm tội giết bố và ba đứa em. Cô ta giết bố bằng rìu, khi ông ngủ say. Ông bố nằm ngủa, tay vắt lên trán. Cô gái đứng dạng hai chân, nâng rìu lên ngắm ngía, giống như ta lựa thế bồ cát :

– Ban đầu cháu định bồ vào mặt ông ta, nhưng cháu sợ luối rìu trượt theo sống mũi, không chết được. Ông ta rất khoẻ, đã từng tay không mà bắt được một con trăn lớn...

Cô gái cúi xuống, một tay chống rìu, còn tay kia nhấc tay ông bố đặt sang bên cạnh.

– Cháu nhầm vào giữa trán... cháu biết chỗ ấy có xương rất cứng, nên cháu lấy sức để bồ thật mạnh. Óc bắn lên tung toé như bã đậu...

Tôi đứng dậy đi ra ngoài trời. Tôi nhô lại màn sương mù xám bạc vẫn thấy ở vùng cao, thứ màu xám bạc ủ dột, nó làm thầm kinh bái hoải, vô vọng tội cùng.

Có lần, đấy là vào mùa hè năm 1978, tôi đi vào những rẽ đất hoang vu ở thượng nguồn sông Mã. Ở đây tưởng như sự sống đã rời bỏ nó hoàn toàn, thế mà vẫn thấy một, hai ngôi nhà người dân đã từng ngụ cư ở đây đến hai, ba đời. Tôi nói chuyện với họ, ngạc nhiên thấy những kỷ niệm từ đâu thế kỷ này vẫn còn nguyên vẹn. Những thông tin xã hội trong vài ba chục năm nay không đến được đây. Sự tối tăm về tinh thần của họ khiến tôi kinh hoàng.

Những người "hãy đi xa hơn nữa" trước đây là một số tội

đồ hoặc bị cảnh nghèo đói buộc phải tha hương. Lòng nghĩ ngò con người ở họ thật đáng sợ. Giao tiếp với xã hội bên ngoài được thông qua một số người nào đấy đã được thời gian bảo hiểm sự an toàn. Thường đấy là một số tay buôn vặt, buôn những mặt hàng nhu yếu phẩm như dầu, muối, kim, chỉ..., những thầy mo.

Những đứa trẻ, con của những tội đồ hoặc những người nghèo bị hắt hủi lớn lên trong mặc cảm về nhân cách, sống trong hoàn cảnh hết sức nhọc nhằn, bị bầu không khí ủ ê buồn bã của núi rừng làm mụ mị đi. Ta sẽ bất lực khi áp dụng những kinh nghiệm tâm lý của xã hội văn minh đối với họ. Họ không hiểu "các quan điểm chính trị" (!) của chúng ta, đã đành rồi. Họ cũng không biết cách chế biến món ăn sao cho ngọt miệng.

Dẫn tôi đi vào các bản người H'mông, người Xá, người Sán Dìu hồi ấy là một thanh niên vốn quê gốc ở Hưng Yên tên là Quản Văn Lan. Tên này về sau bị chết khi bọn buôn thuốc phiện thanh toán lẫn nhau. Họ Quản ở Hưng Yên tập trung thành vùng Phố Hiến là một thương cảng nhất nhì ở ta hồi mấy thế kỷ trước. Phần lớn các gia đình họ Quản vùng này đều khá giả, không hiểu vì sao một gia đình họ Quản lại phiêu bạt lạc đến vùng đất khỉ ho cò gáy này.

Quản Văn Lan có mẹ là người Xá. Hắn biết chừng ba chục từ tiếng Kinh và việc chuyện trò của chúng tôi quanh quẩn trong ba chục từ ấy. Lan trán thấp, môi dày, quai hàm bánh, hoàn toàn làm lì. Tôi không hiểu dưới vầng trán ngắn ngủi và bạt về phía thóp kia, hắn nghĩ gì. Không bao giờ Lan cười, hỏi gì thì lờ đi, gặng mãi mới bật ra một hai từ tối nghĩa. Hắn sống lười thỉu, chưa bao giờ đi xa khỏi nhà về phía "xuôi", mà chỉ "đi xa hơn nữa" về phía Tây, tức là về phía biên giới Thượng Lào và những núi tuyết ở Vân Nam, ở đấy có nhiều đắng sâm, ba kích, ấu tẩu, tam thất, thuốc phiện và tắc kè, toàn những vị thuốc quý hiếm.

Có lần, khi tôi ngủ thiếp đi ở giữa chòi canh nương, một phần vì quá mệt mỏi do chuyển đi vất vả, một phần nữa vì những mệt mỏi trong tâm hồn, khi choàng tỉnh dậy, tôi thấy Lan ngồi xổm bên tôi chăm chú nghiên ngắm ngía nghĩa. Thấy tôi mở mắt, hắn đứng dậy bỏ phắt ra ngoài. Tôi hết sức kinh hoàng và tôi chợt nghĩ rằng người ta hoàn toàn có thể giết người chỉ vì do buồn chán, giết người để "thoả chí tờ mò", để "nghiên cứu". Ta thấy có em bé bị mẹ nhốt trong nhà đã tháo tung một cái "ti-vi" mới nguyên chỉ để xem trong ấy có người hay không? Em bé không hề có động cơ "phá hoại" hoặc "phản động".

Lần ấy, tôi đã kiên quyết bỏ dở chuyến đi phiêu lưu sang Thái Lan. Người dẫn đường lầm lì của tôi có thể thịt tôi như bốn vì tôi nhận ra ở hắn khát vọng khốn nạn là muốn "xem tâm hồn thằng chó này có gì". Nhân đây tôi cũng muốn nói rằng ở ngay Hà Nội, tôi cũng đã thấy những tên Quản Văn Lan như vậy, mặc "com-lê" hắt hủi chứ không đóng khố cởi truồng muốn thịt tôi để xem tâm hồn tôi có thật "nhà văn" hay không? Stendhal đã nói rất đúng rằng khi người ta không có gì để nhìn vào lòng mình thì họ sẽ nhòm vào tâm hồn người khác.

Cô gái mà tôi nhắc đến ở đầu bài viết này không phải là người không có tâm hồn.

Tôi còn nhớ ở miền núi, người ta đã giết chết những con gà rồi buộc cao lên sào chỉ vì con gà ấy phá hoại vườn rau.

Ở Quỳnh Nhai, phía tâng ngạn sông Đà, cũng chỉ vì một con gà bị giết như thế, một người tên là Phúc đã cầm dao nhọn đâm chết hai mẹ con người hàng xóm. Tôi đã nói chuyện với tên Phúc này. Trông hắn hiền lành, lù đù hệt như ông từ giũ đèn. Hắn không biết chữ, suốt từ bé đến lớn chỉ làm mỗi một việc chặt nứa thuê cho bọn buôn bে. Khi hỏi vì sao hắn đã giết người, hắn nghĩ ngợi một chút rồi bảo : “ Dao vừa mới mài xong ”.

Ở Thanh Hoá vài ba năm trước đây đã có một vụ con trai dùng cuốc bỗ vào gáy bố để ra hắn. Hắn đã róc thịt ông cụ ra để nấu cám lợn, còn xương thì vứt xuống sông.

Ở Hà Nội, cũng đã từng xảy ra một vụ người chết bị chặt ra từng đoạn và thủ phạm quăng xác người chết ra nhiều nơi. Song, những bi kịch dân tối cái chết ở các vùng thành phố khác với những bi kịch ở vùng hoang dã.

Khi xem các thống kê tội phạm, người ta dễ nhận thấy người có trình độ văn hoá thấp chiếm tỷ lệ cao. Đời sống tinh thần tối cùng với hoàn cảnh quẫn bách vật chất tạo ra tội ác.

Có lẽ cũng cần kể đến tình trạng ngồi lê đôi mách ở các bà và một số các ông. Đây cũng là một thứ mông muội tinh thần, dẫu nó không dẫn đến tội ác, nhưng quả thật nó cũng bẩn thỉu.

Chúng ta đang sống trong một đất nước mà bi kịch ở con người chủ yếu do khát vọng về miếng ăn và nhà ở gây ra. Đây là thứ bi kịch thảm hại nhất trong các bi kịch. Có người lưu ý tôi về bi kịch khát vọng dân chủ, bi kịch tôn giáo và nhiều thứ khác nhưng tôi thấy khả nghi. Tôi đã xem các thống kê về người tự tử, số người chết về miếng ăn và nhà ở chiếm tới 80 %. Tôi chưa thấy có nhà chính trị hay nhà trí thức nào tự tử vì để bảo vệ lý tưởng cá nhân của mình.

Như vậy, sự mông muội tinh thần có cả ở những vùng đất xa xôi lẩn ở thành thị. Tôi ác sẽ trả nên hết sức man rợ bởi sự mông muội tinh thần đó.

Đã dành những tội ác nảy sinh từ sự mông muội tinh thần, nhưng chúng ta cũng có thể mô tả nó như kết quả của những thèm khát muôn thay đổi, muôn đổi mới hoàn toàn cảnh sống theo xu hướng xấu đi.

Những kẻ giết người thật thà nhất không bao giờ lý giải được vì sao chúng lại giết người. “ Tôi không hiểu... Tôi cũng không biết vì sao như thế... Có cái gì buộc tôi như thế... ”.

Cô gái 16 tuổi phạm tội giết bố và ba đứa em ở đầu tiên truyện này cũng đã nói với tôi như vậy.

Bọn giết người ở thành phố, ở những “ hoàn cảnh văn minh ” trả lời động cơ giết người rõ ràng hơn, cụ thể hơn nhưng chính vì thế lại vô lý hơn : “ Vì nó chửi tôi... Nó cướp miếng ăn của tôi... Nó đố đầu định đốt nhà tôi... ”. Những tên cao thủ hon bợn giết người trả lời về động cơ giết người đơn giản và khá tàn nhẫn : “ Tôi cần tiền ”. Khi tôi phân tích cho chúng người ta hoàn toàn có thể kiểm được tiền triệu bằng các phương pháp “ diễn biến hòa bình ”, không chết người mà vẫn có văn hoá cao, chúng hiểu ra ngay rằng chúng ngu độn. Một tên xỏ lá nhất trong bọn nháy mắt hỏi tôi : “ Ông có thể không ? ”. Tôi giải thích cho hắn rằng tôi là nhà văn,

rằng tôi không có khả năng và phương tiện hành động như thế, hơn nữa tôi không bao giờ làm như thế. Hắn nhẹ răng cười, vỗ vai tôi theo kiểu các vị tướng vỗ vai anh binh nhất : “ Hiểu rồi ! Sẽ khổ cả đời thôi, con ạ ! ”.

Trong một chuyến đi về nông thôn cách đây không lâu, tôi hết sức ngạc nhiên vì ở một huyện lị trung du hẻo lánh có khoảng ba chục ngôi nhà xây cất tạm bợ mà có tới gần chục điểm giải khát ăn uống, trong đó có ba điểm trá hình buôn bán gái mại dâm. Các cô gái điểm là dân nhà quê mà khách làng chơi cũng là dân nhà quê nốt. Tôi đã thấy một tay chơi mặc quần ta (dân miền Nam gọi là quần bà ba), áo sơ mi trắng, hút thuốc lá cuộn, đi đứng như thằng sa đì, đi chơi gái với năm nghìn đồng trong túi.

Thời thơ ấu, tôi đã từng ở một huyện lị trung du và tôi đã từng thăm thia “ nỗi buồn trung du ”. Một sự kiện nhỏ xảy ra có thể khiến người ta bàn tán hàng tháng trời. Người dân ở đây thuộc từng nốt ruồi trên mặt nhau. Một cô gái chửa hoang thời ấy có thể làm sôi sục cả một huyện lị. Một gánh xiếc rong đi qua sẽ làm bọn trẻ con ốm hàng năm ròng. Thế mà bây giờ dân ở phố huyện ấy không còn thứ cảm xúc kia nữa. Tôi ác trống trợn và tàn nhẫn được coi như chuyện bình thường.

Ở Hà Nội, tôi biết một cô gái tên là Q. Cha cô nhiều người biết tiếng, ông mất cách đây ít năm. Ông có óc thẩm mĩ, ưa hài hước và niềm say mê thiên nhiên của ông khá mãnh liệt. Tôi quý ông, chính vì thế nên mới để ý theo dõi số phận cô ta. Q. lớn lên, đi học, tốt nghiệp trường Đại học danh tiếng, nói thạo tiếng Anh, tiếng Nga. Cô từng tham gia một ban kịch, từng đóng phim. Q. có những phẩm chất và nhiều điều kiện để trở thành một phụ nữ danh vọng, có tài sản cùng hạnh phúc. Song, sự buông thả bản tính, và sự lơi lỏng ý thức hướng thiện đã biến Q. thành một con diem thương lưu. Trong tâm hồn cô, mất dần đi sự thông cảm với người bình dân, mất cả khả năng xét đoán nội tâm chính mình và người khác. Hành động của Q. không gây tội ác nhưng sẽ để ra những đứa con hoang tinh thần.

Tôi có thể kể ra những tội ác bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau nữa. Sự ghen tuông, tính đố kị, mê tín dị đoan, v.v...

Cải tạo đời sống mông muội về vật chất và tinh thần, luôn đề cao ý thức hướng thiện, đấy chính là con đường, là Đạo. Khi tôi hỏi cô gái 16 tuổi phạm tội giết người có biết gì về tình yêu hay không, cô ta nói là không biết.

Tội ác không bao giờ biết đến tình yêu.

Tội ác sinh ra tội ác. Ngay từ xưa người ta đã nói : “ Ác giả ác báo, hại nhân nhân hại ”. Tội ác cứ nhân thêm. Và đến lúc nào đấy, sẽ bốc lửa. Sự trùng phạt sẽ đến. Sẽ đến ngày phán xử cuối cùng.

## 2. Câu chuyện

Cô gái tên là X., 16 tuổi, ở với bố, một bà mẹ mù và ba đứa em. Ngôi nhà của họ biệt lập trên một quả đồi vùng cao huyện M. Tây Bắc.

Một lần đi đường, ông bố không kìm được thú tính đã hiếp X. Cô gái phẫn uất, dùng rìu giết chết ông bố, sau đó quay về khoá cửa lại đốt nhà. Ba đứa em cô bị thiêu sống. Bà mẹ mù

đi hái lá thuốc thoát chết. Cô gái ra đầu thú, ít lâu sau treo cổ tự tử trong nhà giam.

### 3. Đoạn kết

Cô gái phạm tội giết người trước hôm chết ít hôm có nói với tôi : “ *Chú ơi, cháu có chết cũng chẳng ai thương. Cháu xin chú hai việc, cháu mua cho cháu một vòng hoa, cháu đọc cho cháu một bài kinh sám hối. Cháu muốn được chết như mọi người. Xuống âm phủ, cháu chẳng quên ơn, cháu sẽ phù hộ cho chú suốt đời* ”. Tôi đã nhận lời.

Tôi đã đọc bài kinh ấy bên mộ cô gái. Tôi cũng đã đọc bài tụng “ vô tuồng ” của Lục tổ Huệ Năng cho chính bản thân mình nữa, cũng là để cho bạn đọc đã bớt chút thời giờ đọc thiền truyện buồn tẻ này của tôi.

Bài tụng như sau :

*Thuyết thông với tâm thông  
Mặt trời chốn hư không  
Diệu pháp giúp thấy tính  
Ra đời dẹp tà tông*

*Pháp vốn không lâu chóng  
Mê linh có chậm nhanh  
Nhưng pháp môn kiến tính  
Phàm phu chẳng hiểu rành*

*Thuyết pháp dấu muôn cách  
Quy một lại chẳng ngoài  
Nhà âm u phiền não  
Vãng tuệ nhật sáng soi*

*Nghĩ tà, phiền não đến  
Nghĩ chính, phiền nào trù  
Chính tà đều chẳng thiết  
Thanh tịnh đến vô cùng*

*Bồ đề chân giác ngộ  
Tham cầu là hư không  
Tinh ngay trong vọng tâm  
Chính niệm hết ba chướng*

*Người đời tu đạo Phật  
Pháp môn chẳng ngại đường  
Thường tự mình xét lỗi  
Tức cũng Phật một đường*

*Sắc thân tuy khắc loại  
Tự tu chẳng trái nhau  
Lìa đạo mà cầu đạo  
Suốt đời chẳng thấy đâu*

*Gió bụi bôn ba mãi  
Chỉ chuốc toàn buồn não  
Muốn thấy đạo chân thực  
Ngay chính : ấy đạo màu*

*Không có lòng cầu đạo  
Mò mẫm chẳng tối noi*

*Người tu đạo chân chính  
Chẳng trách lỗi người đời*

*Thấy người khác có lỗi  
Tự trách đường lỗi mình  
Người sai ta chẳng chê  
Ta sai tự trách mình*

*Phải bỏ ý chê bai  
Phiền não trừ hết thảy  
Yêu ghét chẳng để tâm  
Khổngh chân nằm thoái mái*

*Muốn giáo hoá người đời  
Phải tự có phương tiện  
Chờ để họ sinh ngờ  
Tự tính liền biểu hiện*

*Phép Phật ở thế gian  
Vì thế gian giác ngộ  
Lìa thế gian cầu đạo  
Tìm sừng thỏ khác nào*

*Chính kiến là xuất thế  
Tà kiến ấy thế gian  
Chính tà đều quét sạch  
Tinh Bồ đề huy hoàng*

*Tung này phép Đốn giáo  
Gọi tên Đại Pháp thuyền  
Mê thi chìm kiếp kiếp  
Tỉnh chỉ một chớp sao !*

Ý nghĩa của bài tụng cầu cho người viết sách (nhà văn) và người đọc sách. Giác ngộ đến mức nào là ngoài sự kiểm soát của tôi.

**Nguyễn Huy Thiệp**  
*(Như những ngọn gió,*  
tuyển tập truyện ngắn và kịch,  
NXB Văn Học 1997)

### DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ♦ Imprimé par nos soins  
Dépôt Légal : 178/91 ♦ Commission Paritaire : AS 7 324 ♦ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :  
BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)  
Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :  
diendan\_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :  
Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG  
Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3  
Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)